

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGUYỄN VỌNG BỔ SUNG LẦN 1 (NGUYỄN VỌNG 2)
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI, TRỤ SỞ 43 TRẦN DUY HÙNG - HÀ NỘI**

(Đến hết ngày 29/8/2013)

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1	28	01	LPH . D1 12703	Dương Thị Như Quỳnh	220694	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340301	0425	0275	0700	1400	Kế toán
2	28	01	HTC . D1 7964	Nguyễn Thuỳ Dung	061194	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0425	0700	1700	Kế toán
3		32	QHX . D1 3106	Đỗ Thuỳ Linh	301095	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0600	0750	0200	1550	Kế toán
4	28	95	TGC . D1 7626	Lê Thị Sâm	150895	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0525	0400	0500	1450	Kế toán
5	17	24	TGC . D1 8809	Nguyễn Thị Thanh Hà	170995	1	Quảng Ninh		2	17	03	D340301	0750	0325	0550	1650	Kế toán
6	22	49	NHF . D1 4766	Phạm Diệu Linh	010695	1	Hưng Yên		2NT	22		D340301	0800	0250	0475	1550	Kế toán
7	29	70	TDV . A 5311	Lê Thị Hằng Nga	250194	1	Nghệ An		2NT	29	14	D340301	0500	0575	0475	1550	Kế toán
8	28	73	LDA . D1 24721	Nguyễn Thị Thuỳ	140495	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0450	0350	0600	1400	Kế toán
9	21	14	NHH . A 4237	Đoàn Thanh Thủy	210495	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0650	0550	0525	1750	Kế toán
10	1A	78	DDL . D1 12604	Lê Thị Bảo Yến	160295	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0450	0650	0375	1500	Kế toán
11	28	31	KHA . D1 4880	Bùi Thị Linh Tâm	081195	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0775	0400	0750	1950	Kế toán
12	1B	32	NHF . D1 5201	Dương Thanh Mai	301295	1	Hà nội		2NT	1B		D340301	0750	0325	0500	1600	Kế toán
13	1A	00	NHF . D1 5778	Nguyễn Thị Thu Ngân	300695	1	Hà nội		3	1A		D340301	0650	0600	0750	2000	Kế toán
14	17	10	SP2 . A 81	Trần Thị Ngọc Anh	281295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0400	0600	0700	1700	Kế toán
15	99	99	TDV . D1 19775	Thái Thị Lụa	170894	1	Hà Tĩnh		1	30	03	D340301	0675	0225	0500	1400	Kế toán
16	19	21	DMT . A 7530	Hà Thị Thuỳ	120295	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0575	0550	0550	1700	Kế toán
17	28	90	TMA . D1 20417	Mai Thị Bình	190595	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340301	0500	0450	0750	1700	Kế toán
18	99	99	DNV . D1 8310	Phạm Thị Mơ	210395	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340301	0475	0300	0750	1550	Kế toán
19	03	42	DMT . A 9693	Nguyễn Thị Phương	230995	1	Hải Phòng		2	03	08	D340301	0400	0600	0600	1600	Kế toán
20	24	35	NHF . D1 6344	Phạm Thị Tuyết Nhung	120795	1	Hà Nam		1	24		D340301	0600	0625	0625	1850	Kế toán
21	19	24	NNH . A 4889	Nguyễn Thị Hồng	270595	1	Bắc Ninh		2NT	19	01	D340301	0525	0525	0275	1350	Kế toán
22	26	18	TMA . A 10885	Phạm Thị Thúy	150795	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0500	0350	0525	1400	Kế toán
23	27	13	LPH . A 4747	Đào Thị Nhung	011095	1	Ninh Bình		2	27	05	D340301	0575	0675	0775	2050	Kế toán
24	21	32	NHF . A 132	Vũ Thị Cúc	310595	1	Hải Dương		2NT	21		D340301	0425	0475	0525	1450	Kế toán
25	18	24	NHH . A 4449	Dương Thị Huyền Trang	300395	1	Bắc Giang		1	18	06	D340301	0550	0625	0450	1650	Kế toán
26	30	07	TMA . A 16222	Nguyễn Thị Hà	020595	1	Hà Tĩnh		2NT	30	09	D340301	0575	0475	0475	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
27		01	SPS . D1 23626	Đinh Thị Thu Hu	130494	1	Nghệ An	06	2	29	01	D340301	0500	0300	0550	1350	Kế toán
28	1A	13	TGC . D1 6423	Trần Mỹ Linh	070195	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0675	0525	0550	1750	Kế toán
29	1A	13	SPH . A 1643	Bùi Thu Trang	011295	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0625	0525	0775	1950	Kế toán
30	18	10	DCN . A 9207	Thân Mạnh Dũng	300895	0	Bắc Giang		1	18	10	D340301	0200	0500	0750	1450	Kế toán
31	29	62	TDV . D1 20543	Thái Thị Minh Thảo	020995	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340301	0600	0350	0425	1400	Kế toán
32	1B	28	TMA . D1 24564	Trần Thị Thanh Tuyên	300695	1	Hà nội	06	2NT	1B	20	D340301	0500	0200	0500	1200	Kế toán
33	21	30	TMA . A 10445	Phạm Thị Thơm	300795	1	Hải Dương		2NT	21	06	D340301	0625	0525	0450	1600	Kế toán
34	03	50	HHH . A 6828	Vũ Thị Nga	240595	1	Hải Phòng		2	03	09	D340301	0400	0550	0450	1400	Kế toán
35		26	QHS . A 5648	Bùi Thị Mai	130195	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340301	0475	0425	0525	1450	Kế toán
36	19	11	SP2 . A 2765	Nguyễn Thị Nhã	190795	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0500	0625	0600	1750	Kế toán
37	19	11	DTS . A 5388	Nguyễn Thị Hồng	060895	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0450	0350	0525	1350	Kế toán
38	28	59	NHH . A 2550	Trần Khánh Linh	010995	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0425	0550	0625	1600	Kế toán
39	08	16	DMT . A 3207	Trần Khánh Huyền	230295	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0450	0475	0450	1400	Kế toán
40	15	03	BVH . A 769	Đỗ Thùy Dương	100495	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0400	0550	0550	1500	Kế toán
41	26	00	NHF . D1 2673	Hoàng Thanh Hằng	081294	1	Thái Bình		2NT	26		D340301	0500	0400	0525	1450	Kế toán
42	17	04	LDA . D1 26442	Nguyễn Thu Hường	160295	1	Quảng Ninh	06	2	17	01	D340301	0550	0375	0650	1600	Kế toán
43	21	35	LDA . A 1562	Vũ Thị Thuý Hiền	250195	1	Hải Dương		2NT	21	07	D340301	0375	0650	0450	1500	Kế toán
44	99	99	TMA . D1 23945	Lê Thị Thu	060594	1	Thanh Hoá		2NT	28	17	D340301	0525	0325	0800	1650	Kế toán
45	28	29	KHA . D1 1989	Ninh Thị Hoa	310795	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0650	0625	0600	1900	Kế toán
46	28	30	NHH . A 4226	Nguyễn Thị Thủy	260895	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0400	0450	0475	1350	Kế toán
47	28	01	DCN . A 18134	Lê Thị Huệ	230194	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0625	0525	0350	1500	Kế toán
48	1B	32	LDA . A 4533	Dương Thị Thuý	270895	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0550	0400	0550	1500	Kế toán
49		31	QHY . A 7490	Đỗ Thị Như Quỳnh	191295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0500	0450	0600	1550	Kế toán
50	27	27	PCH . A 1397	Nguyễn Thị Hằng	091294	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0775	0475	0625	1900	Kế toán
51	27	62	KTA . A 3844	Phạm Thị Ngọc Hà	060795	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0500	0300	0650	1450	Kế toán
52	28	29	NHF . D1 825	Nguyễn Minh Anh	051295	1	Thanh Hoá	01	2	28		D340301	0750	0700	0425	1900	Kế toán
53	09	10	GHA . A 9688	Nguyễn Hà Trang	100695	1	Tuyên Quang		1	09	01	D340301	0500	0450	0550	1500	Kế toán
54	17	14	YPB . A 322	Hoàng Thị Thu Hà	140695	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0525	0600	0625	1750	Kế toán
55	1A	78	GHA . A 7125	Bùi Duy Phong	260195	0	Hà nội		2	1A	13	D340301	0550	0575	0475	1600	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
56	17	18	VHH . D1 4971	Cao Thế Anh	221195	0	Quảng Ninh		1	17	02	D340301	0300	0400	0650	1350	Kế toán
57	1A	68	LDA . D1 18190	Nguyễn Thị Phương Anh	100695	1	Hà nội		2	1A	09	D340301	0675	0425	0550	1650	Kế toán
58	28	63	DDL . A 6410	Đỗ Thị Thủy	220695	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340301	0475	0425	0725	1650	Kế toán
59	21	34	LPH . A 3666	Nguyễn Thị Thư	030295	1	Hải Dương		2NT	21	08	D340301	0600	0600	0625	1850	Kế toán
60		32	QHT . A 1370	Nguyễn Thị Dung	250295	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0275	0525	0550	1350	Kế toán
61	17	14	DCN . D1 112	Phạm Thị Hà	121194	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0675	0400	0500	1600	Kế toán
62	03	00	HCB . A 1627	Nguyễn Thu Thủy	110195	1	Hải Phòng		3	03	03	D340301	0500	0450	0600	1550	Kế toán
63	28	73	DCN . A 14649	Nguyễn Thị Hằng	100595	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340301	0600	0275	0700	1600	Kế toán
64	17	15	DCN . D1 368	Đỗ Thị Thảo	281094	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0625	0300	0400	1350	Kế toán
65	10	17	LPH . D1 11770	Mông Thị Khánh Ly	020995	1	Lạng Sơn	01	1	10	04	D340301	0425	0450	0550	1450	Kế toán
66	21	24	BKA . A 4836	Lê Thị Huế	041195	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340301	0550	0650	0525	1750	Kế toán
67	22	17	TMA . A 9294	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	171195	1	Hưng Yên		2NT	22	02	D340301	0600	0525	0375	1500	Kế toán
68	1B	38	LDA . A 5161	Trần Thị Hồng Tuyền	090395	1	Hà nội		2NT	1B	22	D340301	0475	0375	0550	1400	Kế toán
69	62	02	BKA . A 670	Trần Việt Anh	260895	0	Điện Biên		1	62	01	D340301	0525	0650	0650	1850	Kế toán
70	17	07	TMA . A 14559	Bùi Thị Bích Ngọc	281295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0475	0575	0475	1550	Kế toán
71	25	07	DCN . D1 9699	Bùi Thị Phương Thảo	120995	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0600	0350	0375	1350	Kế toán
72	24	12	VHH . D1 3865	Nguyễn Thảo Ly	310595	1	Hà Nam		2	24	05	D340301	0400	0425	0650	1500	Kế toán
73	11	09	LDA . A 201	Nguyễn Tuấn Anh	170595	0	Bắc Cạn		1	11	01	D340301	0200	0500	0600	1300	Kế toán
74		06	QHE . A 10191	Vũ Thị Uyên	100394	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0300	0550	0575	1450	Kế toán
75	1B	42	LPH . A 1055	Lê Thị út	160695	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0525	0525	0750	1800	Kế toán
76	1B	69	TMA . A 2751	Phạm Thị Thúy Hà	020995	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340301	0675	0475	0550	1700	Kế toán
77	1A	20	NHF . D1 4028	Phạm Minh Kiều	061195	1	Hà nội		3	1B		D340301	0600	0650	0300	1550	Kế toán
78	03	48	DCN . D1 295	Phạm Thị Nhung	241095	1	Hải Phòng		2	03	09	D340301	0600	0325	0500	1450	Kế toán
79	24	51	LPH . A 4113	Nguyễn Thị Nguyên	070895	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0525	0625	0775	1950	Kế toán
80	27	13	DYH . A 3004	Tổng Thanh Bình	241195	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0650	0550	0725	1950	Kế toán
81	28	78	TMA . A 10762	Nguyễn Nhật Thủy	191195	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0525	0550	0650	1750	Kế toán
82	16	52	DCN . D1 1644	Nguyễn Thị Cam	130395	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340301	0625	0250	0550	1450	Kế toán
83	14	21	LPH . D1 11971	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	071095	1	Sơn La		1	14	01	D340301	0200	0475	0700	1400	Kế toán
84	1A	07	NHF . D1 5190	Lê Trần Ngọc Mai	100995	1	Hà nội		3	1A		D340301	0650	0500	0650	1800	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
85	1B	23	DCN . A 12714	Đàm Thị Thu Hà	311295	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0400	0450	0550	1400	Kế toán
86		17	QHL . D1 2971	Nguyễn Tuyết Lê	170795	1	Hà Nội		3	01	04	D340301	0575	0325	0575	1500	Kế toán
87	99	99	DTB . A 609	Đoàn Anh Tú	070194	0	Thái Bình		2	26	01	D340301	0500	0525	0550	1600	Kế toán
88	1A	06	KHA . A 6555	Nguyễn Đình Thái Phước	011194	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0500	0550	0700	1750	Kế toán
89	24	13	DCN . D1 2167	Vũ Thị Thanh Dung	290395	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0500	0425	0550	1500	Kế toán
90	18	32	DDL . A 3482	Nguyễn Danh Khiêm	020795	0	Bắc Giang		2NT	18	09	D340301	0525	0675	0400	1600	Kế toán
91	1A	36	LPH . D1 11071	Mai Diệu Anh	091295	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0500	0300	0575	1400	Kế toán
92	25	03	LPH . D1 12461	Trần Thị Tú Uyên	201095	1	Nam Định		2	25	02	D340301	0200	0625	0725	1550	Kế toán
93	17	66	SPH . D1 18875	Từ Thị Thu Thuý	240395	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340301	0550	0300	0550	1400	Kế toán
94	24	13	SP2 . D1 703	Trần Thị Mai Hoa	050295	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0600	0300	0500	1400	Kế toán
95	1A	25	LDA . D1 24833	Nguyễn Thị Hương Thủy	230894	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0725	0275	0500	1500	Kế toán
96		21	QHX . D1 5963	Nguyễn Thu Thủy	261195	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0650	0600	0500	1750	Kế toán
97	1A	07	LDA . D1 22904	Đặng Hồng Ngọc	080795	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0700	0425	0600	1750	Kế toán
98	25	61	LPH . D1 12526	Bùi Thị Trang	271095	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0650	0300	0600	1550	Kế toán
99	25	34	GHA . A 11356	Phạm Thị Yến	180595	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0450	0500	0475	1450	Kế toán
100	1A	60	DNV . D1 7340	Ngô Hải Ninh	251294	0	Hà nội		2	1A	06	D340301	0625	0550	0550	1750	Kế toán
101	25	20	TLA . A 1916	Đặng Thị Hà	301095	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0400	0525	0425	1350	Kế toán
102		43	QHS . A 2497	Bùi Thị Hải	070895	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0625	0450	0625	1700	Kế toán
103	1A	42	LDA . D1 19837	Nguyễn Thu Hảo	011094	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0650	0275	0600	1550	Kế toán
104	1B	33	TMA . D1 22287	Nguyễn Thùy Linh	101295	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0675	0300	0650	1650	Kế toán
105	1A	55	TMA . D1 21336	Trần Thanh Hiền	190895	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0550	0450	0550	1550	Kế toán
106	1A	01	LDA . D1 24220	Nguyễn Thị Hồng Thảo	200495	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0575	0550	0450	1600	Kế toán
107		99	QHS . A 1214	Hoàng Bích Diệp	050194	1	Hà nội	06	3	1A	05	D340301	0650	0375	0650	1700	Kế toán
108	18	30	LDA . D1 24350	Nguyễn Phương Thảo	121095	1	Bắc Giang		1	18	02	D340301	0425	0300	0750	1500	Kế toán
109	1B	37	KHA . D1 2759	Hà Thị Lan	270594	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0600	0300	0700	1600	Kế toán
110	1B	37	KHA . A 4470	Hà Thị Lan	270594	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0500	0450	0625	1600	Kế toán
111	1A	69	NTH . D1 7220	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	050995	1	Hà nội		2	1A	12	D340301	0425	0350	0675	1450	Kế toán
112	1A	85	DMT . A 7337	Ngô Thị Thoa	280995	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0200	0625	0500	1350	Kế toán
113	1A	19	LDA . D1 23446	Nguyễn Hà Phương	060595	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0500	0500	0700	1700	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
114	1A	56	TMA . A 2719	Nguyễn Thu Hà	141295	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0500	0600	0650	1750	Kế toán
115	99	99	NHH . A 3747	Nguyễn Thanh Tâm	211194	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0725	0575	0450	1750	Kế toán
116	1A	87	SPH . D1 14038	Nguyễn Thị Lý	090895	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0500	0400	0500	1400	Kế toán
117	24	62	TMA . A 6381	Trần Thị Hoài Linh	061095	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0525	0550	0475	1550	Kế toán
118	17	14	LPH . A 3057	Nguyễn Trà My	080895	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0525	0600	0575	1700	Kế toán
119	62	00	TMA . D1 23805	Trần Phương Thảo	090795	1	Điện Biên		1	62	01	D340301	0525	0450	0650	1650	Kế toán
120	1A	20	NHF . D1 5658	Nguyễn Thúy Nga	290395	1	Hà nội		3	1A		D340301	0650	0725	0625	2000	Kế toán
121	1A	02	KHA . D1 928	Vũ Thùy Dung	180595	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0525	0600	0750	1900	Kế toán
122	1A	12	TMA . A 8794	Tô Lan Phương	280895	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0550	0575	0625	1750	Kế toán
123		36	QHX . A 1111	Đỗ Mạnh Cường	010695	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0500	0500	0500	1500	Kế toán
124	1B	22	DCN . D1 2818	Nguyễn Thu Hà	020195	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0475	0500	0500	1500	Kế toán
125	28		CSH . A 2345	Trương Quang Tuấn	150995	0	Thanh Hoá		2	28	04	D340301	0700	0625	0600	1950	Kế toán
126	25	51	DDL . A 5296	Đặng Thị Huyền Quyên	200495	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0525	0250	0625	1400	Kế toán
127	08	11	DNV . D1 5768	Đoàn Phương Anh	201095	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0325	0500	0600	1450	Kế toán
128	24		ANH . D1 7806	Mai Thị Thu Hiền	220694	1	Hà Nam	06	2NT	24	06	D340301	0750	0300	0550	1600	Kế toán
129	26	10	KHA . A 2572	Trần Thị Hạnh	250595	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340301	0550	0600	0700	1850	Kế toán
130	1A	19	LDA . A 5011	Nguyễn Thu Trà	071195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0550	0500	0550	1600	Kế toán
131	25	62	LPH . A 4359	Nguyễn Thị Quyên	090895	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0725	0600	0650	2000	Kế toán
132	25	62	DCN . D1 10491	Lê Thanh Thùy	160695	0	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0600	0300	0400	1300	Kế toán
133	25	04	NHF . D1 7726	Phạm Thị Phương Thảo	290995	1	Nam Định		2	25		D340301	0750	0600	0475	1850	Kế toán
134	1A	75	LDA . D1 18575	Lê Thị Ngọc ánh	241194	1	Hà nội		2	1A	12	D340301	0525	0375	0650	1550	Kế toán
135	25	36	TMA . A 5431	Phạm Thị Hường	151195	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0400	0675	0550	1650	Kế toán
136	99	99	HCP . A 377	Lại Thị Thanh Huyền	051194	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0575	0550	0375	1500	Kế toán
137	1B	65	DCN . A 13932	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	051195	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0450	0550	0475	1500	Kế toán
138	27	42	LDA . A 546	Lê Thị Cúc	250495	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0225	0625	0575	1450	Kế toán
139	1A	55	TMA . D1 23340	Trần Thị Phương	160695	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0500	0450	0450	1400	Kế toán
140	99	ti	NTH . D1 7153	Lê Hồng Ngọc	270194	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0375	0375	0675	1450	Kế toán
141	24	61	LDA . D1 19053	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	271095	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0625	0450	0600	1700	Kế toán
142	1A	12	LDA . D1 19971	Lê Thị Minh Hằng	220995	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0450	0450	0600	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
143		99	QHY . A 9350	Nguyễn Thị Thanh Tran	281194	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0475	0425	0525	1450	Kế toán
144	01		CSH . D1 19884	Chu Hương Giang	140995	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0700	0475	0500	1700	Kế toán
145		69	QHF . D1 4028	Hoàng Thị Nga	210295	1	Thanh Hoá		2NT	28	20	D340301	0550	0750	0275	1600	Kế toán
146	1A	41	DYH . A 3850	Đào Hồng Nhung	181095	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0825	0525	0800	2150	Kế toán
147	1A	08	BKA . A 7900	Nguyễn Hải Ngân	100795	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0750	0575	0625	1950	Kế toán
148	1A	08	KHA . A 968	Hoàng Linh Chi	300995	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0650	0600	0850	2100	Kế toán
149	19		PCH . A 869	Nguyễn Thị Chinh	140595	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0700	0600	0800	2100	Kế toán
150	1A	45	HCH . D1 4621	Dương Thanh Nga	191095	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0550	0675	0400	1650	Kế toán
151		12	QHT . A 1326	Nguyễn Phương Dung	190195	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0625	0475	0725	1850	Kế toán
152	21	38	TMA . A 7734	Nguyễn Minh Ngọc	201295	1	Hải Dương		2NT	21	09	D340301	0625	0700	0400	1750	Kế toán
153	15	01	BKA . A 6506	Lưu Tùng Khánh Linh	120995	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0475	0500	0625	1600	Kế toán
154	16	81	GHA . A 4969	Lê Bá Ngọc Khánh	211195	0	Vĩnh Phúc		2	16	08	D340301	0300	0650	0500	1450	Kế toán
155	28	74	TMA . A 7865	Lê Thị Nguyên	250195	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0475	0500	0550	1550	Kế toán
156	22	49	LDA . D1 19940	Ngô Văn Hân	050895	0	Hưng Yên	06	2NT	22	05	D340301	0450	0325	0600	1400	Kế toán
157		19	QHX . D1 2352	Lý Thanh Huyền	221095	1	Hà Nội		3	01	07	D340301	0750	0500	0475	1750	Kế toán
158	22	44	DDL . A 4566	Lê Thị Nga	041294	1	Hưng Yên		2NT	22	06	D340301	0600	0525	0500	1650	Kế toán
159	25	50	HCH . D1 4970	Hà Thị Thu Thủy	120195	1	Nam Định	01	2NT	25	07	D340301	0650	0525	0325	1500	Kế toán
160	26	24	DCN . A 29119	Lương Thị Nhung	260395	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0525	0350	0450	1350	Kế toán
161	1A	47	KHA . D1 3101	Đỗ Duy Linh	200894	0	Hà nội		3	1A	08	D340301	0725	0650	0300	1700	Kế toán
162	1A	04	NHF . D1 7539	Đỗ Đặng Thanh Thảo	260695	1	Hồ Chí Minh		3	02		D340301	0600	0625	0625	1850	Kế toán
163	25	60	LPH . A 4343	Vũ Thị Hoi	060395	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0575	0500	0650	1750	Kế toán
164	28	23	LDA . D1 20592	Hoàng Việt Huế	240494	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0525	0350	0700	1600	Kế toán
165	1B	78	TMA . A 9092	Nguyễn Thị Hà Quyền	151195	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0450	0650	0600	1700	Kế toán
166	1B	48	LDA . A 3763	Nguyễn Thị Phương	020795	1	Hà nội		2NT	1B	24	D340301	0375	0500	0500	1400	Kế toán
167	1B	48	TMA . A 4245	Trần Thị Hồng	061095	1	Hà nội		2NT	1B	24	D340301	0575	0600	0525	1700	Kế toán
168	24	61	SP2 . A 1630	Nguyễn Thị Huyền	050495	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0625	0500	0625	1750	Kế toán
169	15	49	THV . A 55	Đào Thị Vân Anh	300195	1	Phú Thọ		1	15	11	D340301	0550	0425	0375	1350	Kế toán
170	03	32	HHH . D1 1121	Bùi Thị Phương Thảo	110395	1	Hải Phòng		3	03	06	D340301	0725	0225	0575	1550	Kế toán
171	30	10	DDL . A 8739	Nguyễn Thị Hồng Nhung	140295	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0475	0425	0575	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
172	1A	34	LPH . A 458	Nguyễn Thu Hà	101195	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
173	1B	67	LDA . D1 25937	Lê Thị Thanh Vân	051094	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0150	0525	0700	1400	Kế toán
174	28	50	TGC . D1 7351	Lê Thị Lan Oanh	171195	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340301	0575	0450	0650	1700	Kế toán
175		62	QHY . A 2632	Lê Thị Hồng Hạnh	051295	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0550	0575	0500	1650	Kế toán
176	25	69	SPH . D1 14989	Trần Thị Thanh Dung	080395	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0575	0300	0650	1550	Kế toán
177	19	26	HVQ . D1 1522	Nguyễn Thị Thuận	121095	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0750	0225	0350	1350	Kế toán
178		13	QHS . A 4765	Đinh Thị Lan	051095	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0525	0550	0600	1700	Kế toán
179	21	14	NHF . D1 1080	Chữ Thị Cần	060795	1	Hải Dương		2	21		D340301	0750	0600	0600	1950	Kế toán
180	21	14	NHF . D1 8902	Nguyễn Thị Thu Trang	200895	1	Hải Dương		2	21		D340301	0800	0550	0625	2000	Kế toán
181	1A	02	TGC . D1 6419	Quách Ngọc Phương Linh	110495	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0125	0700	0600	1450	Kế toán
182	17	04	KHA . D1 6964	Trình Thị Thu Trà	200195	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0425	0525	0650	1600	Kế toán
183	14	11	DCN . D1 10240	Vũ Thị Minh Thuý	280895	1	Sơn La	01	1	14	10	D340301	0300	0525	0550	1400	Kế toán
184	24	06	TMA . A 2218	Đặng Minh Đức	270994	0	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0500	0500	0650	1650	Kế toán
185	99	99	TMA . A 9154	Nguyễn Thị Quý	030894	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0550	0475	0550	1600	Kế toán
186	27	08	TMA . A 5708	Nguyễn Thị Lan	020994	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0550	0525	0700	1800	Kế toán
187	1B	30	TMA . A 6354	Tống Thị Thuý Linh	040595	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0450	0550	0525	1550	Kế toán
188	1B	10	TMA . D1 21352	Chu Việt Hoa	020695	1	Hà nội		2	1B	16	D340301	0550	0325	0450	1350	Kế toán
189	24	63	LDA . A 1371	Phạm Thị Hằng	040295	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0525	0650	0425	1600	Kế toán
190	1A	02	GHA . A 3912	Phạm Hoàng	110695	0	Hà nội		3	1A	05	D340301	0525	0575	0450	1550	Kế toán
191	28		HCN . A 1610	Nguyễn Thu Thủy	180795	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0575	0650	1800	Kế toán
192	18	12	KHA . D1 1233	Nguyễn Minh Đức	220195	0	Bắc Giang		2	18	10	D340301	0800	0650	0500	1950	Kế toán
193	16	41	LDA . D1 20027	Đặng Thị Thanh Hằng	220395	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340301	0325	0450	0750	1550	Kế toán
194	25	27	TMA . A 3819	Nguyễn Diệu Hoa	240295	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0500	0525	0675	1700	Kế toán
195	01	07	HEH . A 903	Nguyễn Việt Khánh	160195	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0575	0500	0700	1800	Kế toán
196		73	QHX . A 2316	Hoàng Thị Hà	121295	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	22	D340301	0475	0600	0550	1650	Kế toán
197	1A	68	LDA . A 1329	Phạm Thu Hằng	190195	1	Hà nội		2	1A	09	D340301	0350	0550	0550	1450	Kế toán
198	1A	13	KHA . D1 3278	Nguyễn Thị Nhật Linh	270895	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0700	0500	0700	1900	Kế toán
199	03		CSH . D1 19970	Phạm Duy Hoàng	120695	0	Hải Phòng		3	03	03	D340301	0675	0550	0550	1800	Kế toán
200	18	19	DCN . A 27286	Trần Thị Nga	080695	1	Bắc Giang		1	18	05	D340301	0500	0450	0550	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
201	1B	62	LPH . D1 11403	Nguyễn Thùy Linh	250995	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0525	0425	0550	1500	Kế toán
202	1A	65	LDA . A 993	Đặng Hương Giang	020295	1	Hà nội		2	1A	11	D340301	0475	0600	0600	1700	Kế toán
203	28	95	TMA . A 5326	Trịnh Thị Hương	050595	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0275	0550	0450	1300	Kế toán
204	1B	51	TMA . D1 23303	Nguyễn Thị Phương	301095	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0575	0450	0500	1550	Kế toán
205	1A	20	TMA . A 6876	Nguyễn Thị Mai	201095	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0550	0575	0550	1700	Kế toán
206	29	03	DDL . A 8534	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	041195	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0275	0600	0650	1550	Kế toán
207	25	75	HCP . A 1040	Nguyễn Thị Tươi	020795	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0450	0550	0550	1550	Kế toán
208	29	78	KHA . A 11215	Nguyễn Thị Thanh Huyền	121095	1	Nghệ An		2NT	29	15	D340301	0550	0425	0750	1750	Kế toán
209	99	99	LDA . D1 25418	Nguyễn Thị Trang	090594	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0625	0400	0600	1650	Kế toán
210	10	31	BKA . D1 968	Hoàng Thị Oanh	170594	1	Lạng Sơn	01	1	10	08	D340301	0500	0275	0750	1550	Kế toán
211	1A	86	NHF . D1 522	Lê Thị Lan Anh	221195	1	Hà nội		2	1A		D340101	0600	0650	0250	1500	Quản trị kinh doanh
212	26	25	BKA . A 1071	Phạm Thị Chi	140395	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0500	0650	0675	1850	Kế toán
213	21	14	BKA . A 1763	Trần Thị Dung	180695	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0600	0675	0525	1800	Kế toán
214	22	79	LPH . A 3907	Nguyễn Thị Hà	090495	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0625	0600	0600	1850	Kế toán
215	99	99	NHF . D1 5007	Nguyễn Thị Sinh Lộc	050493	1	Hà nội		2NT	1B		D340301	0700	0650	0500	1850	Kế toán
216	17	01	TMA . A 14225	Trần Văn Hà	290695	1	Quảng Ninh		2	17	03	D340301	0575	0725	0525	1850	Kế toán
217	22	60	VHH . D1 3002	Tạ Thị Mỹ Duyên	260895	1	Hưng Yên		2NT	22	10	D340301	0400	0350	0700	1450	Kế toán
218	1A	86	SP2 . D1 1455	Đường Thu Ngân	141295	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0575	0325	0575	1500	Kế toán
219	1A	86	HTC . D1 8122	Ngô Thuỳ Linh	270795	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0525	0500	0400	1450	Kế toán
220	1A	48	TMA . D1 20438	Nguyễn Thị Minh Châu	010495	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0600	0350	0650	1600	Kế toán
221	25	50	GHA . A 9752	Trần Thị Hồng Trang	100395	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0300	0550	0575	1450	Kế toán
222	30	21	QSK . A 3950	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	190995	1	Hà Tĩnh		1	30	07	D340301	0675	0600	0600	1900	Kế toán
223	1A	31	TMA . D1 22190	Bùi Thùy Linh	070195	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0625	0300	0650	1600	Kế toán
224	19	17	TGC . D1 7836	Phan Thị Thảo	170195	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0575	0350	0600	1550	Kế toán
225	1A	71	SP2 . D1 985	Nguyễn Thị Thúy Hương	060395	1	Hà nội		2	1A	09	D340301	0500	0500	0475	1500	Kế toán
226	1A	52	NTH . D1 8401	Nguyễn Quang Tú	220995	0	Hà nội		2	1A	10	D340301	0650	0875	0550	2100	Kế toán
227		51	QHL . A 6146	Lê Thúy Nga	251094	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0525	0625	0425	1600	Kế toán
228	1A	57	DCN . D1 6555	Nhữ Thị Luyến	010595	1	Hưng Yên		2	22	03	D340301	0725	0250	0500	1500	Kế toán
229	28	19	LAH . A 117	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	011095	0	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340301	0475	0450	0475	1400	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
230	29	01	DDL . D1 12675	Lê Thị Huyền Trang	220994	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0500	0550	0400	1450	Kế toán
231	99	99	KHA . D1 4229	Đỗ Thị Cẩm Nhung	100994	1	Bắc Giang		2	18	07	D340301	0625	0300	0650	1600	Kế toán
232	25	43	TMA . D1 20953	Nguyễn Thị Hồng Hà	260195	1	Nam Định		2NT	25	06	D340301	0450	0425	0700	1600	Kế toán
233		44	QHT . A 1221	Nguyễn Thị Diệp	200595	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0450	0575	0750	1800	Kế toán
234		44	QHT . A 1221	Nguyễn Thị Diệp	200595	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0450	0575	0750	1800	Kế toán
235	17	31	DCN . D1 445	Vũ Thị Tuyến	100294	1	Quảng Ninh		2	17	04	D340301	0400	0575	0450	1450	Kế toán
236	16	42	DCN . A 30856	Dương Thị Phượng	200295	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340301	0450	0450	0525	1450	Kế toán
237	1A	07	LDA . D1 17965	Hoàng Phương Anh	160495	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0625	0400	0550	1600	Kế toán
238	17	11	HCH . A 1218	Lê Yến Linh	091095	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0550	0625	0525	1700	Kế toán
239	25	61	LDA . D1 21272	Phạm Thị Hường	071195	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0600	0375	0300	1300	Kế toán
240	1A	88	DMT . A 4297	Đỗ Thị Hồng Linh	181195	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0600	0475	0550	1650	Kế toán
241	18	34	LDA . D1 21898	Diêm Thị Thuý Linh	260495	1	Bắc Giang		1	18	09	D340301	0500	0450	0650	1600	Kế toán
242	18	25	LDA . A 4844	Nguyễn Thị Huyền Tran	080196	1	Bắc Giang		1	18	06	D340301	0500	0550	0550	1600	Kế toán
243	28	31	LDA . A 1138	Trần Thị Hà	060495	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
244		24	QHF . D1 492	Trương Hà Anh	141095	1	Hà Nội		3	01	02	D340301	0575	0725	0725	2050	Kế toán
245	1A	48	KHA . D1 6344	Nguyễn Hồng Vân	130795	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0550	0400	0750	1700	Kế toán
246	1A	36	NHF . D1 9581	Trịnh Thúy Vân	200195	1	Hà nội		3	1A		D340301	0550	0650	0475	1700	Kế toán
247		38	QHX . A 16380	Cao Thị Lan Hương	200295	1	Hà Tĩnh		2NT	30	05	D340301	0350	0475	0600	1450	Kế toán
248	21	19	KTA . A 4323	Phạm Đức Kiên	081095	0	Hải Dương		2NT	21	02	D340301	0525	0575	0375	1500	Kế toán
249	99	99	LPH . D1 13072	Trần Thị Hà	160995	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0250	0425	0600	1300	Kế toán
250		30	QHE . A 7069	Lê Thị Phương	231295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0700	0450	0750	1900	Kế toán
251	28	92	DDL . A 3046	Trần Thị Huyền	100495	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340301	0500	0600	0450	1550	Kế toán
252		52	QHS . D1 360	Nguyễn Thị Việt Anh	070595	1	Hà Nội		2NT	01	25	D340301	0550	0500	0350	1400	Kế toán
253	30	08	DCN . D1 509	Phan Thị Mỹ Châu	210895	1	Hà Tĩnh		1	30	09	D340301	0475	0350	0500	1350	Kế toán
254	1B	04	NHF . D1 5815	Nguyễn Thu Ngân	260995	1	Hà nội		3	1B		D340301	0600	0400	0625	1650	Kế toán
255	26	52	TGC . D1 7665	Trịnh Thị Thanh Tâm	050295	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340301	0500	0350	0800	1650	Kế toán
256	28	34	KHA . D1 4274	Nguyễn Thị Hồng Nhung	091195	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0775	0675	0650	2100	Kế toán
257	25	68	TMA . A 1163	Ninh Thị Kim Chi	171195	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0500	0500	0325	1350	Kế toán
258	25	69	LDA . D1 19713	Đoàn Thị Hà	160795	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0450	0350	0650	1450	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
259	1A	11	TMA . D1 22179	Đinh Phương Linh	250295	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0650	0550	0600	1800	Kế toán
260	29	23	MBS . D1 18798	Nguyễn Thị Thu Hương	280895	1	Nghệ An		2NT	29	20	D340301	0650	0350	0450	1450	Kế toán
261	21	29	LDA . D1 23594	Phạm Thị Phương	180895	1	Hải Dương		1	21	04	D340301	0600	0325	0600	1550	Kế toán
262	1A	08	NHH . A 2132	Vũ Thị Hải Hương	060795	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0550	0425	0700	1700	Kế toán
263	24	23	TMA . A 5841	Đặng Thị Lên	010895	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0475	0475	0550	1500	Kế toán
264	1A	29	HCH . D1 5043	Nguyễn Kim Ngọc Tran	100295	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0600	0700	0400	1700	Kế toán
265	01		ANH . D1 8650	Nguyễn Hải Yến	120295	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0650	0600	0650	1900	Kế toán
266	19	11	TGC . D1 8539	Nguyễn Thị Tươi	170195	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0675	0325	0700	1700	Kế toán
267	25	51	SPH . A 1318	Nguyễn Thị Kim Oanh	060895	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0600	0700	0575	1900	Kế toán
268	1A	08	NTH . D1 5790	Nguyễn Thị Thu Hằng	200295	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0500	0450	0700	1650	Kế toán
269	24	41	GHA . A 2698	Nguyễn Lê Giang	211095	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0375	0575	0450	1400	Kế toán
270	08	12	LPH . A 1840	Hoàng Thị Uý	110495	1	Lào Cai	01	1	08	01	D340301	0225	0350	0425	1000	Kế toán
271	17	25	DCN . A 565	Nhâm Diệu Linh	030195	1	Quảng Ninh		1	17	03	D340301	0325	0525	0450	1300	Kế toán
272	24	41	NHH . A 3296	Nguyễn Thị Nương	120395	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0500	0550	0675	1750	Kế toán
273	28	22	TMA . D1 23062	Lê Thị Nhung	010693	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0475	0350	0700	1550	Kế toán
274	29	01	DCN . A 2675	Phạm Thị Phương Thảo	231194	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0475	0450	0425	1350	Kế toán
275	1A	00	LDA . D1 17934	Đinh Thu Anh	010895	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0500	0650	0500	1650	Kế toán
276	28	78	HCH . D1 5002	Mai Thị Trang	101295	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0750	0450	0300	1500	Kế toán
277	15	02	DDL . D1 12444	Hoàng Thị Trang	010595	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0575	0650	0475	1700	Kế toán
278	1A	29	TMA . D1 24411	Phạm Thu Trang	300595	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0575	0450	0600	1650	Kế toán
279	1B	78	VHH . D1 4856	Đỗ Thị Tú Uyên	021095	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0550	0375	0375	1300	Kế toán
280	30	27	GHA . A 20598	Phan Thị Huyền	220495	1	Hà Tĩnh		1	30	03	D340301	0400	0500	0525	1450	Kế toán
281	12	00	TMA . D1 21502	Nguyễn Thị Hồng	150794	1	Thái Nguyên		2NT	12	09	D340301	0600	0350	0700	1650	Kế toán
282	26	33	DCN . D1 8260	Nguyễn Kiều Oanh	140895	1	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0575	0400	0600	1600	Kế toán
283	1A	20	DMT . A 5466	Phí Bảo Ngọc	151095	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0300	0525	0550	1400	Kế toán
284	13	B3	SPH . A 3225	Nguyễn Thị Bích Hạnh	290795	1	Phú Thọ		1	15	05	D340301	0475	0650	0425	1550	Kế toán
285	1B	13	NNH . A 8625	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	240795	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0375	0450	0475	1300	Kế toán
286	99	99	BVH . A 2165	Nguyễn Hoàng Linh	280894	0	Hà nội		2	1A	11	D340301	0475	0450	0450	1400	Kế toán
287	18	21	DCN . D1 7297	Hoàng Thanh Nga	210495	1	Bắc Giang		1	18	05	D340301	0525	0500	0475	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
288	16	82	NHF . D1 3766	Đặng Thị Lan Hương	310895	1	Vĩnh Phúc		2	16		D340301	0850	0375	0650	1900	Kế toán
289	1A	25	DDL . D1 12148	Nguyễn Minh Phương	220895	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0500	0725	0300	1550	Kế toán
290	1B	80	DNV . D1 7466	Nguyễn Thị Bích Phương	220894	1	Hà nội		2	1B	29	D340301	0700	0325	0650	1700	Kế toán
291		34	QHS . A 9250	Lê Huyền Trang	120495	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0625	0600	0525	1750	Kế toán
292	29	01	KHA . A 11668	Nguyễn Thị Tâm	080493	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0475	0650	0550	1700	Kế toán
293	21	22	TMA . A 1343	Nguyễn Thị Cúc	050995	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340301	0625	0550	0550	1750	Kế toán
294	26	03	LDA . A 4279	Đặng Thị Thanh Thảo	131295	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0600	0375	0675	1650	Kế toán
295	28	74	DQH . A 4626	Lê Thị Hòa	130995	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0400	0650	0725	1800	Kế toán
296	1B	80	NNH . A 197	Trần Thị Vân Anh	241194	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0300	0350	0725	1400	Kế toán
297		80	QHL . D1 5029	Trần Thị Phụng	200194	1	Hà Nội		2NT	01	29	D340301	0625	0650	0325	1600	Kế toán
298	1B	80	SP2 . D1 267	Lê Thị Dung	090894	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0725	0375	0400	1500	Kế toán
299	1B	80	DQH . D1 4641	Hà Thị Tư Huệ	281094	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0650	0450	0400	1500	Kế toán
300	25		PCH . A 709	Trần Thị Ngọc Anh	160795	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0475	0550	0625	1650	Kế toán
301	1A	37	NHF . D1 3991	Đoàn Ngọc Khoa	160595	0	Hà nội		3	1A		D340301	0650	0475	0550	1700	Kế toán
302	1A	20	LDA . D1 19793	Nguyễn Ngọc Hải	200595	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0575	0500	0500	1600	Kế toán
303	24	06	KHA . D1 5323	Mai Thị Hồng Thu	020794	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0600	0650	0800	2050	Kế toán
304		19	QHX . D1 3204	Nguyễn Diệu Linh	200395	1	Hà Nội		3	01	04	D340301	0700	0700	0600	2000	Kế toán
305		25	QHL . D1 2741	Nguyễn Thị Thu Hường	190695	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0700	0650	0400	1750	Kế toán
306	99		DCN . A 15694	Nguyễn Thị Hiền	230393	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0375	0325	0650	1350	Kế toán
307	1B	03	NHF . D1 2580	Đào Thuý Hằng	010995	1	Hà nội		3	1B		D340301	0600	0550	0700	1850	Kế toán
308	25	62	SPH . D1 13983	Trần Ngọc Huyền	250395	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0550	0400	0600	1550	Kế toán
309	21	39	TMA . A 6841	Lê Thị Phương Mai	140495	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340301	0700	0500	0550	1750	Kế toán
310	1A	08	TGC . D1 5815	Nguyễn Minh Hiền	271095	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0550	0600	0500	1650	Kế toán
311	03	64	DCN . D1 175	Dương Thị Hòa	120895	1	Hải Phòng		2	03	11	D340301	0550	0550	0450	1550	Kế toán
312	26	47	LDA . A 300	Phạm Thị Lan Anh	150695	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0450	0450	0550	1450	Kế toán
313	1B	57	TMA . A 7443	Nguyễn Thu Nga	050995	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0600	0425	0550	1600	Kế toán
314	99	99	DMT . A 3714	Phạm Thị Thu Hương	140394	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0475	0350	0650	1500	Kế toán
315	1A	21	SPH . D1 14224	Đoàn Văn Anh	110195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0475	0600	0650	1750	Kế toán
316	25		GTA . A 686	Trần Thị Dung	141095	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0575	0425	0525	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
317	1B	42	KHA . D1 5952	Đỗ Thị Trang	261095	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0675	0450	0550	1700	Kế toán
318	1A	54	LDA . D1 19630	Trần Thị Thu Hà	230995	1	Hà nội		2	1A	06	D340301	0525	0375	0550	1450	Kế toán
319	03	13	TMA . A 14975	Triệu Ngọc Yến	070195	1	Hải Phòng		3	03	03	D340301	0525	0625	0525	1700	Kế toán
320	28	22	NTH . D1 8585	Lê Thị Yến	100994	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0425	0250	0600	1300	Kế toán
321	16	43	LDA . A 2256	Kiều Thị Hường	150895	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340301	0450	0575	0550	1600	Kế toán
322	13	15	KHA . D1 5210	Đỗ Hoàng Thắng	020595	0	Yên Bái		1	13	04	D340301	0650	0300	0600	1550	Kế toán
323	27	42	DCN . A 22582	Hà Thị Lâm	201195	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0400	0525	0575	1500	Kế toán
324	1A	17	TMA . A 2888	Nguyễn Hoàng Hải	031195	0	Hà nội		3	1A	04	D340301	0425	0450	0725	1600	Kế toán
325	1A	37	HQT . D1 2077	Vũ Hà Phương	051195	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0800	0675	0550	2050	Kế toán
326		07	QHX . A 4980	Bùi Khánh Linh	180395	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0475	0550	0550	1600	Kế toán
327	1A	07	TGC . D1 6430	Bùi Khánh Linh	180395	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0650	0350	0600	1600	Kế toán
328	27	73	GHA . A 9134	Phan Thị Thuỳ	120895	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0525	0425	0525	1500	Kế toán
329	99	99	DCN . A 13231	Trương Minh Hải	190994	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0450	0325	0525	1300	Kế toán
330	1B	75	TMA . D1 22509	Nguyễn Thị Ly	110295	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0375	0475	0700	1550	Kế toán
331	18	27	TMA . A 6700	Ngô Thị Hương Ly	260695	1	Bắc Giang		2NT	18	07	D340301	0350	0625	0500	1500	Kế toán
332	09	31	DCN . D1 1427	Trịnh Ngọc ánh	200295	1	Tuyên Quang		1	09	07	D340301	0550	0325	0500	1400	Kế toán
333	27	41	SP2 . A 2419	Bùi Thị Phương Mai	100695	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0550	0700	0600	1850	Kế toán
334	1A	01	HCH . D1 4020	Nguyễn Yến Chi	050795	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0700	0650	0425	1800	Kế toán
335		73	QHL . D1 2388	Nguyễn Thị Thu Huyền	241095	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0625	0750	0650	2050	Kế toán
336		45	QHF . D1 7052	Cao Thị Hải Yến	260195	1	Hà Nội		3	01	08	D340301	0500	0750	0400	1650	Kế toán
337	25	51	DMT . A 5951	Trần Thị Kim Oanh	040295	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0475	0500	0600	1600	Kế toán
338	99	99	DFA . D1 2226	Nguyễn Thị Minh Thuý	270994	1	Hưng Yên		2NT	22	10	D340101	0700	0325	0425	1450	Quản trị kinh doanh
339	19	15	SP2 . A 1240	Phạm Thị Hoa	080895	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340301	0550	0525	0700	1800	Kế toán
340	1A	45	BVH . A 1233	Phùng Thanh Hằng	160395	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0425	0600	0725	1750	Kế toán
341	28	75	LDA . D1 26219	Lê Thị Hải Yến	101095	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	22	D340301	0475	0225	0750	1450	Kế toán
342	10	17	DMT . A 8621	Nguyễn Thị Tuyền	140895	1	Lạng Sơn		1	10	04	D340301	0450	0475	0400	1350	Kế toán
343	28	75	LDA . A 4947	Nguyễn Thảo Trang	080295	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0500	0400	0650	1550	Kế toán
344	1A	71	LDA . A 688	Trần Đức Duy	210695	0	Hà nội		2	1A	12	D340301	0400	0450	0650	1500	Kế toán
345	1B	57	KHA . D1 146	Đặng Thị Vân Anh	250795	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0625	0475	0650	1750	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
346	1A	68	NHF . D1 2147	Đào Thị Thu Hà	160595	1	Hà nội		2	1A		D340301	0700	0625	0450	1800	Kế toán
347	09	20	LDA . A 2157	Ma Văn Hương	020293	0	Tuyên Quang	01	1	09	04	D340301	0400	0450	0400	1250	Kế toán
348	16	01	DQH . A 5000	Trương Hoài Nam	110594	0	Vĩnh Phúc		1	16	03	D340301	0450	0450	0550	1450	Kế toán
349	24	51	NHF . D1 8933	Nguyễn Thị Huyền Tran	120595	1	Hà Nam		2NT	24		D340301	0800	0650	0475	1950	Kế toán
350		99	QHS . D1 4409	Đặng Thị Nguyệt	210895	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0425	0700	0400	1550	Kế toán
351	19	26	DCN . D1 11128	Ngô Quỳnh Trang	090795	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0525	0475	0575	1600	Kế toán
352	1B	02	LPH . A 857	Nguyễn Thảo Hương	240295	1	Hà nội		3	1B	15	D340202	0650	0625	0750	2050	Bảo hiểm
353	29	54	LPH . A 5568	Lê Thị Hồng	121095	1	Nghệ An		2NT	29	11	D340202	0450	0425	0750	1650	Bảo hiểm
354	1A	18	LPH . A 236	Nguyễn Minh Đức	180995	0	Hà nội		3	1A	04	D340202	0800	0700	0500	2000	Bảo hiểm
355	21	14	KHA . A 7585	Nguyễn Thị Thảo	111295	1	Hải Dương		2	21	01	D340202	0575	0725	0800	2100	Bảo hiểm
356		25	QHX . D1 6853	Công Thị Hồng Vân	020395	1	Hà Nội		3	01	05	D340202	0525	0625	0400	1550	Bảo hiểm
357	1A	56	LDA . D1 19864	Trương Thị Hồng Hạnh	250494	1	Hà nội		2	1A	01	D340101	0300	0525	0600	1450	Quản trị kinh doanh
358	1A	01	LDA . D1 23420	Trần Minh Phúc	280195	0	Hà nội		3	1A	02	D340202	0700	0525	0600	1850	Bảo hiểm
359	1A	48	LPH . D1 11178	Nguyễn Như Phương	180695	1	Hà nội		3	1A	09	D340202	0675	0350	0725	1750	Bảo hiểm
360	25	28	YPB . A 1259	Mai Thị Phương	270695	1	Nam Định		2NT	25	04	D340202	0825	0575	0825	2250	Bảo hiểm
361	99		DCN . D1 4694	Vũ Thị Huyền	030793	1	Nam Định		2NT	25	09	D340202	0600	0275	0400	1300	Bảo hiểm
362		A2	QHL . A 18502	Hoàng Thị Linh Phương	270695	1	Thái Bình		3	26	07	D340202	0625	0625	0775	2050	Bảo hiểm
363		99	QHL . D1 1045	Luyện Thị Thùy Dương	230594	1	Yên Bái		1	13	01	D340202	0725	0650	0500	1900	Bảo hiểm
364	15	28	TMA . A 6074	Hoàng Thị Thuỳ Linh	120195	1	Phú Thọ		2NT	15	06	D340202	0425	0525	0675	1650	Bảo hiểm
365	28	24	TMA . A 10273	Lê Thị Thêm	020995	1	Thanh Hoá		2NT	28	24	D340202	0500	0550	0550	1600	Bảo hiểm
366	11	10	HCP . A 911	Triệu Thị Tiên	010195	1	Bắc Cạn	01	1	11	02	D340202	0400	0450	0425	1300	Bảo hiểm
367	62	03	TLA . A 6249	Tạ Hương Thảo	141295	1	Điện Biên		1	62	04	D340202	0200	0500	0525	1250	Bảo hiểm
368		22	QHX . A 9011	Vũ Dương Thủy Tiên	201095	1	Hà nội		3	1A	04	D340202	0400	0650	0625	1700	Bảo hiểm
369	01	09	HEH . A 464	Đàm Trung Đức	041294	0	Hà nội	08	3	1A	09	D340202	0600	0450	0450	1500	Bảo hiểm
370	1A	03	DDL . A 4265	Phạm Đức Minh	050295	0	Hà nội		3	1A	01	D340202	0475	0550	0500	1550	Bảo hiểm
371	26	52	LDA . D1 24757	Nguyễn Thị Thuỷ	070295	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340202	0450	0350	0700	1500	Bảo hiểm
372	1B	10	DNV . D1 6296	Bùi Thị Thúy Hằng	250495	1	Hà nội		2	1B	16	D340202	0525	0250	0800	1600	Bảo hiểm
373	28	90	LDA . D1 19947	Lê Thị Hậu	180895	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340202	0500	0375	0600	1500	Bảo hiểm
374	25	31	NNH . A 14043	Mai Đoàn Trường	070795	0	Nam Định		2NT	25	04	D340202	0400	0550	0375	1350	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
375	16	12	DMT . A 3589	Trần Thu Hương	181195	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340202	0650	0450	0600	1700	Bảo hiểm
376	30	32	HQT . D1 2610	Trần Hà Chi	100395	1	Hà Tĩnh		2NT	30	02	D340202	0575	0275	0700	1550	Bảo hiểm
377	99	99	BVH . A 2716	Bùi Quang Ngọc	230394	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340202	0350	0575	0750	1700	Bảo hiểm
378	1A	02	TGC . D1 5350	Nguyễn Quốc Đạt	180995	0	Hà nội		3	1A	01	D340202	0500	0475	0450	1450	Bảo hiểm
379	14	21	GHA . A 2822	Hoàng Huy Hà	220295	0	Sơn La	01	1	14	05	D340202	0525	0325	0475	1350	Bảo hiểm
380	99		DCN . D1 12185	Nguyễn Thị Xuân	180894	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340202	0700	0250	0500	1450	Bảo hiểm
381	99		DCN . A 32458	Nguyễn Duy Sang	050794	0	Hải Dương		2NT	21	10	D340202	0550	0450	0550	1550	Bảo hiểm
382	1B	62	BVH . A 2549	Đặng Đức Nam	240795	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340202	0400	0625	0725	1750	Bảo hiểm
383	15	39	NHF . D1 5027	Đỗ Thị Luyến	171295	1	Phú Thọ		1	15		D340202	0550	0700	0575	1850	Bảo hiểm
384	99	99	TGC . D1 5885	Đặng Thị Thu Hoài	181095	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340202	0650	0450	0600	1700	Bảo hiểm
385	99	99	NHF . D1 858	Nguyễn Quỳnh Anh	211294	1	Hà nội		3	1A		D340202	0650	0400	0375	1450	Bảo hiểm
386		44	QHS . D1 1409	Nguyễn Thị Hà	110995	1	Hà Nội	06	2NT	01	23	D340202	0400	0700	0400	1500	Bảo hiểm
387	13	03	LPH . D1 11929	Nguyễn Thị Ngọc Trang	230495	1	Yên Bái		1	13	01	D340202	0575	0300	0475	1350	Bảo hiểm
388	25	04	TGC . D1 8346	Bùi Thuỳ Trang	080795	1	Nam Định		2	25	01	D340202	0675	0650	0700	2050	Bảo hiểm
389		51	QHY . A 4017	Nguyễn Thu Huyền	290994	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340202	0450	0575	0600	1650	Bảo hiểm
390	17	68	DCN . A 955	Nguyễn Thị Trang Thư	070695	1	Quảng Ninh		1	17	03	D340202	0425	0450	0400	1300	Bảo hiểm
391	1B	58	SP2 . A 1820	Nguyễn Thị Hường	141295	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340202	0525	0550	0575	1650	Bảo hiểm
392	29	70	TMA . A 16176	Nguyễn Thành Đoàn	040194	0	Nghệ An		1	29	14	D340202	0400	0600	0350	1350	Bảo hiểm
393	21	36	LDA . D1 24612	Phạm Thị Thu	301095	1	Hải Dương		2NT	21	07	D340202	0500	0350	0750	1600	Bảo hiểm
394	12	11	TMA . A 9734	Lương Thị Hoàng Thái	271095	1	Thái Nguyên		2	12	01	D340202	0600	0425	0625	1650	Bảo hiểm
395		22	QHL . D1 4710	Nguyễn Thị Vân Oanh	211195	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340202	0550	0700	0400	1650	Bảo hiểm
396		99	QHX . D1 6537	Vũ Thị Trang	270995	1	Hưng Yên		2NT	22	06	D340202	0575	0700	0550	1850	Bảo hiểm
397	99	99	TMA . A 5329	Trịnh Thị Thanh Hương	151294	1	Hà nội		2	1A	13	D340202	0350	0550	0650	1550	Bảo hiểm
398	26	41	KTA . A 4549	Bùi Thị Luyến	110295	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340202	0500	0575	0425	1500	Bảo hiểm
399		31	QHL . D1 6084	Trần Thị Thương	280395	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340202	0700	0750	0350	1800	Bảo hiểm
400	1B	51	HCH . A 1006	Đặng Thị Huyền Trang	130395	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340202	0700	0500	0475	1700	Bảo hiểm
401	30	10	TDV . D1 18452	Nguyễn Thị Minh Anh	160895	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340202	0525	0300	0650	1500	Bảo hiểm
402	1B	67	LDA . D1 18237	Ngô Huyền Anh	051194	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340202	0425	0300	0650	1400	Bảo hiểm
403	1A	85	DCN . A 7316	Nguyễn Mạnh Cường	020995	0	Hà nội		2	1A	14	D340202	0425	0550	0575	1550	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
404	1A	17	LDA . D1 24829	Trần Thị Thanh Thủy	220595	1	Hà nội		3	1A	04	D340202	0650	0475	0550	1700	Bảo hiểm
405	28	34	NNH . A 2871	Mai Thị Giang	200295	1	Thanh Hoá		2	28	23	D340202	0500	0375	0450	1350	Bảo hiểm
406	14		PCH . A 3217	Khuất Việt Tùng	030995	0	Son La		1	14	10	D340202	0275	0525	0425	1250	Bảo hiểm
407	1A	39	LDA . D1 23978	Đoàn Thái Sơn	280895	0	Hà nội		3	1A	04	D340202	0725	0300	0450	1500	Bảo hiểm
408	1A	77	MDA . A 2662	Đỗ Quang Hiếu	060595	0	Hà nội		2	1A	13	D340202	0475	0450	0450	1400	Bảo hiểm
409		42	QHL . D1 4434	Trần Thị Nguyệt	250595	1	Hải Dương		2NT	21	09	D340202	0600	0800	0375	1800	Bảo hiểm
410	1A	77	BKA . A 4415	Hoàng Thị Hoàn	260595	1	Hà nội		2	1A	13	D340202	0525	0700	0350	1600	Bảo hiểm
411	21		ANH . A 71	Nguyễn Thị Phan Anh	210595	1	Hải Dương		2	21	01	D340202	0750	0650	0775	2200	Bảo hiểm
412	26	04	BKA . A 6715	Nguyễn Hồng Loan	040295	1	Thái Bình		2	26	01	D340202	0450	0550	0650	1650	Bảo hiểm
413	1B	14	DDL . A 5632	Kiều Quang Tài	120995	0	Hà nội		2NT	1B	17	D340202	0525	0350	0550	1450	Bảo hiểm
414	1B	40	DCN . A 34819	Lê Văn Thành	170595	0	Hà nội		2NT	1B	22	D340202	0275	0525	0525	1350	Bảo hiểm
415	17	04	LDA . D1 26291	Đào Kim Chi	300595	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340202	0200	0325	0800	1350	Bảo hiểm
416	18	19	DDL . A 6817	Đặng Thị Trinh	240295	1	Bắc Giang		1	18	05	D340202	0600	0350	0525	1500	Bảo hiểm
417	99	99	HCH . D1 4647	Nguyễn Thị Bích Ngọc	200694	1	Nam Định		2NT	25	08	D340202	0625	0725	0250	1600	Bảo hiểm
418	12	29	HCH . D1 4848	Ngô Hoài Thanh	190495	1	Thái Nguyên		2NT	12	09	D340202	0725	0525	0325	1600	Bảo hiểm
419	17	05	SPH . D1 18921	Hoàng Thị Phương Anh	280295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340202	0650	0300	0550	1500	Bảo hiểm
420	25	03	LDA . A 2169	Trần Thị Thu Hương	041095	1	Nam Định		2	25	02	D340202	0525	0600	0400	1550	Bảo hiểm
421	1A	45	DQK . D1 2654	Lê Trà My	090695	1	Hà nội		3	1A	05	D340202	0475	0425	0675	1600	Bảo hiểm
422	16	81	DMT . A 7041	Đỗ Thị Phương Thảo	120795	1	Vĩnh Phúc		2	16	06	D340202	0450	0525	0525	1500	Bảo hiểm
423	22	35	DCN . D1 3982	Hoàng Thị Hoa	230895	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340202	0400	0475	0500	1400	Bảo hiểm
424	24	51	LPH . A 4110	Trần Thị Ngọc Bích	010995	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340202	0750	0600	0650	2000	Bảo hiểm
425	17	67	LPH . A 3163	Bùi Thị Thủy	261295	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340202	0375	0525	0550	1450	Bảo hiểm
426	1B	03	LPH . D1 11310	Hoàng Hải Thu	311295	1	Hà nội		3	1B	15	D340202	0675	0250	0500	1450	Bảo hiểm
427	1A	85	TMA . D1 20172	Nguyễn Mai Anh	200495	1	Hà nội		2	1A	14	D340202	0475	0450	0750	1700	Bảo hiểm
428	06	01	LPH . A 1599	Trương Thị Kiều Hương	241194	1	Cao Bằng	01	1	06	01	D340202	0625	0425	0350	1400	Bảo hiểm
429		99	QHT . A 9289	Nghiêm Thị Trang	171194	1	Bắc Giang		2NT	18	07	D340202	0575	0575	0550	1700	Bảo hiểm
430	03		PCH . A 2823	Mai Hà Thu	090595	1	Hải Phòng		2	03	11	D340202	0600	0550	0750	1900	Bảo hiểm
431	25	21	TGC . D1 6649	Trần Thị Thùy Linh	050295	1	Nam Định		2NT	25	03	D340202	0550	0650	0700	1900	Bảo hiểm
432	26	42	TMA . D1 21134	Đỗ Thị Thu Hằng	200695	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340202	0600	0450	0500	1550	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
433	1B	08	LPH . D1 11332	Trần Thị Huyền Trang	160595	1	Hà nội		2	1B	16	D340202	0325	0500	0700	1550	Bảo hiểm
434	1A	08	TGC . D1 4664	Nguyễn Phương Kiều A	070495	1	Hà nội		3	1A	04	D340202	0600	0300	0700	1600	Bảo hiểm
435	1B	03	HCH . A 222	Phạm Thị Ngọc Hà	081195	1	Hà nội		3	1B	15	D340202	0450	0550	0600	1600	Bảo hiểm
436	19	06	DCN . D1 2897	Nguyễn Thị Thúy Hà	310794	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340202	0625	0475	0450	1550	Bảo hiểm
437		50	QHS . D1 5371	Vũ Thị Phương Thanh	291095	1	Nam Định		2NT	25	07	D340202	0675	0700	0450	1850	Bảo hiểm
438	25	51	TMA . A 4571	Đoàn Thu Huyền	090995	1	Nam Định		2NT	25	07	D340202	0600	0400	0525	1550	Bảo hiểm
439		11	QHL . D1 4130	Hà Ngọc Ngân	010395	1	Lào Cai	06	1	08	01	D340202	0475	0400	0550	1450	Bảo hiểm
440	10	02	NHF . D1 7685	Đoàn Thị Phương Thảo	030795	1	Lạng Sơn		1	10		D340202	0750	0600	0575	1950	Bảo hiểm
441	05	21	NNH . A 1121	Nguyễn Thị Chinh	191295	1	Hà Giang		1	05	06	D340202	0200	0525	0600	1350	Bảo hiểm
442	13	23	SP2 . D1 1151	Nguyễn Thị Phương Lin	241095	1	Yên Bái		1	13	06	D340202	0675	0325	0525	1550	Bảo hiểm
443	1A	17	LDA . A 1039	Trần Thu Hà	091295	1	Hà nội		3	1A	07	D340202	0600	0375	0650	1650	Bảo hiểm
444	99	99	KHA . A 3524	Cáp Thị Kim Huệ	130995	1	Hưng Yên		2NT	22	03	D340202	0600	0450	0450	1500	Bảo hiểm
445	27	73	SP2 . D1 1739	Trần Thị Phương	170795	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340202	0675	0475	0500	1650	Bảo hiểm
446	16	41	NNH . A 12161	Văn Đăng Thọ	120995	0	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340202	0500	0400	0400	1300	Bảo hiểm
447	15	22	TGC . D1 5884	Cù Thị Thu Hoài	210895	1	Phú Thọ		1	15	05	D340202	0625	0300	0700	1650	Bảo hiểm
448	1A	11	DDL . A 7834	Phạm Vũ Vương	261195	0	Hà nội		3	1A	03	D340202	0600	0450	0550	1600	Bảo hiểm
449	08	11	TGC . D1 5557	Đường Thị Thu Hà	261195	1	Lào Cai		1	08	01	D340202	0725	0400	0600	1750	Bảo hiểm
450	28	57	LPH . A 5112	Lê Viết Hợi	200295	0	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340202	0550	0400	0750	1700	Bảo hiểm
451	18	35	NHF . D1 7322	Trần Văn Sơn	130595	0	Bắc Giang		1	18		D340202	0600	0500	0675	1800	Bảo hiểm
452		63	QHT . A 3690	Nguyễn Thị Huệ	281095	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	06	D340202	0475	0575	0450	1500	Bảo hiểm
453	27	43	DMT . A 1281	Đinh Hương Duyên	220295	1	Ninh Bình		1	27	04	D340202	0275	0400	0550	1250	Bảo hiểm
454	26	41	NNH . A 14855	Phạm Thị Vân	101095	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340202	0300	0525	0525	1350	Bảo hiểm
455	12	26	DTF . A 922	Trần Xuân Đức	130595	0	Thái Nguyên		1	12	07	D340202	0550	0375	0375	1300	Bảo hiểm
456	21	18	LDA . D1 22427	Vũ Thị Hà Mi	031095	1	Hải Dương		1	21	02	D340202	0325	0325	0650	1300	Bảo hiểm
457	25	02	TMA . A 732	Trần Diệp Anh	270995	1	Nam Định		2	25	01	D340202	0575	0575	0675	1850	Bảo hiểm
458	1B	08	NHF . D1 8812	Nguyễn Linh Trang	200895	1	Hà nội		2	1B		D340202	0800	0675	0425	1900	Bảo hiểm
459	1A	52	MDA . A 1885	Nguyễn Ngọc Đoan	220595	1	Hà nội		2	1A	10	D340202	0375	0450	0550	1400	Bảo hiểm
460	99		DQH . A 5357	Đỗ Văn Thiện	241194	0	Ninh Bình		2	27	01	D340202	0525	0450	0550	1550	Bảo hiểm
461	1A	13	NHF . D1 178	Nguyễn Phương Anh	130895	1	Hà nội		3	1A		D340202	0700	0600	0650	1950	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
462	99	99	NHF . D1 2261	Phạm Thị Hà	300694	1	Hải Dương		2NT	21		D340202	0700	0625	0375	1700	Bảo hiểm
463		24	QHS . A 8838	Trần Thị Thủy	301195	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340202	0425	0500	0550	1500	Bảo hiểm
464	1A	26	DQK . D1 1593	Nguyễn Thị Thúy Hồng	020395	1	Hà nội		3	1A	10	D340202	0400	0375	0750	1550	Bảo hiểm
465	16	31	DNV . D1 7535	Hoàng Thị Quỳnh	201095	1	Vĩnh Phúc		1	16	03	D340202	0350	0400	0750	1500	Bảo hiểm
466	03	08	TMA . D1 25332	Nguyễn Thị Thùy Trang	160695	1	Hải Phòng		3	03	02	D340202	0575	0375	0650	1600	Bảo hiểm
467	1A	12	TGC . D1 8187	Chu Nguyễn Thuỳ Trang	261195	1	Hà nội		3	1A	08	D340202	0775	0650	0600	2050	Bảo hiểm
468	21	27	LDA . D1 18353	Phạm Thị Hải Anh	300595	1	Hải Dương		1	21	04	D340202	0525	0400	0650	1600	Bảo hiểm
469		40	QHL . D1 2193	Lại Quang Hợp	190495	0	Hà Nội		3	01	12	D340202	0600	0725	0800	2150	Bảo hiểm
470	25	42	LPH . D1 12505	Nguyễn Thị Ngọc Tú	080294	1	Nam Định		2NT	25	06	D340202	0575	0500	0750	1850	Bảo hiểm
471	1A	08	TGC . D1 5886	Phạm Phương Hoài	020495	1	Hà nội		3	1A	03	D340202	0600	0600	0600	1800	Bảo hiểm
472	27		ANH . D1 8497	Trần Thị Huyền Trang	220795	1	Ninh Bình		2	27	01	D340202	0400	0650	0850	1900	Bảo hiểm
473	1A	02	LDA . D1 17924	Đặng Trung Anh	310595	0	Hà nội		3	1A	01	D340202	0600	0550	0600	1750	Bảo hiểm
474	18	00	HCH . D1 4382	Nguyễn Thị Hương	160494	1	Bắc Giang		1	18	10	D340202	0675	0400	0400	1500	Bảo hiểm
475	15	22	DMT . A 4087	Dương Xuân Tùng Lâm	020695	0	Phú Thọ		1	15	05	D340202	0500	0350	0525	1400	Bảo hiểm
476	16	11	HCH . D1 4027	Trần Linh Chi	230995	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340202	0650	0475	0375	1500	Bảo hiểm
477	19	06	KHA . D1 5245	Nguyễn Xuân Thoán	270294	0	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340202	0525	0375	0600	1500	Bảo hiểm
478	1B	78	DKH . A 693	Phùng Thị Hà	160595	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340202	0525	0600	0750	1900	Bảo hiểm
479	25	34	GHA . A 11356	Phạm Thị Yến	180595	1	Nam Định		2NT	25	05	D340202	0450	0500	0475	1450	Bảo hiểm
480	15	03	BVH . A 2730	Nguyễn Quang Ngọc	160295	0	Phú Thọ		2	15	02	D340202	0400	0550	0700	1650	Bảo hiểm
481	1B	08	NHF . D1 1556	Nguyễn Thị Quỳnh Duy	130295	1	Hà nội		2	1B		D340202	0750	0450	0650	1850	Bảo hiểm
482	1A	17	LDA . D1 21523	Nguyễn Mỹ Lệ	011295	1	Hà nội		3	1A	04	D340202	0475	0450	0700	1650	Bảo hiểm
483	99	99	SP2 . A 1249	Đào Thị Hoa	280995	1	Hà nội		2	1A	13	D340202	0375	0575	0575	1550	Bảo hiểm
484	24	22	LPH . D1 12403	Hoàng Thị Thu Hường	131095	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340202	0475	0400	0725	1600	Bảo hiểm
485	1B	78	TGC . D1 8151	Nguyễn Thế Toán	290795	0	Hà nội		2NT	1B	29	D340202	0575	0300	0700	1600	Bảo hiểm
486	1B	78	HCP . A 114	Nguyễn Đình Công	211095	0	Hà nội		2NT	1B	29	D340202	0550	0400	0500	1450	Bảo hiểm
487	25	27	TMA . A 1800	Phùng Thị Duyên	300195	1	Nam Định		2NT	25	04	D340202	0475	0650	0550	1700	Bảo hiểm
488	16		ANH . D1 8139	Kim Hữu Nghĩa	151295	0	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340202	0675	0500	0500	1700	Bảo hiểm
489	1A	03	DDL . D1 11407	Phùng Phương Duy	121195	0	Hà nội		3	1A	02	D340202	0275	0400	0750	1450	Bảo hiểm
490	13	16	HCH . A 511	Lê Thảo Linh	160595	1	Yên Bái		1	13	04	D340202	0400	0425	0625	1450	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
491	23	30	DMT . A 4393	Sầm Thùy Linh	030595	1	Hoà Bình	01	1	23	07	D340202	0350	0375	0400	1150	Bảo hiểm
492	25	74	NHF . D1 3073	Đào Công Hoàn	090394	0	Nam Định		2NT	25		D340202	0550	0625	0625	1800	Bảo hiểm
493		32	QHT . A 2027	Nguyễn Thị Độ	100595	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340202	0475	0550	0475	1500	Bảo hiểm
494		69	QHF . D1 4028	Hoàng Thị Nga	210295	1	Thanh Hoá		2NT	28	20	D340202	0550	0750	0275	1600	Bảo hiểm
495	1A	07	KHA . D1 5209	Vũ Quang Thắng	050995	0	Hà nội		3	1A	02	D340202	0175	0725	0600	1500	Bảo hiểm
496	1A	45	HCH . D1 4621	Dương Thanh Nga	191095	1	Hà nội		3	1A	08	D340202	0550	0675	0400	1650	Bảo hiểm
497	1B	08	NHF . D1 6320	Nguyễn Thị Nhung	020295	1	Hà nội		2	1B		D340202	0650	0500	0375	1550	Bảo hiểm
498	17	04	LDA . D1 26630	Lê Thị Thanh Thuỷ	030495	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340202	0575	0400	0750	1750	Bảo hiểm
499	18	14	SP2 . A 4009	Nguyễn Thị Trang	080995	1	Bắc Giang		1	18	02	D340202	0575	0475	0550	1600	Bảo hiểm
500	19	24	DDL . D1 11852	Đỗ Duy Lin	240895	0	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340202	0600	0675	0350	1650	Bảo hiểm
501	1B	65	DCN . D1 9561	Hồ Thị Thảo	200695	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340202	0500	0400	0450	1350	Bảo hiểm
502	1A	55	TMA . D1 23340	Trần Thị Phương	160695	1	Hà nội		2	1A	10	D340202	0500	0450	0450	1400	Bảo hiểm
503	16	55	NHF . D1 4740	Nguyễn Ngọc Linh	051095	1	Vĩnh Phúc		2NT	16		D340202	0500	0800	0275	1600	Bảo hiểm
504	12	29	KHA . A 9778	Nguyễn Hoàng Yến	250795	1	Thái Nguyên		2NT	12	09	D340202	0600	0550	0725	1900	Bảo hiểm
505	26	52	LDA . D1 21976	Lê Ngọc Khánh Linh	251095	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340202	0500	0500	0700	1700	Bảo hiểm
506	99	99	TGC . D1 7936	Tạ Thị Thu	051094	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340202	0425	0400	0750	1600	Bảo hiểm
507	21	13	TMA . A 4475	Nguyễn Hữu Huy	040795	0	Hải Dương		2	21	01	D340202	0450	0550	0600	1600	Bảo hiểm
508	17	81	LDA . D1 26420	Bùi Thị Huyền	150794	1	Quảng Ninh		1	17	13	D340202	0300	0375	0600	1300	Bảo hiểm
509	19	14	TMA . A 10593	Vũ Thị Thu	020395	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340202	0400	0450	0650	1500	Bảo hiểm
510	1A	18	DMT . A 1517	Trần Quang Đạt	180995	0	Hà nội		3	1A	06	D340202	0600	0525	0525	1650	Bảo hiểm
511	16	41	LDA . D1 20027	Đặng Thị Thanh Hằng	220395	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340202	0325	0450	0750	1550	Bảo hiểm
512	99	99	DMT . A 10106	Phan Thị Thúy Hằng	240894	1	Nghệ An		2	29	01	D340202	0475	0475	0500	1450	Bảo hiểm
513	28	81	LPH . A 5234	Nguyễn Thị Anh Đào	250195	1	Thanh Hoá		2NT	28	24	D340202	0650	0575	0775	2000	Bảo hiểm
514	1A	36	SPH . A 2149	Nguyễn Thanh Huyền	220895	1	Hà nội		3	1A	11	D340202	0575	0575	0550	1700	Bảo hiểm
515	25	02	NHF . D1 5257	Trần Thị Ngọc Mai	021095	1	Nam Định		2	25		D340202	0850	0375	0550	1800	Bảo hiểm
516	25	02	TGC . D1 7346	Vũ Thị Oanh	130395	1	Nam Định		2	25	07	D340202	0525	0400	0750	1700	Bảo hiểm
517	27		ANH . A 2856	Phạm Thị Thúy	130895	1	Ninh Bình		1	27	06	D340202	0525	0650	0675	1850	Bảo hiểm
518	28		PCH . A 977	Lê Thị Dung	071194	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340202	0550	0625	0575	1750	Bảo hiểm
519	24	62	TMA . D1 24148	Chu Thị Thương	030395	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340202	0450	0350	0600	1400	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
520	27	41	BAK . D1 783	Nguyễn Thị Lý	160495	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340202	0400	0775	0600	1800	Bảo hiểm
521	99	99	KHA . D1 4229	Đỗ Thị Cẩm Nhung	100994	1	Bắc Giang		2	18	07	D340202	0625	0300	0650	1600	Bảo hiểm
522		14	QHS . A 467	Phạm Thị Phương Anh	101295	1	Hải Dương		2	21	01	D340202	0550	0650	0550	1750	Bảo hiểm
523	1A	45	DQK . D1 2862	Hoàng Như Ngọc	301095	1	Hà nội		3	1A	08	D340202	0750	0400	0500	1650	Bảo hiểm
524		78	QHF . D1 4889	Nguyễn Thị Phương	040295	1	Hà Nội	06	2	01	13	D340202	0475	0600	0425	1500	Bảo hiểm
525	21	18	TMA . D1 21280	Đỗ Thị Thu Hiền	160395	1	Hải Dương		1	21	02	D340202	0575	0225	0750	1550	Bảo hiểm
526	13	09	DNV . D1 8221	Vũ Thị Yến	170895	1	Yên Bái		1	13	02	D340202	0450	0300	0675	1450	Bảo hiểm
527	1A	04	PKH . A 1488	Cao Xuân Phong	130995	0	Hà nội		3	1A	04	D340202	0625	0550	0650	1850	Bảo hiểm
528	1B	03	NHF . D1 7321	Đỗ Văn Sơn	010695	0	Hà nội		3	1B		D340202	0500	0650	0525	1700	Bảo hiểm
529	25	01	TGC . D1 7461	Nguyễn Thị Thu Phương	050894	1	Nam Định		2	25	01	D340202	0425	0350	0650	1450	Bảo hiểm
530		34	QHX . A 2429	Phạm Quang Hà	300895	0	Hà nội		3	1A	06	D340202	0425	0650	0575	1650	Bảo hiểm
531	1A	01	NTH . D1 6789	Hoàng Phương Mai	190795	1	Hà nội		3	1A	01	D340202	0575	0550	0700	1850	Bảo hiểm
532	19	11	TGC . D1 8539	Nguyễn Thị Tươi	170195	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340202	0675	0325	0700	1700	Bảo hiểm
533	25	75	TGC . D1 5664	Hoàng Thị Hậu	160495	1	Nam Định		2NT	25	10	D340202	0700	0400	0600	1700	Bảo hiểm
534	1A	31	LDA . D1 23498	Nguyễn Anh Phương	050895	1	Hà nội		3	1A	01	D340202	0625	0475	0700	1800	Bảo hiểm
535	1B	51	DDL . A 6740	Trịnh Thị Thùy Trang	210895	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340202	0675	0525	0525	1750	Bảo hiểm
536	1A	02	LDA . D1 20715	Nguyễn Bảo Huyền	250295	1	Hà nội		3	1A	01	D340202	0625	0750	0350	1750	Bảo hiểm
537		04	QHT . A 18487	Phạm Hoàng Oanh	160395	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340202	0650	0700	0550	1900	Bảo hiểm
538	01	09	HEH . A 1864	Ngô Xuân Tùng	070795	0	Hà nội	08	2	1A	09	D340202	0375	0625	0675	1700	Bảo hiểm
539	27	81	NHF . D1 4943	Vũ Thị Loan	220695	1	Ninh Bình		2NT	27		D340202	0750	0800	0475	2050	Bảo hiểm
540	03	01	TGC . D1 8751	Phạm Việt Anh	070895	0	Hải Phòng		3	03	01	D340202	0500	0700	0750	1950	Bảo hiểm
541		06	QHS . D1 1399	Nguyễn Thị Thu Hà	231095	1	Nam Định		2	25	01	D340202	0575	0750	0325	1650	Bảo hiểm
542	1B	19	LAH . A 3471	Khuất Đình Quý	011195	0	Hà nội		2NT	1B	19	D340202	0375	0550	0550	1500	Bảo hiểm
543	26	53	KTA . A 5301	Ngô Thị Thắm	160495	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340202	0550	0350	0450	1350	Bảo hiểm
544	24	21	DMT . A 7330	Trần Đức Thịnh	021295	0	Hà Nam		2NT	24	02	D340202	0450	0650	0425	1550	Bảo hiểm
545	1B	51	BVH . A 271	Nguyễn Ngọc ánh	190695	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340202	0400	0600	0525	1550	Bảo hiểm
546	26	47	TGC . D1 4909	Phạm Thị Lan Anh	150695	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340202	0750	0200	0350	1300	Bảo hiểm
547	09	09	TMA . A 3497	Vương Trọng Hiếu	160595	0	Tuyên Quang		1	09	01	D340202	0575	0550	0475	1600	Bảo hiểm
548	1B	32	DCN . D1 5117	Bùi Thị Hương	201195	1	Hà nội	06	2NT	1B	21	D340202	0525	0500	0400	1450	Bảo hiểm

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
549	99	99	SPH . A 3520	Nguyễn Việt Dũng	190294	0	Hà nội		2	1A	11	D340202	0250	0550	0550	1350	Bảo hiểm
550	1A	26	HHK . A 514	Lê Văn Long	270795	0	Hải Phòng		3	03	08	D340202	0450	0550	0550	1550	Bảo hiểm
551	25	61	LDA . D1 24861	Trần Thị Thủy	150195	1	Nam Định		2NT	25	08	D340202	0550	0500	0500	1550	Bảo hiểm
552	16		PCH . A 3361	Lưu Thị Xinh	160994	1	Vĩnh Phúc	01	1	16	09	D340202	0325	0350	0350	1050	Bảo hiểm
553	25	61	LDA . D1 19036	Bùi Thị Thùy Dung	251295	1	Nam Định		2NT	25	08	D340202	0575	0325	0600	1500	Bảo hiểm
554	1A	60	TMA . D1 24610	Trần Anh Tú	191295	0	Hà nội		2	1A	10	D340202	0350	0575	0700	1650	Bảo hiểm
555	1A	67	TMA . A 10907	Vũ Thị Thanh Thúy	120194	1	Hà nội		2	1A	11	D340202	0575	0550	0625	1750	Bảo hiểm
556	28		CSH . A 1279	Lê Đại Long	130495	0	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340202	0425	0675	0625	1750	Bảo hiểm
557	30		HCB . A 523	Trần Thị Minh Hằng	030995	1	Hà Tĩnh		2NT	30	04	D340202	0525	0575	0500	1600	Bảo hiểm
558		37	QHT . A 5953	Hà Thanh Trà My	150495	1	Hà nội		3	1A	07	D340202	0700	0500	0725	1950	Bảo hiểm
559	15	02	SPH . D1 13876	Đoàn Ngọc ánh	200995	1	Phú Thọ		2	15	01	D340202	0750	0650	0650	2050	Bảo hiểm
560	1A	54	LDA . A 929	Nguyễn Quang Đức	261195	0	Hà nội		2	1A	10	D340202	0300	0650	0500	1450	Bảo hiểm
561	03	07	TMA . A 14417	Phạm Nhật Khoa	160695	0	Hải Phòng		3	03	01	D340202	0525	0575	0625	1750	Bảo hiểm
562	1A	07	KHA . A 8654	Doãn Thùy Trang	310595	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0675	0575	0575	1850	Kế toán
563	1B	13	KTA . A 5037	Phùng Thị Thúy Quỳnh	041295	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0375	0450	0525	1350	Kế toán
564	15	05	LDA . D1 23556	Nguyễn Mai Phương	271195	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0650	0375	0650	1700	Kế toán
565	16	52	SP2 . A 1956	Bùi Thị Lan	280595	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340301	0600	0550	0550	1700	Kế toán
566	26	09	LDA . D1 26221	Nguyễn Thị Hải Yến	050295	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340301	0550	0375	0550	1500	Kế toán
567	22	12	TGC . D1 7841	Trần Thị Thảo	230595	1	Hung Yên		2	22	01	D340301	0675	0450	0600	1750	Kế toán
568	27	51	TMA . A 7551	Nguyễn Thị Kim Ngân	050495	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0500	0525	0650	1700	Kế toán
569	21	20	KHA . A 4413	Nguyễn Trung Kiên	211095	0	Hải Dương		2NT	21	01	D340301	0575	0650	0750	2000	Kế toán
570	1A	34	DMT . A 8717	Vũ Duy Tùng	260695	0	Hà nội		3	1A	01	D340301	0525	0500	0650	1700	Kế toán
571	1B	58	HCP . A 1027	Nguyễn Văn Tùng	011095	0	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0450	0450	0500	1400	Kế toán
572	29	01	TGC . D1 9179	Ngô Thị Quỳnh Phương	021294	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0725	0625	0650	2000	Kế toán
573	1B	60	DQH . A 5043	Đặng Thị Nhân	120895	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0625	0550	0450	1650	Kế toán
574		02	QHL . D1 5998	Lê Diệu Thúy	180195	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0500	0600	0575	1700	Kế toán
575	13	04	LDA . D1 22582	Trần Diễm My	131095	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0425	0400	0550	1400	Kế toán
576		99	QHL . D1 803	Nguyễn Mạnh Cường	070694	0	Hà Nội		2	01	14	D340301	0400	0650	0450	1500	Kế toán
577	30	07	LDA . A 6149	Hoàng Thị Thu Thảo	280895	1	Hà Tĩnh		2NT	30	09	D340301	0500	0350	0550	1400	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
578	1A	07	NHH . A 2171	Trần Phương Khanh	070595	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0725	0350	0625	1700	Kế toán
579	29	03	LDA . A 5990	Nguyễn Thị Thanh Hiền	220695	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0450	0600	0500	1550	Kế toán
580	21	00	LDA . A 3699	Nhữ Thị Phương	250995	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340301	0475	0550	0450	1500	Kế toán
581	22	50	NHH . A 4082	Nguyễn Thị Minh Thơm	120295	1	Hưng Yên		2NT	22	08	D340301	0525	0550	0575	1650	Kế toán
582	22	28	NHF . D1 2001	Nguyễn Thị Giang	120595	1	Hưng Yên		2NT	22		D340301	0750	0625	0450	1850	Kế toán
583	1A	00	TMA . A 11549	Nguyễn Hà Trang	181095	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0675	0650	0525	1850	Kế toán
584	1B	32	KHA . D1 2109	Nguyễn Thị Kim Hồng	041295	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0800	0500	0550	1850	Kế toán
585	25	35	NTH . D1 8560	Nguyễn Thị Yên	100995	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0875	0375	0800	2050	Kế toán
586	26	46	LDA . D1 21978	Nguyễn Thị Diệu Linh	191295	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0600	0275	0650	1550	Kế toán
587	26	24	DCN . A 29517	Nguyễn Thị Lâm Oanh	070895	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0500	0300	0625	1450	Kế toán
588	1A	20	KHA . A 9575	Ngô Quang Việt	140795	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0600	0600	0650	1850	Kế toán
589	1B	58	LDA . D1 25016	Đặng Văn Toàn	060995	0	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0675	0275	0550	1500	Kế toán
590	25	74	LPH . A 4378	Tạ Thị ánh	250294	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0575	0525	0500	1600	Kế toán
591	17	31	LDA . A 5804	Lăng Thế Thạch	170795	0	Quảng Ninh		2	17	04	D340301	0450	0550	0550	1550	Kế toán
592	1A	62	HCH . A 335	Nguyễn Huy Hoàng	090895	0	Sơn La		2	14	04	D340301	0450	0475	0750	1700	Kế toán
593	19	16	LDA . A 1234	Ngô Thị Mỹ Hào	220495	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0475	0550	0650	1700	Kế toán
594	1B	44	QHX . D1 918	Nguyễn Thị Dung	080695	1	Hà Nội		2NT	01	23	D340301	0550	0500	0625	1700	Kế toán
595	19	11	TMA . A 7494	Bùi Thị Ngà	010895	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0575	0450	0600	1650	Kế toán
596	22	76	TGC . D1 7579	Đào Lệ Quỳnh	170895	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
597	21	22	DMT . A 6123	Nguyễn Thị Lan Phương	170395	1	Hải Dương	04	2NT	21	10	D340301	0325	0475	0550	1350	Kế toán
598	05	25	DCN . A 14879	Nguyễn Anh Hiếu	301295	0	Hà Giang		1	05	10	D340301	0475	0450	0500	1450	Kế toán
599	22	76	NHH . A 1568	Hoàng Thị Thu Hiền	250495	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340301	0650	0450	0575	1700	Kế toán
600	28		HCB . A 511	Nguyễn Thị Hạnh	190895	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0675	0575	0525	1800	Kế toán
601	1A	19	NHF . D1 1158	Đinh Hà Yến Chi	130196	1	Hà nội		3	1A		D340301	0700	0575	0550	1850	Kế toán
602	1A	79	SPH . D1 13526	Đỗ Thu Huyền	301195	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0700	0400	0500	1600	Kế toán
603	1A	19	LDA . D1 24257	Nguyễn Thu Thảo	301195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0750	0475	0550	1800	Kế toán
604	25	27	LPH . A 4225	Lê Thị Hằng	100695	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0725	0550	0650	1950	Kế toán
605	1B	03	NHF . D1 2130	Nguyễn Thu Hà	161195	1	Hà nội		3	1B		D340301	0750	0625	0625	2000	Kế toán
606	1A	12	LDA . D1 22705	Vũ Quỳnh Nga	250195	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0775	0400	0500	1700	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
607	1B	52	NHF . D1 2403	Nguyễn Hồng Hạnh	010295	1	Hà nội		2NT	1B		D340301	0650	0700	0500	1850	Kế toán
608	1A	17	LDA . D1 22505	Nguyễn Huyền My	121195	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0475	0625	0550	1650	Kế toán
609	1B	42	SPH . A 3566	Nguyễn Hoài Linh	101195	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0625	0250	0800	1700	Kế toán
610	17		ANH . A 7576	Nguyễn Thanh Chung	161095	0	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0675	0800	0700	2200	Kế toán
611	23		CSH . D1 19834	Trình Mạnh Cường	110395	0	#N/A		1			D340301	0475	0475	0450	1400	Kế toán
612	25	59	SPH . D1 12656	Bùi Thị Thu Hằng	130495	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0625	0300	0650	1600	Kế toán
613	1B	03	NHF . D1 4174	Bùi Thị Kiều Liên	160295	1	Hà nội		3	1B		D340301	0750	0725	0475	1950	Kế toán
614	22	52	TGC . D1 8070	Lưu Thị Thủy	300395	1	Hung Yên		2NT	22	05	D340301	0725	0325	0700	1750	Kế toán
615	1A	77	MDA . A 2931	Nguyễn Thị Thanh Hoa	251095	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0600	0525	0325	1450	Kế toán
616	25	03	TMA . A 5237	Nguyễn Thu Hương	230395	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0525	0425	0575	1550	Kế toán
617	99	99	TGC . D1 5272	Nguyễn Chí Dũng	230495	0	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0625	0300	0550	1500	Kế toán
618	22	16	QHL . D1 4582	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	300895	1	Hung Yên		2NT	22	01	D340301	0625	0700	0600	1950	Kế toán
619	16	43	KHA . A 3123	Trịnh Thị Hoa	010895	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340301	0625	0600	0725	1950	Kế toán
620	1A	00	NHH . A 3874	Nguyễn Phương Thảo	160395	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0550	0575	0575	1700	Kế toán
621	24	32	DCN . D1 8557	Nguyễn Thị Minh Phuong	050295	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0600	0375	0400	1400	Kế toán
622	1A	70	LDA . D1 19623	Nguyễn Thị Thu Hà	120695	1	Hà nội		2	1A	09	D340301	0425	0500	0800	1750	Kế toán
623	22	60	TGC . D1 6610	Nguyễn Khánh Linh	191195	1	Hung Yên		2NT	22	10	D340301	0575	0625	0600	1800	Kế toán
624	1A	43	DMT . A 5467	Đỗ Hồng Ngọc	261095	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0525	0600	0550	1700	Kế toán
625	26	47	YPB . A 811	Trần Thị Lan	261095	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0675	0550	0725	1950	Kế toán
626	03	02	DMT . A 9635	Lê Thị Thu Nga	060695	1	Hải Phòng		3	03	01	D340301	0625	0550	0650	1850	Kế toán
627		30	QHF . D1 1783	Vương Sỹ Thị Hằng	020895	1	Hà Nội		2NT	01	20	D340301	0550	0550	0300	1400	Kế toán
628	24	51	KHA . D1 1886	Phạm Thị Thanh Hiền	111095	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0700	0650	0700	2050	Kế toán
629	22		PCH . D1 1764	Nguyễn Thị Lan Hương	170795	1	#N/A		2NT			D340301	0600	0575	0525	1700	Kế toán
630	1B	30	DCN . D1 12192	Lê Thị Xuân	220395	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340301	0600	0300	0400	1300	Kế toán
631	1A	07	TMA . A 4660	Nguyễn Minh Huyền	191195	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0500	0425	0450	1400	Kế toán
632	1A	71	DQK . D1 1897	Vũ Thị Diễm Hương	121295	1	Hà nội		2	1A	12	D340301	0550	0300	0750	1600	Kế toán
633	23		HCB . D1 713	Phạm Ngọc Huy	051195	0	#N/A		1			D340301	0400	0450	0525	1400	Kế toán
634	12	29	TMA . A 11642	Nguyễn Thị Hà Trang	260495	1	Thái Nguyên		2NT	12	09	D340301	0600	0350	0550	1500	Kế toán
635	03	27	HCH . A 1221	Dương Thanh Loan	151194	1	Hải Phòng		3	03	04	D340301	0475	0400	0575	1450	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
636		03	QHL . D1 2970	Nguyễn Thị Tuyết Lê	020295	1	Hà Nội		3	01	15	D340301	0725	0550	0350	1650	Kế toán
637	15	00	QHY . A 7816	Nguyễn Thị Thanh Tâm	220194	1	Phú Thọ	06	2	15	01	D340301	0400	0450	0375	1250	Kế toán
638	1A	07	LDA . D1 22905	Nguyễn Hải Ngọc	121095	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0600	0400	0700	1700	Kế toán
639	1B	01	NHF . D1 8209	Vũ Thị Minh Thúy	310795	1	Hà nội		3	1B		D340301	0700	0475	0500	1700	Kế toán
640	16	12	HCP . A 473	Vũ Thùy Linh	290695	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340301	0525	0300	0500	1350	Kế toán
641	27	32	LDA . D1 23352	Phạm Thị Minh Oanh	090395	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0525	0450	0650	1650	Kế toán
642	1A	30	LDA . D1 22236	Nguyễn Hương Ly	241295	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0475	0400	0700	1600	Kế toán
643	25	68	DCN . D1 4932	Vũ Thị Huyền	260895	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0475	0375	0450	1300	Kế toán
644	16	45	DMT . A 8071	Ngô Thị Hà Trang	280895	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	01	D340301	0400	0600	0550	1550	Kế toán
645	1A	48	QHS . D1 2593	Ngô Thị Thanh Hương	050695	1	Hà Nội		3	01	09	D340301	0400	0650	0550	1600	Kế toán
646	25	16	DMT . A 7562	Nguyễn Thu Thủy	141095	1	Nam Định		2NT	25	01	D340301	0525	0550	0550	1650	Kế toán
647	16	01	LDA . A 1456	Dương Quang Hiếu	140193	0	Vĩnh Phúc		2	16	08	D340301	0400	0425	0525	1350	Kế toán
648	99	99	TDD . A 91	Lê Thị Huyền	141295	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0625	0550	0450	1650	Kế toán
649	1A	03	NHF . D1 72	Hoàng Anh	211295	1	Hà nội		3	1A		D340301	0550	0425	0700	1700	Kế toán
650	17	44	DQK . D1 4811	Vũ Thị Quỳnh	151195	1	Quảng Ninh		2NT	17	07	D340301	0575	0425	0750	1750	Kế toán
651	19	03	HCH . D1 4059	Nguyễn Thị Mai Dung	080994	1	Bắc Ninh		2NT	19	03	D340301	0700	0550	0225	1500	Kế toán
652	28	53	DMT . A 5049	Trịnh Thị Hoài Minh	201095	1	Thanh Hoá		2NT	28	16	D340301	0425	0575	0350	1350	Kế toán
653	1A	36	LDA . A 1318	Nguyễn Thị Hằng	130595	1	Hà nội		3	1A	10	D340301	0450	0550	0475	1500	Kế toán
654	1A	52	NHF . D1 6687	Vũ Minh Phương	010695	1	Hà nội		2	1A		D340301	0550	0675	0325	1550	Kế toán
655	1A	53	SPH . D1 11380	Nguyễn Thị Phương Dung	010893	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0600	0400	0550	1550	Kế toán
656	28	03	TMA . A 6207	Nguyễn Thị Linh	070195	1	Thanh Hoá		2	28	03	D340301	0575	0550	0600	1750	Kế toán
657	1A	77	SPH . D1 13971	Nguyễn Kim Huệ	301295	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0600	0250	0750	1600	Kế toán
658	28	48	BVH . A 235	Trần Việt Anh	080695	0	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340301	0550	0475	0650	1700	Kế toán
659	28	31	TMA . A 559	Nguyễn Thị Trâm Anh	010195	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0550	0575	0525	1650	Kế toán
660	23	22	TMA . A 8086	Đỗ Quỳnh Nhung	291295	1	Hoà Bình		1	23	04	D340301	0500	0375	0650	1550	Kế toán
661	1B	76	DCN . D1 9361	Đỗ Văn Thanh	060295	0	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0625	0300	0500	1450	Kế toán
662	29	04	LDA . D1 26882	Nguyễn Thị Như Quỳnh	040695	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0675	0450	0450	1600	Kế toán
663	22	57	TMA . A 12889	Đàm Thị Thùy Yên	010595	1	Hưng Yên		2NT	22	10	D340301	0525	0650	0525	1700	Kế toán
664	27	72	DMT . A 7442	Trần Thị Thu	220595	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0450	0400	0575	1450	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
665	03	14	THP . D1 6934	Lưu Thị Minh Hằng	290795	1	Hải Phòng		3	03	01	D340301	0675	0250	0550	1500	Kế toán
666	25	35	DCN . A 35790	Lê Thị Thắm	050795	1	Nam Định	06	2NT	25	05	D340301	0500	0350	0525	1400	Kế toán
667	1A	42	LDA . A 3274	Dương Trọng Nghĩa	081094	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0650	0475	0525	1650	Kế toán
668	1A	19	TLA . A 3248	Nhữ Quang Hưng	310595	0	Hà nội		3	1A	04	D340301	0550	0425	0450	1450	Kế toán
669	1A	00	QHF . D1 3392	Tạ Thị Tú Linh	100595	1	Hà Nội		3	01	04	D340301	0475	0650	0475	1600	Kế toán
670	99	99	HQT . A 2806	Nguyễn Phương Anh	040895	1	Thái Nguyên		3	12	01	D340301	0425	0775	0725	1950	Kế toán
671	1A	54	DMT . A 5736	Bùi Thị Hồng Nhung	050195	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0375	0425	0600	1400	Kế toán
672	24	41	QHS . A 6441	Nguyễn Thị Bích Ngọc	200795	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0600	0650	0550	1800	Kế toán
673	28	85	LPH . A 5263	Lê Thị Nga	080795	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0550	0600	0450	1600	Kế toán
674	28	76	TMA . A 9253	Nguyễn Thị Quỳnh	010395	1	Thanh Hoá	04	2NT	28	22	D340301	0350	0400	0575	1350	Kế toán
675	26	02	KHA . D1 1375	Nguyễn Thị Hà	210395	1	Thái Bình		2	26	05	D340301	0475	0375	0700	1550	Kế toán
676	1A	36	LDA . A 5068	Nguyễn Thành Trung	130895	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0500	0450	0650	1600	Kế toán
677	28	23	LPH . A 4917	Bùi Mỹ Hào	101094	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0750	0650	0425	1850	Kế toán
678	13	03	DNV . D1 7636	Nguyễn Thị Thu Thảo	130395	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0450	0350	0725	1550	Kế toán
679	1A	11	KHA . A 7937	Nguyễn Hoài Thu	301295	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0500	0625	0650	1800	Kế toán
680	22	60	MDA . A 5919	Nguyễn Thị Phụng	090795	1	Hung Yên		2NT	22	10	D340301	0450	0400	0425	1300	Kế toán
681	1A	22	GHA . A 4113	Kiều Thị Huế	250895	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0475	0425	0425	1350	Kế toán
682	1A	30	NHF . D1 4453	Phạm Thùy Linh	170595	1	Hải Dương		3	21		D340301	0650	0700	0725	2100	Kế toán
683	1A	39	DKH . A 691	Bùi Thị Ngọc Hà	260395	1	Sơn La		3	14	07	D340301	0700	0575	0550	1850	Kế toán
684	99	99	NHH . D1 439	Mẫn Thị Nhung	210894	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0625	0400	0550	1600	Kế toán
685	27	81	LPH . A 4819	Lê Thị Thanh Phương	070995	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0650	0650	0650	1950	Kế toán
686	19	13	LDA . D1 22091	Phạm Minh Loan	051195	1	Bắc Ninh		2	19	01	D340301	0450	0325	0600	1400	Kế toán
687	1A	78	NHF . D1 4530	Cao Hải Linh	020995	1	Hà nội		2	1A		D340301	0800	0500	0450	1750	Kế toán
688	19	48	DMT . A 7062	Đỗ Thị Xuân Thảo	220195	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0400	0425	0525	1350	Kế toán
689	28	34	KHA . D1 5885	Trương Thiên Trang	230495	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0825	0475	0750	2050	Kế toán
690	28	34	KHA . A 8533	Trương Thiên Trang	230495	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0725	0425	0675	1850	Kế toán
691	1B	43	TMA . A 6136	Ngô Thùy Linh	181195	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0425	0550	0550	1550	Kế toán
692	19	18	DCN . D1 5549	Phùng Hữu Khánh	080895	0	Bắc Ninh		2NT	19	03	D340301	0600	0375	0450	1450	Kế toán
693	1B	03	BVH . A 2162	Nguyễn Thị Cẩm Linh	290195	1	Hà nội		3	1B	15	D340301	0525	0550	0450	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
694	26	47	DCN . D1 10614	Vũ Thị Thủy	110295	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0600	0525	0450	1600	Kế toán
695	19	24	DCN . D1 2886	Nguyễn Thị Thu Hà	191095	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0475	0500	0400	1400	Kế toán
696	19	09	TMA . D1 22916	Lê Bích Ngọc	130295	1	Bắc Ninh		2	19	07	D340301	0675	0400	0600	1700	Kế toán
697	1A	16	LDA . A 3245	Hoàng Thị Tuyết Ngân	180693	1	Hung Yên		2	22	01	D340301	0650	0350	0700	1700	Kế toán
698	24	61	KHA . D1 4864	Nguyễn Thanh Tâm	011195	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0700	0475	0550	1750	Kế toán
699	25	21	DCN . D1 1326	Vũ Thị Lan Anh	220395	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0650	0425	0500	1600	Kế toán
700	1B	42	TMA . A 8867	Bùi Thị Phụng	241095	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0425	0475	0525	1450	Kế toán
701	22	57	NHH . A 2770	Lưu Ngọc Mai	120795	1	Hung Yên		2NT	22	10	D340301	0725	0675	0250	1650	Kế toán
702	24	04	QHL . D1 6680	Trần Anh Tuấn	050994	0	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0575	0550	0450	1600	Kế toán
703	19	13	NHF . D1 3502	Nguyễn Minh Huyền	250495	1	Bắc Ninh		2	19		D340301	0600	0375	0700	1700	Kế toán
704	1A	62	BVH . A 3411	Nguyễn Minh Thái	090195	0	Hà nội		2	1A	04	D340301	0475	0650	0675	1800	Kế toán
705	1A	37	DMT . A 3223	Nguyễn Thanh Huyền	291095	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0625	0525	0525	1700	Kế toán
706	99		DNH . D1 1252	Nguyễn Thị Ngọc	080295	1	Hung Yên		2NT	22	03	D340301	0550	0650	0375	1600	Kế toán
707	1A	86	NHF . D1 3690	Trần Thị Lan Hương	251095	1	Hà nội		2	1A		D340301	0450	0625	0425	1500	Kế toán
708	1A	21	LDA . D1 18056	Nguyễn Thị Mai Anh	281295	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0350	0425	0750	1550	Kế toán
709	24	32	NHF . D1 6121	Nguyễn Thị Ngọc	201095	1	Hà Nam		1	24		D340301	0700	0750	0525	2000	Kế toán
710	19	24	QHX . D1 5858	Nguyễn Thu Thủy	141095	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0700	0750	0500	1950	Kế toán
711	21	18	QHX . D1 4573	Nguyễn Thị Hồng Nhung	210995	1	Hải Dương		1	21	02	D340301	0700	0750	0300	1750	Kế toán
712	25	50	KHA . D1 6437	Phạm Thị Vui	281095	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0675	0450	0550	1700	Kế toán
713	1A	37	LDA . D1 19241	Trương Thùy Dương	200895	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0525	0275	0600	1400	Kế toán
714	03	28	LPH . A 1367	Đoàn Thị Huyền Vi	180195	1	Hải Phòng		3	03	05	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
715	1B	04	NHF . D1 576	Nguyễn Thị Ngọc Anh	180295	1	Hà nội		3	1B		D340301	0600	0750	0550	1900	Kế toán
716	03	23	TMA . D1 25085	Ngô Thị Thu Hằng	160795	1	Hải Phòng		3	03	07	D340301	0625	0400	0650	1700	Kế toán
717	1B	08	KHA . D1 3309	Nguyễn Khánh Linh	150695	1	Hà nội		2	1B	16	D340301	0525	0575	0350	1450	Kế toán
718	1A	12	HFH . A 327	Nguyễn Phương Liên	281095	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0450	0500	0425	1400	Kế toán
719	1B	63	LDA . D1 21562	Phạm Thị Liên	050595	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0525	0350	0650	1550	Kế toán
720	03	48	LDA . A 5690	Dương Thu Hương	101195	1	Hải Phòng		2	03	09	D340301	0450	0550	0550	1550	Kế toán
721	1B	43	DCN . D1 11975	Nguyễn Thị Vân	210495	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0750	0400	0550	1700	Kế toán
722	1A	49	LDA . D1 23524	Nguyễn Thị Lan Phương	020995	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0400	0475	0600	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
723	21	18	TMA . A 7179	Bùi Trà My	160395	1	Hải Dương		1	21	02	D340301	0600	0550	0550	1700	Kế toán
724	16	61	LDA . D1 21891	Phạm Thuỳ Linh	060895	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	06	D340301	0700	0400	0550	1650	Kế toán
725	28	23	TMA . A 4637	Mai Thị Huyền	210993	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0350	0550	0375	1300	Kế toán
726	16	61	QHX . A 1367	Nguyễn Thị Dung	200695	1	Vĩnh Phúc	01	2NT	16	06	D340301	0325	0475	0525	1350	Kế toán
727	26	03	DCN . D1 12424	Trần Thị Yến	171095	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0600	0425	0575	1600	Kế toán
728	21	20	NHH . A 226	Phạm Thị Vân Anh	220495	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0650	0550	0500	1700	Kế toán
729	25	03	DMT . A 4004	Đinh Thị Ngọc Lan	280695	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0525	0250	0625	1400	Kế toán
730	16	11	TGC . D1 5117	Hoàng Thị Tuyết Chinh	160995	1	Vĩnh Phúc		2	16	02	D340301	0550	0475	0700	1750	Kế toán
731	21	20	TMA . A 9592	Vương Thị Tâm	250395	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0500	0450	0650	1600	Kế toán
732	1A	34	NHF . D1 7247	Nguyễn Ngọc Sáng	180495	0	Hà nội		3	1A		D340301	0400	0475	0600	1500	Kế toán
733	28		GTA . A 5651	Bùi Thị Hải Yến	030995	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0475	0475	0450	1400	Kế toán
734	1B	20	DDL . A 3763	Đỗ Thị Phương Linh	210695	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0600	0450	0650	1700	Kế toán
735	21	30	TMA . A 2332	Cao Thị Hương Giang	021294	1	Hải Dương		2NT	21	06	D340301	0650	0475	0550	1700	Kế toán
736	29	01	GHA . A 20166	Ngô Xuân Cường	130594	0	Nghệ An		2	29	01	D340301	0575	0450	0450	1500	Kế toán
737	19	21	NHF . D1 3500	Nguyễn Thị Thương Huyền	200995	1	Bắc Ninh		2NT	19		D340301	0650	0600	0275	1550	Kế toán
738	1A	29	TGC . D1 7082	Phạm Thị Thúy Ngân	210295	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0500	0800	0350	1650	Kế toán
739	1B	10	DMT . A 77	Nguyễn Hà Anh	271295	1	Hà nội	06	2	1B	16	D340301	0450	0450	0550	1450	Kế toán
740	23	30	DMT . A 4366	Mai Khánh Linh	290995	1	Hoà Bình		1	23	07	D340301	0450	0400	0525	1400	Kế toán
741	12	36	TMA . A 7780	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	290995	1	Thái Nguyên		2NT	12	08	D340301	0675	0500	0400	1600	Kế toán
742	24	21	NHF . D1 2005	Hà Hương Giang	010995	1	Hà Nam		2NT	24		D340301	0750	0750	0625	2150	Kế toán
743	1B	78	TMA . A 9647	Lưu Văn Thanh	120295	0	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0550	0675	0550	1800	Kế toán
744	13	09	TMA . A 12851	Nguyễn Thị Xuân	311095	1	Yên Bái		1	13	06	D340301	0575	0550	0500	1650	Kế toán
745	25	04	DMT . A 5931	Hoàng Thị Thuý Oanh	190295	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0475	0300	0650	1450	Kế toán
746	17		ANH . A 8505	Lê Thị Huyền Trang	050595	1	#N/A		2			D340301	0750	0700	0750	2200	Kế toán
747	99	99	LDA . A 2688	Nguyễn Khánh Linh	080894	1	Thanh Hoá		2	28	03	D340301	0475	0525	0500	1500	Kế toán
748	99	99	LDA . A 2204	Lã Mai Hương	051195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0550	0400	0475	1450	Kế toán
749	1B	35	DCN . D1 8669	Nguyễn Thị Phượng	010695	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340301	0500	0325	0450	1300	Kế toán
750	1A	17	NHF . D1 3671	Trần Thu Hương	120795	1	Hà nội		3	1A		D340301	0550	0400	0475	1450	Kế toán
751	1A	65	QHS . A 365	Nguyễn Thị Phương Anh	010295	1	Hà nội		2	1A	11	D340301	0700	0475	0475	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
752	27	62	LDA . D1 24698	Tạ Thị Thuý	131095	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0650	0350	0500	1500	Kế toán
753	15	24	KHA . D1 1912	Nguyễn Thị Việt Hiền	110195	1	Phú Thọ		1	15	05	D340301	0650	0425	0700	1800	Kế toán
754	1B	28	DTS . D1 1149	Nguyễn Thị Hải	070995	1	#N/A		2NT			D340301	0450	0300	0600	1350	Kế toán
755	25	02	QHL . D1 3157	Lê Mỹ Linh	091195	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0675	0750	0675	2100	Kế toán
756	99	ti	NTH . D1 7974	Nguyễn Thị Diệu Thúy	300594	1	Nam Định		2	25	07	D340301	0400	0325	0600	1350	Kế toán
757	19	22	NHF . D1 8144	Nguyễn Thị Thuỷ	280395	1	Bắc Ninh		2NT	19		D340301	0550	0350	0400	1300	Kế toán
758	1A	65	DNV . D1 5758	Mai Quỳnh Anh	180495	1	Hà nội		2	1A	08	D340301	0425	0450	0650	1550	Kế toán
759	29	31	TDV . A 3835	Trương Thị Hương	171095	1	Nghệ An		2NT	29	06	D340301	0550	0450	0550	1550	Kế toán
760	1A	52	TMA . A 5363	Đặng Thị Hường	201195	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0575	0600	0550	1750	Kế toán
761	24	31	TMA . A 2585	Lê Thị Thu Hà	220295	1	Hà Nam		2NT	24	03	D340301	0600	0525	0650	1800	Kế toán
762	30	26	LPH . A 5807	Đào Thị Mỹ Trâm	020295	1	Hà Tĩnh		1	30	03	D340301	0525	0400	0350	1300	Kế toán
763	1B	18	DCN . A 25042	Bùi Thị Lý	090995	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0525	0350	0625	1500	Kế toán
764	27	07	DCN . D1 3273	Đào Thị Huệ Hát	240593	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0625	0300	0450	1400	Kế toán
765	1B	28	GHA . A 7303	Nguyễn Thị Mai Phương	020695	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340301	0300	0575	0625	1500	Kế toán
766	1A	29	QHT . A 6410	Lương Tuấn Ngọc	090895	0	Hà nội		3	1A	06	D340301	0675	0475	0550	1700	Kế toán
767	1A	01	NTH . D1 5725	Nguyễn Thị Mỹ Hào	220295	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0600	0525	0550	1700	Kế toán
768	22	39	BKA . A 8178	Phạm Thị Nguyệt	180294	1	Hung Yên		2NT	22	01	D340301	0400	0600	0600	1600	Kế toán
769	99	99	VHH . D1 3586	Lê Thị Thu Hương	041194	1	Hà nội		3	1A	13	D340301	0600	0375	0650	1650	Kế toán
770	03	23	DCN . A 490	Bùi Thị Lan Hương	110295	1	Hải Phòng		3	03	04	D340301	0525	0425	0475	1450	Kế toán
771	25	04	TMA . A 7827	Trần Bích Ngọc	040695	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0525	0650	0650	1850	Kế toán
772	1A	20	LDA . D1 22896	Phạm Hồng Ngọc	060395	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0675	0325	0650	1650	Kế toán
773	24	32	TMA . A 3890	Trương Thị Mỹ Hoa	010495	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0525	0525	0650	1700	Kế toán
774	1B	42	LPH . A 1055	Lê Thị út	160695	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0525	0525	0750	1800	Kế toán
775	21	14	GHA . A 11362	Trần Thị Yến	200295	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0500	0550	0475	1550	Kế toán
776	1B	76	TGC . D1 6547	Trần Thị Thảo Linh	061295	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0475	0325	0700	1500	Kế toán
777	1A	52	SPH . D1 14984	Lê Quỳnh Dung	021095	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0525	0500	0700	1750	Kế toán
778	1B	20	TMA . A 12898	Đào Thị Yến	200395	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0625	0550	0575	1750	Kế toán
779	26	24	LDA . D1 25361	Lại Thị Trang	150995	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0575	0300	0650	1550	Kế toán
780	07	16	DKH . A 830	Lê Thị Hồng Hạnh	021095	1	Lai Châu		1	07	05	D340301	0075	0650	0875	1600	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
781	12	B2	TMA . A 11313	Đông Thị Phương Trang	221295	1	Hà nội		2	1B	22	D340301	0375	0350	0600	1350	Kế toán
782	25	76	DCN . D1 9257	Ngô Thị Tâm	040795	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0700	0400	0450	1550	Kế toán
783	1A	00	KHA . A 1	Phùng Thị Minh An	290995	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0675	0650	0750	2100	Kế toán
784	99	99	QHT . A 9289	Nghiêm Thị Trang	171194	1	Bắc Giang		2NT	18	07	D340301	0575	0575	0550	1700	Kế toán
785	24	21	NHH . A 2085	Hoàng Thị Hương	300495	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0500	0450	0725	1700	Kế toán
786	1B	37	SPH . D1 13941	Chu Thị Hiền	250194	1	Hà nội		3	1B	21	D340301	0575	0300	0650	1550	Kế toán
787	22	20	LDA . D1 20619	Cáp Thị Kim Huệ	130995	1	Hung Yên		2NT	22	03	D340301	0700	0250	0700	1650	Kế toán
788	22	44	LPH . A 3841	Vũ Thị Hường	060694	1	Hung Yên		2NT	22	06	D340301	0450	0575	0550	1600	Kế toán
789	19	06	DCN . D1 2897	Nguyễn Thị Thúy Hà	310794	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0625	0475	0450	1550	Kế toán
790	27	13	LDA . A 5307	Nguyễn Thị Tươi	091095	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0600	0575	0575	1750	Kế toán
791	15	02	SP2 . A 2724	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	060995	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0675	0650	0450	1800	Kế toán
792	13	03	HQT . D1 2043	Đào Thị Phượng	120995	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0750	0600	0200	1550	Kế toán
793	1B	03	TGC . D1 4826	Trần Hoàng Anh	261295	1	Hà nội		3	1B	15	D340301	0550	0600	0550	1700	Kế toán
794	17	14	DTS . D1 2682	Đinh Vũ Nhật Linh	241095	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0550	0500	0500	1550	Kế toán
795	99		DCN . D1 3350	Nguyễn Thị Thúy Hằng	290394	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0375	0650	0500	1550	Kế toán
796	27	21	KHA . D1 4291	Phạm Thị Hồng Nhung	220695	1	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0725	0550	0550	1850	Kế toán
797	08	19	HCH . A 825	Tò Thị Tâm	300995	1	Lào Cai		1	08	04	D340301	0525	0450	0450	1450	Kế toán
798	1A	02	QHS . A 8108	Nguyễn Phương Thảo	120395	1	Hà nội		3	1A	05	D340301	0600	0700	0800	2100	Kế toán
799	1A	52	SPH . D1 12604	Lê Thu Hà	030695	1	Hà nội		2	1A	05	D340301	0550	0275	0600	1450	Kế toán
800	1A	07	LDA . D1 22908	Nguyễn Bích Ngọc	260695	1	Hà nội		3	1A	02	D340101	0450	0500	0750	1700	Quản trị kinh doanh
801	21	20	NHF . D1 1963	Nguyễn Thị Giang	221195	1	Hải Dương		2NT	21		D340301	0700	0400	0500	1600	Kế toán
802	1A	18	TGC . D1 5052	Vũ Linh Chi	101095	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0600	0450	0700	1750	Kế toán
803	18	11	SP2 . A 3093	Nguyễn Thị Phượng	160295	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0425	0550	0625	1600	Kế toán
804	17	14	TMA . A 14739	Nguyễn Thị Thu Thảo	300195	1	Quảng Ninh	01	2	17	02	D340301	0450	0550	0550	1550	Kế toán
805	1A	17	LDA . A 1039	Trần Thu Hà	091295	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0600	0375	0650	1650	Kế toán
806	27	00	CSH . D1 20197	Ngô Thị Hà Phương	251195	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0625	0350	0525	1500	Kế toán
807	1A	66	SP2 . A 277	Nguyễn Phương Chi	050195	1	Hà nội		2	1A	08	D340301	0550	0600	0600	1750	Kế toán
808	27	12	HCH . D1 4628	Đỗ Thị Ngân	100895	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0400	0650	0550	1600	Kế toán
809	22	34	DDL . D1 12590	Nguyễn Trần Tú Yên	071295	1	Hung Yên		2NT	22	05	D340301	0600	0575	0450	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
810	25	68	NHF . D1 8914	Nguyễn Thuỳ Trang	100495	1	Nam Định		2NT	25		D340301	0700	0500	0525	1750	Kế toán
811	1A	11	DDL . A 7834	Phạm Vũ Vương	261195	0	Hà nội		3	1A	03	D340301	0600	0450	0550	1600	Kế toán
812	22	99	QHT . A 8509	Phạm Thị Thơ	040394	1	Hung Yên		2NT	22	06	D340301	0400	0650	0675	1750	Kế toán
813	13	17	TMA . D1 23783	Phạm Minh Thảo	140395	1	Yên Bái		1	13	04	D340301	0625	0425	0600	1650	Kế toán
814	1A	49	HCH . A 1008	Nguyễn Thu Trang	010595	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0525	0475	0750	1750	Kế toán
815	99	99	LDA . D1 21532	Đỗ Thị Lệ	130594	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0625	0400	0650	1700	Kế toán
816	25	34	GHA . A 3272	Trần Thị Hằng	250695	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0425	0450	0650	1550	Kế toán
817	1A	53	NHF . D1 8705	Mai Thuỳ Trang	021195	1	Hà nội		2	1A		D340301	0650	0475	0675	1800	Kế toán
818	14	11	LPH . A 2618	Thái Thị Hồng Hạnh	200695	1	Sơn La		1	14	10	D340301	0475	0500	0475	1450	Kế toán
819	14	11	LPH . A 2628	Trần Thị Hồng Thu	070895	1	Sơn La	01	1	14	10	D340301	0550	0625	0650	1850	Kế toán
820	1A	22	LPH . D1 10855	Bùi Thùy Linh	120395	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0525	0450	0550	1550	Kế toán
821	01		ANH . D1 7922	Trần Nho Thị Thuỳ Hươ	070295	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0475	0600	0700	1800	Kế toán
822	1A	11	LDA . D1 23459	Nguyễn Thu Phương	240595	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0550	0500	0650	1700	Kế toán
823	1A	53	LPH . A 662	Nguyễn Thu Trang	181295	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0500	0400	0750	1650	Kế toán
824	1B	13	TMA . A 3310	Nguyễn Thị Thu Hằng	140995	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0400	0675	0650	1750	Kế toán
825	01		ANH . A 3051	Nguyễn Thị Minh Trang	180495	1	Hà nội		2	1A	11	D340301	0475	0625	0825	1950	Kế toán
826	99	99	HTC . A 3251	Nguyễn Thị Hằng Nga	010894	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0550	0400	0575	1550	Kế toán
827	29		HCB . A 121	Phạm Thị Ngọc ánh	170595	1	Nghệ An		2NT	29	01	D340301	0625	0600	0700	1950	Kế toán
828	25	68	DKH . A 1458	Lê Thị Hương	070595	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0525	0400	0475	1400	Kế toán
829	99	99	DDL . D1 11302	Đinh Thị Ngọc Anh	270193	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0575	0450	0300	1350	Kế toán
830	1A	29	LDA . A 3308	Trần Thị Song Ngọc	110695	1	Hà nội		3	1A	06	D340301	0475	0550	0625	1650	Kế toán
831	1B	76	DDL . A 6609	Bùi Thị Tính	060495	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0575	0375	0750	1700	Kế toán
832	1B	76	LDA . D1 22262	Lê Thị Xuân Ly	170895	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0575	0450	0550	1600	Kế toán
833	99	99	NHF . D1 6419	Nguyễn Thị Nhung	150994	1	Hà nội		2NT	1B		D340301	0750	0475	0275	1500	Kế toán
834	16	01	SP2 . A 8	Nguyễn Hải An	130594	1	Vĩnh Phúc		1	16	07	D340301	0350	0575	0475	1400	Kế toán
835	1A	70	NHF . D1 3173	Vũ Thu Hồng	020395	1	Hà nội		2	1A		D340301	0800	0675	0300	1800	Kế toán
836	25	51	GHA . A 2662	Đặng Thị Hương Giang	290495	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0500	0450	0550	1500	Kế toán
837	21	35	SPH . D1 13960	Nguyễn Thị Liễu Hoàn	281095	1	Hải Dương		2NT	21	08	D340301	0675	0500	0700	1900	Kế toán
838	19	21	TMA . D1 20614	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	161195	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0675	0475	0500	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
839	21	20	NHH . A 2648	Đinh Thị Lơ	050795	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0625	0425	0500	1550	Kế toán
840	21	20	TMA . A 9587	Trần Thị Thanh Tâm	100195	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
841	28	73	LPH . A 5192	Nguyễn Thị Thương	070295	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0625	0600	0700	1950	Kế toán
842	25	38	DCN . D1 7723	Đỗ Thị Bảo Ngọc	101195	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0525	0250	0500	1300	Kế toán
843	25	36	SPH . A 2116	Trần Thị Hoa	090595	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0625	0550	0650	1850	Kế toán
844	24	51	QHL . D1 6260	Lê Thị Ngọc Trang	020195	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0625	0625	0525	1800	Kế toán
845	1B	68	LDA . A 2391	Nguyễn Thanh Lan	190695	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340301	0575	0625	0375	1600	Kế toán
846	28	34	NHH . A 4515	Trần Như Trang	250495	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0450	0475	0625	1550	Kế toán
847	1B	57	DCN . A 8792	Lê Thị Kim Duyên	181194	1	Hà nội		2NT	1A	11	D340301	0250	0525	0550	1350	Kế toán
848	1A	49	LDA . D1 22548	Âu Thị Huyền My	030895	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0625	0300	0700	1650	Kế toán
849	09	25	HCH . A 1151	Lê Thanh Xuân	220595	1	Tuyên Quang		1	09	05	D340301	0450	0450	0725	1650	Kế toán
850	21	20	TMA . A 9408	Trần Thị Sơn	190495	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0575	0575	0550	1700	Kế toán
851	21	20	TMA . A 7873	Nguyễn Thị Nguyên	210295	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340301	0475	0600	0525	1600	Kế toán
852	19	10	DTS . A 12383	Lê Thị Thanh	200895	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0575	0525	0425	1550	Kế toán
853	1A	66	QHS . A 1327	Nguyễn Phương Dung	210395	1	Hà nội		2	1A	11	D340301	0475	0550	0575	1600	Kế toán
854	1A	40	NHF . 1570	Vũ Thị Kim Duyên	211095	1	Hà nội		3	1A		D340301	0600	0625	0450	1700	Kế toán
855	18	11	LDA . D1 25483	Nguyễn Thị Bảo Trâm	201095	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0550	0525	0400	1500	Kế toán
856	28	25	HDT . A 1195	Nguyễn Phương Linh	181094	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340301	0675	0375	0425	1500	Kế toán
857	1A	11	KHA . D1 4197	Hoàng Mỹ Nhật	090295	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0375	0425	0650	1450	Kế toán
858	1A	31	QHL . D1 442	Trang Diệu Anh	150695	1	Hà Nội		3	01	04	D340301	0475	0750	0450	1700	Kế toán
859	1A	00	KHA . A 3470	Phạm Gia Huấn	171195	0	Hà nội		3	1A	01	D340301	0550	0625	0550	1750	Kế toán
860	25	61	TMA . A 4633	Lưu Thị Huyền	010295	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0625	0550	0450	1650	Kế toán
861	99	99	QHF . D1 6839	Trịnh Thị Uyên	010993	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0450	0725	0300	1500	Kế toán
862	99	99	NHF . D1 9013	Đặng Thu Trang	251193	1	Hà nội		3	1B		D340301	0800	0575	0450	1850	Kế toán
863	09	10	DMT . A 2312	Nguyễn Thị Hằng	261095	1	Tuyên Quang		1	09	05	D340301	0425	0525	0575	1550	Kế toán
864	17	04	QHL . D1 8506	Lê Thu Hà	220895	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0525	0800	0600	1950	Kế toán
865	1A	86	DDL . A 1279	Trần Thị Thùy Dương	160395	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0725	0450	0600	1800	Kế toán
866	1A	17	KHA . D1 365	Nguyễn Ngọc Anh	120995	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0500	0550	0550	1600	Kế toán
867	1A	20	KHA . D1 1946	Nguyễn Thanh Hoa	011195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0750	0700	0750	2200	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
868	28	48	QHT . A 8946	Lê Thị Hoài Thương	080395	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340301	0475	0450	0450	1400	Kế toán
869	1B	78	DKH . A 1635	Lê Thị Liên	150595	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0500	0550	0650	1700	Kế toán
870	1B	76	DDL . D1 11775	Nguyễn Lan Hương	010995	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0475	0475	0450	1400	Kế toán
871	1B	78	BAK . A 11748	Tạ Văn Trọng	301095	0	Hà nội		2NT	1B	29	D340301	0450	0600	0725	1800	Kế toán
872	1A	08	DMT . A 7400	Chu Hà Thu	300195	1	Hà nội		3	1A	08	D340301	0500	0550	0550	1600	Kế toán
873	15	49	HCP . A 609	Nguyễn Quỳnh Nga	201195	1	Phú Thọ		1	15	11	D340301	0300	0650	0525	1500	Kế toán
874	18	29	TMA . A 10046	Phạm Phương Thảo	150995	1	Bắc Giang		1	18	08	D340301	0500	0475	0550	1550	Kế toán
875	27	11	NNH . A 8760	Hoàng Thúy Nga	141195	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0375	0525	0550	1450	Kế toán
876	1A	18	DCN . A 19201	Vũ Thanh Hùng	010695	0	Hà nội		3	1A	04	D340301	0500	0500	0550	1550	Kế toán
877	1B	10	DMT . A 7747	Nguyễn Anh Thư	040895	1	Hà nội		2	1B	18	D340301	0400	0450	0700	1550	Kế toán
878	1A	02	TGC . D1 5191	Nguyễn Thùy Dung	011295	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0575	0375	0650	1600	Kế toán
879	1A	53	NHF . D1 3691	Khuông Thu Hương	101095	1	Hà nội		2	1A		D340301	0650	0475	0700	1850	Kế toán
880	21	18	QHE . D1 7113	Nguyễn Thị Ngọc Yến	100895	1	Hải Dương		1	21	02	D340301	0600	0750	0400	1750	Kế toán
881	1A	12	LDA . D1 21641	Nguyễn Diệu Linh	050795	1	Hà nội		3	1A	03	D340301	0550	0525	0700	1800	Kế toán
882	1A	17	TGC . D1 6369	Bùi Bích Liên	230895	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0550	0475	0550	1600	Kế toán
883	28	78	NHH . A 1550	Thịnh Thị Hiền	151095	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0625	0550	0525	1700	Kế toán
884	1A	86	QHS . A 8167	Nguyễn Thị Thảo	190195	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0700	0650	0650	2000	Kế toán
885	28	21	TGC . D1 5923	Nguyễn Thị Hòa	300894	1	Thanh Hoá		2NT	28	21	D340301	0700	0325	0750	1800	Kế toán
886	10	01	NNH . A 7976	Nguyễn Thị Mai	090595	1	Lạng Sơn		1	10	01	D340301	0275	0475	0500	1250	Kế toán
887	10	33	QHF . D1 2164	Nguyễn Thị Thu Hồng	181295	1	Lạng Sơn	01	1	10	08	D340301	0400	0450	0375	1250	Kế toán
888	1B	23	TMA . A 2013	Vũ Hữu Dương	050295	0	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0450	0575	0625	1650	Kế toán
889	28	30	KHA . D1 4558	Đỗ Minh Phương	111195	1	Thanh Hoá	06	2	28	01	D340301	0500	0425	0700	1650	Kế toán
890	15	35	HCH . D1 4635	Đinh Thị Kim Ngân	050995	1	Phú Thọ	01	1	15	08	D340301	0750	0275	0425	1450	Kế toán
891	28	34	KHA . A 8776	Mai Thị Thu Trang	051295	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0825	0650	0675	2150	Kế toán
892	25	16	QHF . D1 3889	Trần Thị Mơ	060695	1	Nam Định		2NT	25	02	D340301	0275	0675	0350	1300	Kế toán
893	19		HCB . D1 1745	Nguyễn Thị Thu Trà	211095	1	Bắc Ninh		2	19	04	D340301	0625	0750	0625	2000	Kế toán
894	1A	37	SPH . D1 13281	Vũ Anh Thơ	200895	1	Hà nội		3	1A	07	D340301	0775	0650	0550	2000	Kế toán
895	28	60	DDL . D1 11967	Lê Thị Mai	190495	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0675	0475	0250	1400	Kế toán
896	1A	23	NHF . D1 3420	Nguyễn Thị Huyền	220195	1	Hà nội		3	1A		D340301	0600	0750	0325	1700	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
897	19		ANH . D1 7970	Mai Phương Lan	290695	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0125	0550	0650	1350	Kế toán
898	99	99	NNH . A 15748	Lê Thị Hoàng Luân	050994	1	Hải Phòng		3	03	06	D340301	0450	0525	0450	1450	Kế toán
899	18	29	LPH . A 3310	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	190495	1	Bắc Giang		1	18	08	D340301	0700	0700	0600	2000	Kế toán
900	24	23	DCN . D1 1865	Trần Thị Cúc	020395	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0575	0275	0450	1300	Kế toán
901	1A	09	TMA . A 788	Trần Tuấn Anh	270995	0	Hà nội		3	1A	04	D340301	0700	0550	0550	1800	Kế toán
902	01		PCH . A 1356	Kiều Thanh Hải	120295	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0225	0525	0750	1500	Kế toán
903	29	85	TMA . A 16434	Võ Thị Kiên	281095	1	Nghệ An		2NT	29	16	D340301	0525	0375	0475	1400	Kế toán
904	29		PCH . A 3019	Trần Thị Tú Trinh	210795	1	Nghệ An		2NT	29	15	D340301	0500	0525	0475	1500	Kế toán
905	1B	55	DCN . A 16784	Phạm Văn Hoàng	041094	0	Hà nội		2NT	1B	25	D340301	0350	0325	0650	1350	Kế toán
906	99	99	NHF . D1 2975	Phạm Thị Hoa	280194	1	Thái Bình		2NT	26		D340301	0600	0625	0450	1700	Kế toán
907	1A	52	HCH . A 621	Đỗ Thanh Nga	221295	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0300	0600	0600	1500	Kế toán
908	28	95	KHA . D1 6100	Nguyễn Thị Trường	180895	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0500	0200	0600	1300	Kế toán
909	22	76	HCP . A 137	Lương Thuỷ Dung	060395	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340301	0375	0450	0550	1400	Kế toán
910	1B	15	BJA . A 6175	Nguyễn Kim Lan	050295	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0475	0550	0625	1650	Kế toán
911	13	03	NTH . D1 8183	Phạm Thùy Trang	200995	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0400	0325	0700	1450	Kế toán
912	17	04	KHA . D1 6727	Nguyễn Thị Tâm Huế	080695	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0550	0750	0750	2050	Kế toán
913	24	51	DCN . D1 10566	Nguyễn Thị Thủy	021295	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0675	0175	0450	1300	Kế toán
914	1A	88	LPH . A 841	Nguyễn Thị Vân Anh	010795	1	Hà nội		2	1A	14	D340301	0500	0575	0500	1600	Kế toán
915	25	67	BJA . A 4700	Vũ Thị Hòa	220395	1	Nam Định	06	2NT	25	09	D340301	0475	0400	0725	1600	Kế toán
916	1B	21	LPH . D1 11351	Kiều Thị Diệu Linh	250794	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0575	0300	0650	1550	Kế toán
917	24	31	TMA . D1 23493	Nguyễn Như Quỳnh	240695	1	Hà Nam		2NT	24	03	D340301	0675	0450	0550	1700	Kế toán
918	27	12	NHF . D1 8165	Trần Thị Lệ Thuỷ	150395	1	Ninh Bình	06	2	27	01	D340301	0550	0725	0500	1800	Kế toán
919	10	43	LDA . D1 18299	Đỗ Trung Anh	070895	1	Lạng Sơn		1	10	11	D340301	0150	0500	0600	1250	Kế toán
920	99	99	LDA . A 4968	Nguyễn Thị Minh Trang	130194	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0450	0475	0600	1550	Kế toán
921	18		HCB . A 1072	Dương Thị Hương Mơ	010895	1	Bắc Giang		2	18	10	D340301	0675	0675	0750	2100	Kế toán
922	1B	51	LPH . A 1101	Nguyễn Thị Hải	120495	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340301	0575	0700	0825	2100	Kế toán
923	25	50	DCN . D1 5789	Vũ Thị Lan	121095	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0575	0325	0550	1450	Kế toán
924	1A	54	LDA . D1 18178	Nguyễn Quỳnh Anh	040795	1	Hà nội		2	1A	10	D340301	0575	0450	0600	1650	Kế toán
925	25	61	QHL . A 8217	Trần Thị Thảo	110795	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0600	0525	0725	1850	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
926	19	16	NHF . D1 1953	Trần Hương Giang	170195	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0500	0450	0500	1450	Kế toán
927	1B	03	BVH . A 3354	Trần Duy Tân	060495	0	Hà nội		3	1B	15	D340301	0575	0600	0550	1750	Kế toán
928	99	99	LPH . A 6114	Ngô Lan Hương	161094	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0650	0500	0550	1700	Kế toán
929	24	42	DMT . A 6151	Nguyễn Thị Phương	021195	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0475	0350	0575	1400	Kế toán
930	22	20	LPH . A 3752	Nguyễn Thị Thúy Diệp	150695	1	Hung Yên		2NT	22	03	D340301	0400	0475	0600	1500	Kế toán
931	25	28	QHY . A 6545	Đỗ Thị Nguyệt	140495	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0725	0600	0825	2150	Kế toán
932	19	48	DDL . A 2241	Nguyễn Lê Hằng	041095	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0625	0600	0450	1700	Kế toán
933	99	99	LDA . D1 25440	Dương Thu Trang	230694	1	Hà nội		2NT	1B	24	D340301	0575	0275	0550	1400	Kế toán
934	19	48	MDA . A 4144	Nguyễn Thị Lan	240895	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0450	0500	0425	1400	Kế toán
935	18	11	DCN . A 30863	Khổng Thị Minh Phương	131195	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0400	0450	0600	1450	Kế toán
936	1A	07	KHA . A 4713	Lê Hoàng Linh	291095	0	Hà nội		3	1A	03	D340301	0625	0750	0575	1950	Kế toán
937	26	18	KHA . A 3161	Đoàn Thị Thanh Hoa	080795	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0700	0625	0750	2100	Kế toán
938	24	12	LPH . A 4025	Đặng Thị Ngọc ánh	051095	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0600	0575	0750	1950	Kế toán
939	1A	49	LDA . D1 10905	Đỗ Quỳnh Ngân	150895	1	Hà nội		3	1A	09	D340301	0450	0600	0650	1700	Kế toán
940	28	89	HDT . D1 1315	Đặng Thảo Vân	121095	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0525	0325	0650	1500	Kế toán
941	16	11	LPH . A 2907	Trần Vũ Hồng Quang	290995	0	Vĩnh Phúc		2	16	02	D340301	0600	0650	0750	2000	Kế toán
942	1B	69	QHS . A 6854	Bùi Thị Oanh	050495	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340301	0425	0550	0500	1500	Kế toán
943	30	10	QHT . A 16252	Dương Thị Thu Hiền	140895	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0450	0500	0650	1600	Kế toán
944	30	40	KHA . A 11158	Hồ Thị Thương Hoài	120895	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0425	0650	0875	1950	Kế toán
945	28	60	DCN . A 16233	Lê Phương Hoa	090395	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0450	0425	0500	1400	Kế toán
946	28	87	DCN . A 8351	Lê Thùy Dung	070795	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0550	0400	0350	1300	Kế toán
947	22	27	NHF . D1 5725	Nguyễn Thuý Nga	090695	1	Hung Yên		2NT	22	04	D340301	0750	0525	0325	1600	Kế toán
948	99	99	BKA . D1 1325	Phạm Thị Hương Trà	111194	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0275	0450	0700	1450	Kế toán
949	21	20	NHF . D1 4195	Đông Thị Kiều Liên	181195	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0750	0300	0500	1550	Kế toán
950	1B	04	LDA . D1 21778	Nguyễn Thiện Linh	111095	0	Hà nội		3	1B	15	D340301	0675	0300	0650	1650	Kế toán
951	1A	07	TGC . D1 8409	Dư Lê Quỳnh Trâm	201195	1	Hà nội		3	1A	02	D340301	0550	0475	0650	1700	Kế toán
952	15	51	SP2 . A 431	Đặng Thị Kim Dung	201095	1	Phú Thọ		1	15	11	D340301	0475	0300	0550	1350	Kế toán
953	1A	77	TMA . A 12820	Nguyễn Bích Vượng	200695	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0400	0750	0650	1800	Kế toán
954	1B	03	SPH . D1 13847	Bùi Thị Anh	220395	1	Hà nội		3	1B	15	D340301	0600	0300	0600	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
955	99	99	NHH . A 4141	Nguyễn Thị Thuý	311095	1	Bà Rịa-Vũng Tàu		2NT	52	04	D340301	0475	0575	0600	1650	Kế toán
956	25	43	NHF . D1 2666	Bùi Thị Hằng	130595	1	Nam Định		2NT	25		D340301	0600	0650	0650	1900	Kế toán
957	28	31	TMA . A 9525	Đỗ Thị Tâm	200995	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0550	0700	1850	Kế toán
958	15	19	NHF . D1 3459	Nguyễn Thị Thu Huyền	010595	1	Phú Thọ		1	15	04	D340301	0600	0550	0350	1500	Kế toán
959	27	32	LDA . D1 22196	Hoàng Thị Lụa	120295	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0500	0425	0650	1600	Kế toán
960	28	78	DCN . A 30960	Mai Thị Phụng	150895	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0450	0450	0425	1350	Kế toán
961	23	25	TLA . A 6749	Hồ Thị Hoài Thương	070595	1	Hoà Bình		1	23	05	D340301	0425	0450	0375	1250	Kế toán
962	1B	20	DNH . D1 1276	Trần Thị Thùy Ninh	090395	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0500	0650	0325	1500	Kế toán
963	24	32	DCN . A 35465	Đỗ Thị Thảo	200595	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0250	0550	0600	1400	Kế toán
964	28		ANH . A 7759	Lê Thị Thu Hằng	100995	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0700	0675	0450	1850	Kế toán
965	26	17	SP2 . A 1055	Hoàng Thu Hằng	231095	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0525	0575	0625	1750	Kế toán
966	1A	18	NTH . D1 4797	Ngô Bảo Châu Anh	050395	1	Hà nội	06	3	1A	04	D340301	0625	0450	0800	1900	Kế toán
967	03	07	LPH . A 1271	Nguyễn Thị Kim Tuyến	240495	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0575	0725	0650	1950	Kế toán
968	99	99	LDA . A 4485	Vũ Minh Thuận	040393	0	Nam Định		2	25	01	D340301	0525	0600	0600	1750	Kế toán
969	26	99	QHI . A 5864	Ngô Bình Minh	260994	0	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0450	0450	0450	1350	Kế toán
970	1A	34	LPH . D1 11061	Phạm Kim Tuyến	050495	1	Hà nội		3	1A	13	D340301	0725	0650	0550	1950	Kế toán
971	24	02	TGC . D1 7354	Trần Thị Kim Oanh	241294	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0225	0600	0700	1550	Kế toán
972	18		QHX . D1 3581	Nguyễn Kim Lụa	230995	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340301	0350	0650	0400	1400	Kế toán
973	1A	62	LDA . A 1755	Nguyễn Thị Hồng	120995	1	Thanh Hoá		2	28	23	D340301	0425	0600	0575	1600	Kế toán
974	99	99	DHH . A 287	Hán Thị Trang	081195	1	Hà Tĩnh		1	30	07	D340301	0425	0275	0725	1450	Kế toán
975	1B	10	TMA . A 6345	Phùng Thị Mai Linh	140195	1	Hà nội		2	1B	16	D340301	0400	0450	0650	1500	Kế toán
976	1B	10	LPH . A 934	Tổng Thị Mỹ Phương	031295	1	Hà nội		2	1B	16	D340301	0550	0550	0450	1550	Kế toán
977	24	31	NHF . D1 8938	Phạm Thị Thu Trang	170995	1	Hà Nam		2NT	24		D340301	0650	0425	0650	1750	Kế toán
978	1A	32	BAK . A 12382	Vũ Minh Tuấn	020695	0	Hà Nam		3	24	04	D340301	0575	0650	0700	1950	Kế toán
979	1B	43	DCN . A 38322	Nguyễn Thị Thu Thủy	170295	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0550	0375	0600	1550	Kế toán
980	30	38	TMA . A 16703	Nguyễn Thị Hiền Phươn	120295	1	Hà Tĩnh		2NT	30	05	D340301	0350	0575	0675	1600	Kế toán
981	21	20	NHF . D1 6362	Vũ Thị Hồng Nhung	010595	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0700	0450	0400	1550	Kế toán
982	26	52	NHF . D1 6520	Vũ Thị Oanh	281095	1	Thái Bình		2NT	26		D340301	0700	0625	0350	1700	Kế toán
983	13	47	BVH . A 3727	Đặng Thị Thu	110495	1	Yên Bái		1	13	03	D340301	0400	0425	0550	1400	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
984	26	52	SPH . D1 14106	Phạm Thị Quỳnh	040595	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340301	0450	0550	0650	1650	Kế toán
985	28	30	QHL . D1 2442	Tổng Thanh Huyền	300995	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0800	0725	2100	Kế toán
986	25	67	DCN . D1 3523	Trần Thị Hằng	010495	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0625	0300	0575	1500	Kế toán
987	19	32	LDA . D1 24562	Nguyễn Thị Thông	170995	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0425	0275	0700	1400	Kế toán
988	19	48	DTS . D1 5440	Phạm Thị Tuyết	140595	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0550	0225	0500	1300	Kế toán
989	1A	56	LDA . D1 25152	Nguyễn Thu Trang	230994	1	Hà nội		2	1A	07	D340301	0550	0275	0500	1350	Kế toán
990	25		DCH . D1 1612	Đặng Thị Huệ	180495	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0675	0575	0650	1900	Kế toán
991	24	41	SP2 . A 3452	Trần Thị Phương Thảo	100595	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0575	0600	0525	1700	Kế toán
992	19		ANH . A 8417	Nguyễn Thị Thu	060395	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0825	0450	0700	2000	Kế toán
993	28	74	LDA . D1 22007	Bùi Thị Tài Linh	160495	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0575	0275	0650	1500	Kế toán
994	25	51	NHF . D1 3274	Phạm Thị Huệ	020595	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0750	0475	0425	1650	Kế toán
995	25	26	KHA . A 8079	Đỗ Thị Thúy	260294	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0500	0725	0750	2000	Kế toán
996	24	04	TMA . A 755	Trần Thị Anh	250494	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0450	0650	0650	1750	Kế toán
997	24	04	TMA . A 755	Trần Thị Anh	250494	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0450	0650	0650	1750	Kế toán
998	25	09	QHE . D1 6758	Trần Duy Tùng	220495	0	Nam Định		2	25	01	D340301	0600	0700	0350	1650	Kế toán
999	1A	76	QHX . A 9247	Lại Thị Trang	140595	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0600	0400	0450	1450	Kế toán
1000	99	99	LDA . A 2748	Bùi Thị Thanh Loan	041094	1	Phú Thọ		1	15	03	D340301	0425	0550	0400	1400	Kế toán
1001	1A	19	LPH . A 286	Lê Thuỳ Linh	101195	1	Hà nội		3	1A	04	D340301	0475	0400	0550	1450	Kế toán
1002	14	12	TMA . A 4829	Trần Thị Huyền	201095	1	Sơn La		1	14	10	D340301	0550	0650	0525	1750	Kế toán
1003	99	99	TGC . D1 5935	Hoàng Thị Hồng	270294	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0525	0325	0700	1550	Kế toán
1004	28	96	MDA . A 353	Trịnh Thị Ngọc Anh	090195	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0225	0500	0550	1300	Kế toán
1005	29		ANH . A 7808	Phạm Thị Diệp Hiền	260795	1	Nghệ An		2NT	29	10	D340301	0400	0350	0850	1600	Kế toán
1006	28	75	LDA . D1 18628	Nguyễn Văn Bắc	200395	0	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340301	0625	0400	0500	1550	Kế toán
1007	25	74	DDL . D1 11743	Đỗ Thị Huyền	021294	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0550	0575	0400	1550	Kế toán
1008	01		ANH . D1 8562	Nguyễn Ngọc Tuyền	210495	0	Hà nội		3	1A	07	D340301	0600	0600	0500	1700	Kế toán
1009	30	06	DDQ . A 21115	Lê Thị Phương Hằng	080395	1	Hà Tĩnh		2NT	30	09	D340301	0600	0550	0550	1700	Kế toán
1010	18	26	LPH . A 3302	Nguyễn Thị Trang	050495	1	Bắc Giang		2NT	18	07	D340301	0775	0650	0650	2100	Kế toán
1011	18	12	BKA . D1 20007	Đỗ Kiều Anh	251295	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0650	0475	0525	1650	Kế toán
1012	15	19	KHA . D1 3114	Đào Diệu Linh	250795	1	Phú Thọ		1	15	04	D340301	0650	0400	0650	1700	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1013	15	29	BKA . D1 1118	Lê Thị Thảo	180595	1	Phú Thọ		2NT	15	06	D340301	0525	0375	0675	1600	Kế toán
1014	1A	76	QHS . D1 2624	Nguyễn Thị Thanh Hương	050995	1	Hà Nội	06	2	01	13	D340301	0375	0700	0450	1550	Kế toán
1015	26	38	KHA . D1 1883	Vũ Thị Hiền	180794	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0750	0700	0600	2050	Kế toán
1016	16	11	KHA . D1 3899	Nguyễn Vĩnh Ngân	220595	1	Vĩnh Phúc	06	2	16	01	D340301	0700	0400	0650	1750	Kế toán
1017	26	55	LPH . A 4690	Nguyễn Thị Trang	260395	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340301	0400	0575	0675	1650	Kế toán
1018	28	27	DCN . D1 1627	Khương Thị Bình	040894	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	27	D340301	0475	0275	0525	1300	Kế toán
1019	21	14	BKA . A 5387	Phạm Trần Hùng	010995	0	Hải Dương		2	21	01	D340301	0550	0575	0450	1600	Kế toán
1020	99	99	DTY . A 14297	Đỗ Thị Huyền Trang	120594	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340301	0575	0375	0625	1600	Kế toán
1021	15	44	SP2 . D1 1453	Nguyễn Thị Kim Ngân	230695	1	Phú Thọ		2NT	15	10	D340301	0650	0325	0700	1700	Kế toán
1022	1B	20	DCN . A 23133	Dương Thị Mỹ Linh	061195	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340301	0350	0425	0575	1350	Kế toán
1023	03	13	HHA . A 3167	Phạm Yến Chi	210595	1	Hải Phòng		3	03	06	D340301	0525	0275	0650	1450	Kế toán
1024	62	01	NHH . A 4240	Nguyễn Thị Thủy	231295	1	Điện Biên		1	62	01	D340301	0525	0550	0350	1450	Kế toán
1025	29	24	HCH . A 1351	Nguyễn Thị Vân	100895	1	Nghệ An		1	29	05	D340301	0600	0150	0575	1350	Kế toán
1026	25	51	BKA . D1 1273	Hoàng Thị Huyền Trang	181195	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0575	0400	0575	1550	Kế toán
1027	99	99	QHF . D1 2226	Phạm Thị Huế	070693	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0600	0750	0600	1950	Kế toán
1028	15	19	SPH . D1 14837	Đào Thị Hồng Nhung	230795	1	Phú Thọ		1	15	04	D340301	0525	0325	0600	1450	Kế toán
1029	1B	09	QHF . D1 3904	Đỗ Trà My	180795	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340301	0375	0625	0375	1400	Kế toán
1030	19	21	SPH . D1 14777	Đỗ Thị Hồng Hạnh	050995	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0500	0500	0700	1700	Kế toán
1031	99	99	GHA . A 4160	Đào Xuân Huy	260994	0	Bắc Giang		2NT	18	06	D340301	0300	0375	0700	1400	Kế toán
1032	25	02	NHF . D1 6391	Chử Thị Hồng Nhung	100695	1	Nam Định	06	2	25		D340301	0800	0400	0625	1850	Kế toán
1033	1A	20	KHA . A 8218	Cần Văn Thương	080995	0	Hà nội		3	1B	23	D340301	0725	0675	0750	2150	Kế toán
1034	1A	25	HCP . A 796	Trịnh Đức Thành	291195	0	Hà nội		3	1A	01	D340301	0425	0450	0525	1400	Kế toán
1035	1A	02	NNH . A 12167	Phạm Minh Thông	091095	1	Hà nội		3	1A	01	D340301	0500	0300	0625	1450	Kế toán
1036	99	99	LDA . A 2275	Tô Thị Thu Hường	261094	1	Lạng Sơn	01	1	10	01	D340301	0350	0450	0325	1150	Kế toán
1037	1A	87	LPH . D1 11281	Hạ Thị Huyền Trang	110395	1	Hà nội		2	1B	29	D340301	0400	0425	0800	1650	Kế toán
1038	1B	41	QHS . A 2423	Nguyễn Thu Hà	281194	1	Hà nội		2NT	1B	22	D340301	0500	0575	0700	1800	Kế toán
1039	1A	65	VHH . D1 4261	Nguyễn Minh Quang	180495	0	Hà nội		2	1A	11	D340301	0450	0400	0500	1350	Kế toán
1040	13	03	LPH . A 2509	Bùi Phương Hoa	030195	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0375	0450	0650	1500	Kế toán
1041	01		PHC . A 976	Đặng Thị Mai Dung	120895	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340301	0350	0475	0550	1400	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1042	21	39	HQT . A 109	Nhữ Thị Thu Huyền	100595	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340301	0650	0650	0550	1850	Kế toán
1043	1B	10	DCN . D1 9407	Giang Thị Hồng Thái	260395	1	Hà nội		2	1B	16	D340301	0450	0550	0550	1550	Kế toán
1044	09	09	LPH . A 1922	Nguyễn Thị Bảo Quyên	280695	1	Tuyên Quang		1	09	07	D340301	0450	0550	0900	1900	Kế toán
1045	28	95	TMA . A 872	Lê Thị ánh	291195	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0400	0425	0525	1350	Kế toán
1046	19	17	SP2 . A 1763	Nguyễn Thị Lan Hương	220895	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0650	0525	0500	1700	Kế toán
1047	18	11	QHL . D1 2737	Ngô Thị Thu Hường	311095	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0575	0650	0525	1750	Kế toán
1048	03	12	TMA . D1 25124	Trần Bích Huệ	060994	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0600	0325	0750	1700	Kế toán
1049	03	12	TMA . D1 25124	Trần Bích Huệ	060994	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0600	0325	0750	1700	Kế toán
1050	1A	25	LDA . D1 20938	Đoàn Mạnh Hùng	020495	0	Hà nội		3	1A	05	D340301	0675	0300	0650	1650	Kế toán
1051	22	28	DCA . D1 1663	Ngô Thị Quỳnh Hoa	100395	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0500	0650	0300	1450	Kế toán
1052	1A	84	NTH . D1 8307	Phạm Ngọc Trâm	120594	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0650	0350	0700	1700	Kế toán
1053	22	28	SPH . D1 15000	Nguyễn Thị Thanh Gian	240795	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0300	0350	0700	1350	Kế toán
1054	1B	63	TMA . A 1206	Từ Văn Chiển	061094	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0575	0450	0500	1550	Kế toán
1055	28	27	DKH . A 2883	Lê Thị Thu	170694	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0550	0375	0525	1450	Kế toán
1056	30	18	DDL . D1 12645	Võ Thị Khánh Anh	210595	1	Hà Tĩnh		2NT	30	06	D340301	0600	0625	0400	1650	Kế toán
1057	29	01	QHE . A 16704	Phạm Gia Tài	110294	0	Nghệ An	06	2	29	01	D340301	0625	0425	0750	1800	Kế toán
1058	99	99	QHF . D1 6720	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	091194	1	Hà Nội		3	01	09	D340301	0425	0700	0350	1500	Kế toán
1059	99	99	QHT . A 5207	Nguyễn Thùy Linh	241194	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0350	0550	0625	1550	Kế toán
1060	28	34	VHH . D1 2832	Hoàng Tú Anh	190695	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0475	0525	0600	1600	Kế toán
1061	26	10	QHT . A 8673	Nguyễn Thị Thuỳ	220195	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340301	0450	0550	0525	1550	Kế toán
1062	99	99	NHF . D1 860	Lê Thị Hồng Anh	100294	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0550	0600	0450	1600	Kế toán
1063	28	30	DDL . D1 11742	Nguyễn Thị Khánh Huy	020795	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0600	0600	0475	1700	Kế toán
1064	19	21	BKA . A 13458	Nguyễn Thị Yến	061095	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0500	0600	0500	1600	Kế toán
1065	22	20	QHT . A 3248	Đoàn Thị Hoa	291095	1	Hưng Yên		2NT	22	03	D340301	0475	0475	0525	1500	Kế toán
1066	28	60	NNH . A 2879	Nguyễn Thị Trà Giang	300395	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0300	0475	0550	1350	Kế toán
1067	15	54	NHF . D1 9129	Nguyễn Thị Thu Trinh	020995	1	Phú Thọ		1	15	08	D340404	0800	0475	0550	1850	Quản trị nhân lực
1068	1B	61	QHF . D1 5279	Đặng Thị Tâm	260394	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340404	0250	0625	0575	1450	Quản trị nhân lực
1069	1B	69	TMA . A 930	Vũ Thị ánh	250695	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340404	0550	0500	0550	1600	Quản trị nhân lực
1070	26	C6	LDA . A 3365	Ninh Bảo Ngọc	200195	1	Hà nội		3	1A	07	D340404	0375	0625	0500	1500	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1071	99	99	KHA . D1 1974	Dương Thị Hoa	080894	1	Hà nội		1	1A	14	D340404	0575	0400	0700	1700	Quản trị nhân lực
1072	1A	02	LDA . D1 25058	Sái Thu Trang	260995	1	Hà nội		3	1A	01	D340404	0650	0375	0750	1800	Quản trị nhân lực
1073	1B	15	DNV . D1 8207	Dương Thị Bảo Yến	080295	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340404	0625	0350	0650	1650	Quản trị nhân lực
1074	19	22	VHH . D1 3683	Nguyễn Thị Liêm	311095	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340404	0375	0575	0600	1550	Quản trị nhân lực
1075	16	01	LPH . A 2878	Phùng Thị Ngân	141094	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340404	0525	0550	0425	1500	Quản trị nhân lực
1076	03	69	LPH . A 1484	Trần Thị ánh Nguyệt	230694	1	Hải Phòng		2	03	11	D340404	0525	0650	0575	1750	Quản trị nhân lực
1077	21	27	TMA . D1 23444	Nguyễn Kim Quyết	090295	0	Hải Dương		1	21	04	D340404	0400	0450	0650	1500	Quản trị nhân lực
1078	22	53	DKH . A 128	Đỗ Thị Vân Anh	070595	1	Hưng Yên		2NT	22	09	D340404	0550	0600	0650	1800	Quản trị nhân lực
1079	25	49	KHA . A 9638	Hoàng Văn Vũ	010194	0	Nam Định		2	25	07	D340404	0775	0700	0400	1900	Quản trị nhân lực
1080	15	11	PKH . A 152	Lê Hải Bằng	240994	0	Phú Thọ		1	15	11	D340404	0375	0550	0650	1600	Quản trị nhân lực
1081	26	00	TMA . A 4107	Trần Sỹ Hoàng	070793	0	Thái Bình		2NT	26	06	D340404	0450	0700	0550	1700	Quản trị nhân lực
1082	25	31	DDL . A 1993	Mai Thị Hà	011095	1	Nam Định		2NT	25	04	D340404	0475	0550	0600	1650	Quản trị nhân lực
1083	17	31	SPH . A 18498	Nguyễn Thị ánh Nga	080995	1	Quảng Ninh		2	17	04	D340404	0700	0700	0700	2100	Quản trị nhân lực
1084	13	09	LDA . D1 22333	Vũ Thị Thanh Mai	060895	1	Yên Bái	06	1	13	02	D340404	0375	0325	0500	1200	Quản trị nhân lực
1085	1B	03	NHF . D1 5499	Nguyễn Huyền My	251295	1	Hà nội		3	1B		D340404	0750	0450	0675	1900	Quản trị nhân lực
1086	25	67	TMA . A 6482	Nguyễn Thanh Loan	040995	1	Nam Định		2NT	25	08	D340404	0400	0650	0500	1550	Quản trị nhân lực
1087	99	99	NHF . D1 858	Nguyễn Quỳnh Anh	211294	1	Hà nội		3	1A	09	D340404	0650	0400	0375	1450	Quản trị nhân lực
1088	99	99	NHH . D1 656	Nguyễn Thị Vân	040594	1	Hà nội		3	1B	15	D340404	0775	0575	0450	1800	Quản trị nhân lực
1089	25	22	SPH . D1 12139	Trần Thị Hồng Hạnh	280195	1	Nam Định		2NT	25	03	D340404	0625	0450	0400	1500	Quản trị nhân lực
1090	29	39	DMS . A 8057	Vũ Thị Huyền	100695	1	Nghệ An		1	29	08	D340404	0600	0350	0500	1450	Quản trị nhân lực
1091	1A	19	NHF . D1 8595	Trương Thị Thuỳ Trang	010495	1	Hà nội	06	3	1A		D340404	0700	0675	0525	1900	Quản trị nhân lực
1092	1B	28	DTS . D1 225	Dương Thị ánh	231195	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0650	0325	0550	1550	Quản trị nhân lực
1093	1A	93	TMA . A 8405	Phan Thị Kiều Oanh	230794	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0500	0675	0550	1750	Quản trị nhân lực
1094	15	02	LPH . A 2766	Nguyễn Lan Anh	190995	1	Phú Thọ		2	15	01	D340404	0675	0550	0600	1850	Quản trị nhân lực
1095	1A	20	LDA . D1 18073	Tô Huy Anh	050895	0	Hà nội		3	1A	04	D340404	0700	0550	0550	1800	Quản trị nhân lực
1096	19	26	SP2 . D1 2214	Nguyễn Thị Vỹ Tích	110695	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340404	0575	0400	0400	1400	Quản trị nhân lực
1097	29	54	NHF . D1 10268	Trần Thị Phương Anh	070895	1	Nghệ An	06	2NT	29	11	D340404	0700	0400	0650	1750	Quản trị nhân lực
1098	01		HCB . A 1220	Lê Thị Trang Nhung	120595	1	Hà nội		1	1B	21	D340404	0625	0250	0825	1700	Quản trị nhân lực
1099	23	16	KHA . D1 1583	Nguyễn Thị Minh Hạnh	200195	1	Hoà Bình		1	23	10	D340404	0725	0675	0600	2000	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1100	1A	85	LPH . A 819	Trần Duy Anh	121195	0	Hà nội		2	1A	14	D340404	0600	0550	0650	1800	Quản trị nhân lực
1101	1A	17	KHA . D1 6310	Nguyễn Tố Uyên	080695	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0525	0300	0600	1450	Quản trị nhân lực
1102	09	09	QHL . D1 1691	Nguyễn Thanh Hằng	210695	1	Tuyên Quang		1	09	06	D340404	0500	0725	0575	1800	Quản trị nhân lực
1103	1A	52	DNV . D1 7804	Nguyễn Thị Thanh Thủy	300495	1	Hà nội		2	1A	10	D340404	0450	0400	0700	1550	Quản trị nhân lực
1104	15	49	DMT . A 3586	Phạm Thị Thu Hương	160995	1	Phú Thọ		1	15	11	D340404	0300	0500	0450	1250	Quản trị nhân lực
1105	18	33	DCN . A 45814	Nguyễn Thị Yên	151295	1	Bắc Giang		2NT	18	09	D340404	0450	0375	0575	1400	Quản trị nhân lực
1106	26	46	LDA . D1 23022	Phạm Thị Ngọc	230995	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340404	0550	0300	0600	1450	Quản trị nhân lực
1107	1A	19	HCH . D1 5120	Hoàng Minh Vũ	260695	0	Hà nội	06	3	1A	04	D340404	0625	0350	0600	1600	Quản trị nhân lực
1108	23		ANH . A 1058	Nguyễn Văn Hiếu	020795	0	Hoà Bình		1	23	01	D340404	0550	0625	0550	1750	Quản trị nhân lực
1109	01		CSH . A 2411	Đỗ Anh Tú	211295	0	Hà nội		2NT	1B	18	D340404	0550	0650	0575	1800	Quản trị nhân lực
1110	1A	44	BKA . D1 1283	Lê Thị Minh Trang	010895	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0400	0500	0625	1550	Quản trị nhân lực
1111	99	99	LDA . A 5386	Phạm Thị Vi	190594	1	Bắc Giang		1	18	05	D340404	0400	0600	0450	1450	Quản trị nhân lực
1112	01		CSH . D1 20455	Nguyễn Thị Hải Yến	260995	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340404	0700	0625	0425	1750	Quản trị nhân lực
1113	18	19	BKA . D1 36	Lưu Thị Hải Anh	120495	1	Bắc Giang		1	18	05	D340404	0325	0725	0500	1550	Quản trị nhân lực
1114	17	14	LPH . A 3052	Nguyễn Thị Thu Hương	280995	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340404	0600	0650	0750	2000	Quản trị nhân lực
1115	1B	32	GHA . A 698	Nguyễn Quang Bình	030695	0	Hà nội		2NT	1B	21	D340404	0550	0550	0500	1600	Quản trị nhân lực
1116	16	01	THV . D1 3231	Trần Thị Hiếu	181294	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340404	0600	0325	0400	1350	Quản trị nhân lực
1117	1A	20	DCN . A 17387	Nguyễn Đức Hồng	160495	0	Hà nội		3	1A	04	D340404	0425	0400	0650	1500	Quản trị nhân lực
1118	1B	35	DNV . D1 6500	Nguyễn Thị Huế	080195	1	Hà nội		2NT	1B	21	D340404	0425	0650	0600	1700	Quản trị nhân lực
1119	1A	52	DNV . D1 7243	Lê Thị Ngọc	101295	1	Hà nội		2	1A	05	D340404	0625	0350	0650	1650	Quản trị nhân lực
1120		99	QHL . D1 5385	Nguyễn Chí Thành	081094	0	Hà Nội		2	01	09	D340404	0750	0500	0375	1650	Quản trị nhân lực
1121	1A	77	TMA . A 7360	Hoàng Phương Nga	301295	1	Hà nội		2	1A	13	D340404	0575	0625	0450	1650	Quản trị nhân lực
1122	24		HCB . A 722	Hà Thị Huyền	220295	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340404	0675	0550	0650	1900	Quản trị nhân lực
1123	1A	19	NHH . D1 279	Vũ Diệu Linh	210395	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0375	0700	0500	1600	Quản trị nhân lực
1124	28	34	GHA . A 1192	Nguyễn Quang Cường	270495	0	Thanh Hoá		2	28	02	D340404	0575	0350	0450	1400	Quản trị nhân lực
1125	21	17	HCH . D1 4436	Nguyễn Phương Liên	151195	1	Hải Dương		2	21	01	D340404	0825	0250	0375	1450	Quản trị nhân lực
1126	22	16	HCH . D1 4320	Hoàng Thị Thu Hiền	130795	1	Hung Yên		2NT	22	02	D340404	0600	0375	0300	1300	Quản trị nhân lực
1127	1A	17	QHS . D1 488	Trịnh Ngọc Anh	200995	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0500	0700	0475	1700	Quản trị nhân lực
1128	1A	11	KHA . A 6491	Lê Minh Phong	220895	0	Hà nội		3	1A	04	D340404	0550	0675	0525	1750	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1129	1A	71	DQK . D1 3146	Ngô Quang Phương	090395	0	Hà nội		2	1A	12	D340404	0675	0375	0650	1700	Quản trị nhân lực
1130	28	09	KHA . D1 4325	Lê Thị Oanh	180693	1	Thanh Hoá		1	28	09	D340404	0550	0200	0650	1400	Quản trị nhân lực
1131	12	29	HCH . D1 4848	Ngô Hoài Thanh	190495	1	Thái Nguyên		2NT	12	09	D340404	0725	0525	0325	1600	Quản trị nhân lực
1132	99	99	TMA . D1 23356	Dương Thị Phụng	261094	1	Hà nội		2	1A	13	D340404	0425	0425	0550	1400	Quản trị nhân lực
1133	16	42	SP2 . A 1759	Bùi Thị Hương	120594	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340404	0500	0600	0600	1700	Quản trị nhân lực
1134	16	42	BKA . D1 20566	Nguyễn Thị Trang	280795	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340404	0500	0225	0700	1450	Quản trị nhân lực
1135	28	70	LDA . A 707	Mai Thị Thùy Duyên	200295	1	Thanh Hoá		2NT	28	21	D340404	0475	0550	0475	1500	Quản trị nhân lực
1136	1A	40	QHL . D1 3154	Lê Khánh Linh	190895	1	Hà nội		3	1A	01	D340404	0775	0750	0625	2150	Quản trị nhân lực
1137	25	03	LDA . A 2169	Trần Thị Thu Hương	041095	1	Nam Định		2	25	02	D340404	0525	0600	0400	1550	Quản trị nhân lực
1138	1B	32	BKA . A 10526	Nguyễn Duy Thế	290695	0	Hà nội		2NT	1B	21	D340404	0525	0525	0475	1550	Quản trị nhân lực
1139	1A	86	DNV . D1 7030	Nguyễn Thị Lý	031194	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0300	0500	0800	1600	Quản trị nhân lực
1140	29	82	TMA . D1 27142	Nguyễn Đình Nam	280395	0	Nghệ An		1	29	16	D340404	0500	0275	0650	1450	Quản trị nhân lực
1141	1A	86	DNV . D1 7859	Nguyễn Thị Tiến	080394	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0725	0275	0550	1550	Quản trị nhân lực
1142	16	81	DMT . A 7041	Đỗ Thị Phương Thảo	120795	1	Vĩnh Phúc		2	16	06	D340404	0450	0525	0525	1500	Quản trị nhân lực
1143	1A	85	QHF . D1 2766	Vũ Thị Hường	280295	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0625	0550	0625	1800	Quản trị nhân lực
1144	28	52	MDA . A 3804	Lê Thị Lan Hương	170495	1	Thanh Hoá		2NT	28	16	D340404	0425	0350	0500	1300	Quản trị nhân lực
1145	1B	62	XDA . A 885	Lê Khánh Diệu Linh	300895	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340404	0525	0575	0300	1400	Quản trị nhân lực
1146	1A	35	HCH . D1 4329	Lâm Việt Hùng	150595	0	Hà nội		3	1A	01	D340404	0450	0550	0700	1700	Quản trị nhân lực
1147	15	23	DTY . A 9605	Đàm Bảo Ngọc	060995	1	Phú Thọ		1	15	05	D340404	0775	0575	0800	2150	Quản trị nhân lực
1148	25		PCH . A 1686	Đỗ Hoàng Hùng	131295	0	Nam Định		2	25	01	D340404	0400	0600	0550	1550	Quản trị nhân lực
1149	99	99	KHA . D1 4300	Lê Thị Hồng Nhung	190794	1	Hà nội		3	1A	06	D340404	0550	0425	0500	1500	Quản trị nhân lực
1150	1B	42	QHL . A 10382	Nguyễn Trọng Vũ	150795	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340404	0625	0750	0525	1900	Quản trị nhân lực
1151	1A	56	LDA . D1 21025	Nguyễn Thanh Hương	020595	1	Hà nội		2	1A	04	D340404	0550	0400	0650	1600	Quản trị nhân lực
1152	1A	20	QHY . A 6067	Nguyễn Trung Nam	010795	0	Hà nội		3	1A	04	D340404	0525	0650	0625	1800	Quản trị nhân lực
1153	26	51	KHA . D1 4232	Nguyễn Thị Phương Nhu	190194	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340404	0700	0550	0700	1950	Quản trị nhân lực
1154	15	44	KHA . D1 3403	Nguyễn Thị Luyến	040895	1	Phú Thọ		2NT	15	10	D340404	0775	0625	0650	2050	Quản trị nhân lực
1155	1A	86	TGC . D1 5225	Dương Thùy Dung	120295	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0525	0675	0750	1950	Quản trị nhân lực
1156	1A	19	NHF . D1 7275	Nguyễn Ngọc Sơn	251095	0	Hà nội		3	1A	04	D340404	0400	0625	0600	1650	Quản trị nhân lực
1157	1B	46	KHA . A 2829	Nguyễn Văn Hiên	100294	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340404	0750	0500	0700	1950	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1158	28	90	HDT . D1 137	Lê Thị Diệu	060295	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340404	0425	0375	0600	1400	Quản trị nhân lực
1159	1A	22	NTH . D1 6450	Lê Thị Thùy Linh	071095	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0425	0650	0750	1850	Quản trị nhân lực
1160	28	19	TMA . A 10752	Lê Thị Thuỷ	021294	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340404	0500	0650	0600	1750	Quản trị nhân lực
1161	28	31	KHA . D1 1552	Đỗ Phương Hào	180495	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340404	0500	0550	0750	1800	Quản trị nhân lực
1162	15	28	TMA . A 6074	Hoàng Thị Thuỷ Linh	120195	1	Phú Thọ		2NT	15	06	D340404	0425	0525	0675	1650	Quản trị nhân lực
1163	28	68	TMA . D1 24547	Nguyễn Duy Tuấn	231195	0	Thanh Hoá	06	2NT	28	20	D340404	0400	0350	0500	1250	Quản trị nhân lực
1164	1A	13	TMA . A 8746	Nguyễn Thu Phương	140895	1	Hà nội		3	1A	03	D340404	0500	0575	0600	1700	Quản trị nhân lực
1165	24	51	BKA . D1 20422	Hoàng Kim Oanh	180295	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340404	0625	0375	0700	1700	Quản trị nhân lực
1166	1A	52	LDA . D1 23846	Vũ Thị Lệ Quỳnh	140995	1	Hà nội		2	1A	10	D340404	0600	0425	0700	1750	Quản trị nhân lực
1167	1A	34	KHA . D1 490	Lại Quỳnh Anh	260495	1	Hà nội		3	1A	06	D340404	0700	0600	0750	2050	Quản trị nhân lực
1168	99	99	SP2 . A 4342	Trương Thị Vượng	131294	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340404	0375	0550	0750	1700	Quản trị nhân lực
1169	1B	28	QHT . A 10261	Phan Thị Thu Vân	180395	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0550	0675	0875	2100	Quản trị nhân lực
1170	1A	48	TMA . A 340	Lê Thị Trung Anh	030695	1	Hà nội		3	1A	09	D340404	0650	0650	0450	1750	Quản trị nhân lực
1171	99		GTA . A 5539	Nguyễn Quang Vinh	180492	0	Phú Thọ		1	15	03	D340404	0225	0500	0575	1300	Quản trị nhân lực
1172	26	11	QHX . D1 1533	Mai Thị Hào	120595	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340404	0625	0625	0425	1700	Quản trị nhân lực
1173	1A	22	NHF . D1 5943	Trịnh Hồng Ngọc	291295	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0650	0250	0525	1450	Quản trị nhân lực
1174	28	30	LPH . A 4969	Lê Thị Thùy Linh	180295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340404	0375	0525	0575	1500	Quản trị nhân lực
1175	1B	68	DCN . D1 8424	Đoàn Thị Ngọc Phương	240195	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340404	0250	0475	0550	1300	Quản trị nhân lực
1176	1B	22	LDA . A 4096	Phạm Thị Mai Thanh	081295	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340404	0550	0475	0450	1500	Quản trị nhân lực
1177	15	19	DCN . D1 10572	Nguyễn Thị Thu Thủy	010495	1	Phú Thọ		1	15	04	D340404	0525	0250	0450	1250	Quản trị nhân lực
1178	08	11	HCH . A 533	Nguyễn Thị Loan	240895	1	Lào Cai		1	08	01	D340404	0475	0550	0600	1650	Quản trị nhân lực
1179	15	54	NHF . D1 6940	Quyết Thị Phụng	260395	1	Phú Thọ		1	15	12	D340404	0750	0475	0500	1750	Quản trị nhân lực
1180	05	12	QHL . D1 4499	Phan Diệp Nhi	141095	1	Hà Giang		1	05	01	D340404	0600	0550	0550	1700	Quản trị nhân lực
1181	22	44	TMA . D1 20121	Lê Thị Mai Anh	271294	1	Hưng Yên		2NT	22	06	D340404	0600	0350	0650	1600	Quản trị nhân lực
1182	21	22	LDA . A 706	Phạm Mỹ Duyên	110995	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340404	0450	0575	0525	1550	Quản trị nhân lực
1183	1B	10	KHA . D1 1494	Trương Thị Hà	080395	1	Hà nội		2	1B	16	D340404	0625	0575	0800	2000	Quản trị nhân lực
1184	06	04	TGC . D1 6956	Dương Trà My	050195	1	Cao Bằng		1	06	01	D340404	0650	0375	0500	1550	Quản trị nhân lực
1185	29	21	DQH . A 5482	Lê Thị Quỳnh Trang	090595	1	Nghệ An		2NT	29	20	D340404	0450	0625	0550	1650	Quản trị nhân lực
1186	28	09	DDK . A 3701	Đặng Vũ Hải	050195	0	Thanh Hoá		1	28	09	D340404	0425	0650	0500	1600	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1187	1A	19	QHS . D1 1728	Nguyễn Thu Hằng	181295	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0575	0600	0475	1650	Quản trị nhân lực
1188	1B	28	KHA . D1 5468	Nguyễn Thị Thùy	120795	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0650	0550	0750	1950	Quản trị nhân lực
1189	19	27	TMA . A 6849	Ngô Thị Mai	111095	1	Bắc Ninh		2	19	02	D340101	0450	0625	0550	1650	Quản trị kinh doanh
1190	22	34	LDA . A 4105	Lưu Hà Thanh	290995	1	Hưng Yên		2NT	22	05	D340101	0600	0400	0650	1650	Quản trị kinh doanh
1191	30	06	DDQ . A 21115	Lê Thị Phương Hằng	080395	1	Hà Tĩnh		2NT	30	09	D340101	0600	0550	0550	1700	Quản trị kinh doanh
1192	24	24	TMA . A 7335	Đỗ Thị Nga	250595	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340101	0550	0475	0550	1600	Quản trị kinh doanh
1193	28	92	NLS . D1 45439	Lê Thị Thuý	220695	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340101	0500	0450	0600	1550	Quản trị kinh doanh
1194	19	50	DCN . A 11414	Nguyễn Quang Đồng	180295	0	Bắc Ninh		2	19	03	D340101	0600	0400	0700	1700	Quản trị kinh doanh
1195	1A	35	NHF . D1 6445	Trần Tuấn Ninh	021295	0	Hà nội		3	1A	01	D340101	0350	0775	0650	1800	Quản trị kinh doanh
1196	1A	53	LDA . D1 23199	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	200295	1	Hà nội		2	1A	10	D340101	0625	0375	0550	1550	Quản trị kinh doanh
1197	19	21	QHI . A 3350	Nguyễn Văn Hoan	070395	0	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340101	0600	0550	0425	1600	Quản trị kinh doanh
1198	99	99	TMA . A 12726	Quách Công Việt	161093	0	Thanh Hoá	01	1	28	13	D340101	0450	0525	0375	1350	Quản trị kinh doanh
1199	24	41	LDA . A 1605	Lê Thị Hoa	080495	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340101	0350	0525	0575	1450	Quản trị kinh doanh
1200	1B	67	BVH . A 2991	Phạm Xuân Phương	050894	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340101	0400	0475	0450	1350	Quản trị kinh doanh
1201	1A	55	QHS . D1 2384	Nguyễn Thị Thanh Huyền	311295	1	Hà nội		2	1A	10	D340101	0700	0700	0425	1850	Quản trị kinh doanh
1202	99	99	NHF . D1 8976	Lương Minh Trang	191094	1	Hà nội		3	1A	02	D340101	0600	0625	0525	1750	Quản trị kinh doanh
1203	1A	20	NHF . D1 2105	Nguyễn Thu Hà	070995	1	Hà nội		3	1A	01	D340101	0750	0450	0650	1850	Quản trị kinh doanh
1204	1B	42	DCN . D1 7163	Đinh Doãn Nam	011295	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340101	0650	0375	0300	1350	Quản trị kinh doanh
1205	26	20	QHF . D1 3782	Vũ Thị Mai	010395	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340101	0450	0700	0400	1550	Quản trị kinh doanh
1206	26	03	BVH . A 4462	Nguyễn Thanh Tùng	070995	0	Thái Bình		2	26	01	D340101	0425	0625	0500	1550	Quản trị kinh doanh
1207	1A	31	KHA . D1 5672	Mai Thùy Trang	311295	1	Hà Giang		3	05	06	D340101	0600	0550	0800	1950	Quản trị kinh doanh
1208	16	61	DTS . A 636	Nguyễn Thị ánh	290995	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	06	D340101	0525	0450	0450	1450	Quản trị kinh doanh
1209	16	16	DCN . A 30423	Lương Thị Ngọc Phương	030395	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340101	0350	0550	0675	1600	Quản trị kinh doanh
1210	99	99	DMT . A 1182	Bùi Thị Thùy Dung	010595	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340101	0575	0250	0725	1550	Quản trị kinh doanh
1211	1B	23	TMA . A 11558	Nguyễn Huyền Trang	100595	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340101	0450	0600	0650	1700	Quản trị kinh doanh
1212	99	99	QHL . D1 4963	Trần Thị Phương	171094	1	Hưng Yên		2NT	22	03	D340101	0450	0650	0400	1500	Quản trị kinh doanh
1213	30	06	QHL . A 16077	Phan Quỳnh Châu	110295	1	Hà Tĩnh	06	2NT	30	09	D340101	0525	0650	0550	1750	Quản trị kinh doanh
1214	25	59	KHA . D1 5661	Lục Huyền Trang	020995	1	Nam Định		2NT	25	08	D340101	0750	0600	0550	1900	Quản trị kinh doanh
1215	12	58	LDA . D1 21843	Dương Thị Thùy Linh	060995	1	Thái Nguyên		2NT	12	08	D340101	0575	0325	0650	1550	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1216	1B	58	TMA . A 2024	Đinh Thị Bích Đào	261095	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340101	0600	0550	0625	1800	Quản trị kinh doanh
1217	25	80	LDA . D1 20586	Đỗ Thị Huế	300895	1	Nam Định		2NT	25	10	D340101	0650	0250	0700	1600	Quản trị kinh doanh
1218	27	05	DDL . A 7641	Bùi Khánh Vân	290394	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340101	0475	0525	0350	1350	Quản trị kinh doanh
1219	27	01	KHA . D1 3269	Hoàng Thị Thùy Linh	071194	1	Ninh Bình		2	27	01	D340101	0550	0400	0700	1650	Quản trị kinh doanh
1220	22	28	DCA . D1 1663	Ngô Thị Quỳnh Hoa	100395	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340101	0500	0650	0300	1450	Quản trị kinh doanh
1221	1A	17	TGC . D1 6033	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	150595	1	Hà nội		3	1A	04	D340101	0575	0400	0700	1700	Quản trị kinh doanh
1222	99	99	KHA . A 4921	Hoàng Diệu Linh	230294	1	Nam Định		3	25	07	D340101	0600	0550	0600	1750	Quản trị kinh doanh
1223	25	20	BKA . A 7850	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	110795	1	Nam Định		2NT	25	03	D340101	0600	0575	0600	1800	Quản trị kinh doanh
1224	62	01	LPH . D1 12990	Lê Thuận An	180895	1	Điện Biên		1	62	03	D340101	0300	0300	0625	1250	Quản trị kinh doanh
1225	62	01	NNH . A 3197	Trương Thị Thu Hà	230595	1	Điện Biên		1	62	01	D340101	0400	0550	0500	1450	Quản trị kinh doanh
1226	15	16	LDA . D1 20418	Nguyễn Thị Hoài	100495	1	Phú Thọ		1	15	04	D340101	0325	0450	0600	1400	Quản trị kinh doanh
1227	1A	42	LDA . A 3022	Nguyễn Quang Minh	061295	0	Hà nội		3	1A	02	D340101	0325	0450	0650	1450	Quản trị kinh doanh
1228	28	27	QHI . A 4147	Nguyễn Phi Hùng	240594	0	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340101	0450	0550	0625	1650	Quản trị kinh doanh
1229	1A	11	NHF . D1 146	Vũ Quỳnh Anh	031195	1	Hà nội		3	1A	03	D340101	0400	0725	0650	1800	Quản trị kinh doanh
1230	13	12	TGC . D1 5726	Nguyễn Quế Hằng	230695	1	Yên Bái		1	13	03	D340101	0575	0600	0600	1800	Quản trị kinh doanh
1231	03	52	DMT . A 4718	Phạm Thị Lương	050395	1	Hải Phòng		1	03	09	D340101	0425	0400	0625	1450	Quản trị kinh doanh
1232	03	52	DMT . A 8017	Nguyễn Thị Trang	250495	1	Hải Phòng		1	03	09	D340101	0600	0475	0550	1650	Quản trị kinh doanh
1233	24	03	NHF . D1 3807	Đinh Thị Hương	210694	1	Hà Nam		2NT	24		D340101	0550	0450	0475	1500	Quản trị kinh doanh
1234	21	25	KHA . D1 3250	Nguyễn Thị Hải Linh	300495	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340101	0575	0550	0750	1900	Quản trị kinh doanh
1235	24	31	BKA . D1 1070	Lê Duy Sơn	291095	0	Hà Nam		2NT	24	03	D340101	0700	0700	0300	1700	Quản trị kinh doanh
1236	27	72	MDA . A 7891	Vũ Thị Trang	170695	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340101	0525	0400	0450	1400	Quản trị kinh doanh
1237	1A	53	DMT . A 8273	Nguyễn Hồng Trà	270195	1	Hà nội		2	1A	10	D340101	0600	0450	0500	1550	Quản trị kinh doanh
1238	24		ANH . D1 8075	Trần Thảo Ly	260395	1	Hà Nam		2	24	03	D340101	0750	0600	0700	2050	Quản trị kinh doanh
1239	19	48	DDL . A 6556	Nguyễn Đăng Tiến	201195	0	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340101	0625	0650	0400	1700	Quản trị kinh doanh
1240	01		ANH . A 3142	Nguyễn Trung Hiếu	041095	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340101	0450	0475	0450	1400	Quản trị kinh doanh
1241	16	01	HCP . A 870	Nguyễn Thị Thu	051094	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340101	0350	0625	0425	1400	Quản trị kinh doanh
1242	1B	66	LPH . A 1191	Nguyễn Thị Lương	070195	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340101	0350	0600	0600	1550	Quản trị kinh doanh
1243	99		QHI . A 5864	Ngô Bình Minh	260994	0	Thái Bình		2NT	26	05	D340101	0450	0450	0450	1350	Quản trị kinh doanh
1244	21	13	BKA . D1 1111	Đặng Thị Phương Thảo	161295	1	Hải Dương		2	21	01	D340101	0500	0500	0800	1800	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1245	28	82	LDA . A 4598	Vương Thị Thủy	210995	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340101	0550	0375	0700	1650	Quản trị kinh doanh
1246	01		HCB . A 1861	Bùi Thanh Tú	151095	0	Hà nội	01	3	1A	01	D340101	0600	0450	0550	1600	Quản trị kinh doanh
1247	16	82	DQK . D1 2549	Hoàng Thị Mến	140995	1	Vĩnh Phúc		2	16	08	D340101	0325	0225	0800	1350	Quản trị kinh doanh
1248	1A	52	QHY . A 586	Vương Thị Ngọc Anh	281095	1	Hà nội		2	1A	10	D340101	0425	0500	0650	1600	Quản trị kinh doanh
1249	25	58	DDL . A 6212	Vũ Đình Thịnh	251293	0	Nam Định	03	2NT	25	08	D340101	0525	0525	0450	1500	Quản trị kinh doanh
1250	22	16	LDA . A 1372	Trần Thị Thu Hằng	270895	1	Hưng Yên		2NT	22	02	D340101	0575	0625	0450	1650	Quản trị kinh doanh
1251	19	13	TMA . A 4912	Lê Tiến Hùng	301095	0	Bắc Ninh		2	19	01	D340101	0600	0550	0650	1800	Quản trị kinh doanh
1252	17	07	LPH . D1 12110	Nguyễn Công Thành	110595	0	Quảng Ninh		2	17	01	D340101	0650	0350	0575	1600	Quản trị kinh doanh
1253	1B	69	QHS . A 6854	Bùi Thị Oanh	050495	1	Hà nội		2NT	1B	28	D340101	0425	0550	0500	1500	Quản trị kinh doanh
1254	1A	00	KHA . D1 6388	Đinh Thu Vân	030995	1	Hà nội		3	1A	01	D340101	0600	0700	0650	1950	Quản trị kinh doanh
1255	24	62	TMA . D1 22558	Lã Thị Mai	220195	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340101	0500	0550	0500	1550	Quản trị kinh doanh
1256	26	52	NHF . D1 6520	Vũ Thị Oanh	281095	1	Thái Bình		2NT	26		D340101	0700	0625	0350	1700	Quản trị kinh doanh
1257	24	13	DDL . D1 11254	Lương Ngọc Anh	121195	0	Hà Nam		2	24	01	D340101	0375	0650	0450	1500	Quản trị kinh doanh
1258	99	99	LDA . A 2748	Bùi Thị Thanh Loan	041094	1	Phú Thọ		1	15	03	D340101	0425	0550	0400	1400	Quản trị kinh doanh
1259	28		CSH . D1 20219	Lê Thị Quỳnh	170694	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340101	0450	0550	0475	1500	Quản trị kinh doanh
1260	19	21	LDA . D1 24686	Nguyễn Thị Thuý	180795	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340101	0525	0425	0750	1700	Quản trị kinh doanh
1261	1A	17	KHA . D1 2285	Nguyễn Minh Huyền	071095	1	Hà nội		3	1A	04	D340101	0725	0400	0700	1850	Quản trị kinh doanh
1262	28	64	KTA . A 5626	Viên Văn Trung	220195	0	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340101	0400	0450	0600	1450	Quản trị kinh doanh
1263	19		CSH . A 734	Bạch Trung Hiếu	100295	0	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340101	0400	0550	0750	1700	Quản trị kinh doanh
1264	13	02	KHA . A 1912	Nguyễn Trung Đăng	010495	0	Yên Bái		1	13	01	D340101	0550	0500	0625	1700	Quản trị kinh doanh
1265	18	13	LDA . D1 24074	Trần Ngọc Tân	090195	0	Bắc Giang		2	18	01	D340101	0500	0375	0500	1400	Quản trị kinh doanh
1266	19	27	TMA . A 6849	Ngô Thị Mai	111095	1	Bắc Ninh		2	19	02	D340404	0450	0625	0550	1650	Quản trị nhân lực
1267	21	42	QHI . A 2885	Nguyễn Văn Hậu	130895	0	Hải Dương		2NT	21	09	D340404	0550	0675	0725	1950	Quản trị nhân lực
1268	1A	07	NHF . D1 1634	Phan Thùy Dương	291195	1	Hà nội		3	1A		D340404	0650	0450	0475	1600	Quản trị nhân lực
1269	21	15	SPH . D1 14833	Vũ Thị Nga	220595	1	Hải Dương		2	21	01	D340404	0600	0550	0600	1750	Quản trị nhân lực
1270	26	46	SP2 . D1 1747	Lê Thị Phương	120795	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340404	0600	0525	0450	1600	Quản trị nhân lực
1271	1B	04	HCH . D1 4502	Phạm Diệu Linh	020695	1	Hà nội		3	1B	15	D340404	0550	0575	0425	1550	Quản trị nhân lực
1272	28	92	NLS . D1 45439	Lê Thị Thuý	220695	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340404	0500	0450	0600	1550	Quản trị nhân lực
1273	1B	03	NHF . D1 4593	Đỗ Thị Thuý Linh	041095	1	Hà nội		3	1B	15	D340404	0700	0475	0500	1700	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1274	25	45	QHX . A 8056	Hoàng Minh Thảo	130795	0	Nam Định		2NT	25	06	D340404	0600	0500	0475	1600	Quản trị nhân lực
1275	29	12	LAH . A 3042	Trần Văn Ngọc	201093	0	Nghệ An	08	2NT	29	12	D340404	0325	0575	0450	1350	Quản trị nhân lực
1276	24	13	LDA . D1 20411	Hoàng Thị Hoài	210794	1	Hà Nam		2	24	05	D340404	0700	0350	0600	1650	Quản trị nhân lực
1277	22	73	GHA . A 1086	Nguyễn Thị Cúc	180695	1	Hưng Yên		2NT	22	02	D340404	0375	0550	0375	1300	Quản trị nhân lực
1278	28	34	HCH . A 347	Trương Thị Hồng	251095	1	Thanh Hoá		2	28	21	D340404	0425	0400	0550	1400	Quản trị nhân lực
1279	21	36	HCH . D1 5021	Hoàng Minh Trang	151295	1	Hải Dương		2NT	21	07	D340404	0675	0725	0250	1650	Quản trị nhân lực
1280	25	35	TGC . D1 7833	Vũ Thị Thảo	200795	1	Nam Định		2NT	25	05	D340404	0625	0400	0700	1750	Quản trị nhân lực
1281	99	99	QHX . D1 2528	Cao Thị Hương	190893	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340404	0525	0600	0525	1650	Quản trị nhân lực
1282	16	41	TMA . D1 23075	Nguyễn Thị Hồng Nhung	030295	1	Vĩnh Phúc	04	2NT	16	04	D340404	0300	0450	0600	1350	Quản trị nhân lực
1283	1A	80	LDA . A 3642	Thịnh Thị Phương	240395	1	Hà nội		2	1A	13	D340404	0525	0500	0600	1650	Quản trị nhân lực
1284	16		ANH . D1 7797	Nguyễn Thị Hiền	211195	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	01	D340404	0625	0525	0650	1800	Quản trị nhân lực
1285	25	36	TMA . A 12544	Đào Thị Hồng Vân	090795	1	Nam Định		2NT	25	05	D340404	0500	0500	0800	1800	Quản trị nhân lực
1286	1B	74	DCN . D1 7248	Nguyễn Thị Nga	151295	1	Hà nội		2NT	1B	29	D340404	0550	0550	0400	1500	Quản trị nhân lực
1287	1A	86	LDA . D1 20947	Nguyễn Phi Hùng	061095	0	Hà nội		2	1A	14	D340404	0550	0325	0500	1400	Quản trị nhân lực
1288	24	13	DNV . D1 6016	Nguyễn Thị Phương Dung	290995	1	Hà Nam		2	24	01	D340404	0625	0450	0650	1750	Quản trị nhân lực
1289	1A	55	QHS . D1 2384	Nguyễn Thị Thanh Huyền	311295	1	Hà nội		2	1A	10	D340404	0700	0700	0425	1850	Quản trị nhân lực
1290	1B	23	TMA . A 11558	Nguyễn Huyền Trang	100595	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340404	0450	0600	0650	1700	Quản trị nhân lực
1291	99		DCN . A 25143	Đỗ Thị Mai	200794	1	Nam Định		2NT	25	10	D340404	0450	0450	0500	1400	Quản trị nhân lực
1292	17	67	TMA . D1 25371	Phạm Thị Hồng Vân	020295	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340404	0600	0500	0450	1550	Quản trị nhân lực
1293	99	99	VHH . D1 3375	Nguyễn Thị Hoàn	090994	1	Hà nội		3	1B	26	D340404	0675	0400	0500	1600	Quản trị nhân lực
1294	99	99	KHA . D1 656	Nguyễn Thị Châm	020295	1	Bắc Ninh		2NT	19	03	D340404	0600	0425	0800	1850	Quản trị nhân lực
1295	1A	78	QHL . D1 6258	Lê Thị Huyền Trang	281095	1	Hà nội		2	1A	01	D340404	0550	0650	0325	1550	Quản trị nhân lực
1296	16	11	QHL . D1 1556	Đỗ Thị Thúy Hạnh	270495	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340404	0600	0700	0350	1650	Quản trị nhân lực
1297	1B	10	QHX . D1 3019	Nguyễn Thị Liên	071195	1	Hà nội		2	1B	16	D340404	0575	0775	0375	1750	Quản trị nhân lực
1298	18	37	DCN . D1 10234	Lê Thị Thuyết	110595	1	Bắc Giang		1	18	10	D340404	0575	0425	0450	1450	Quản trị nhân lực
1299	99	99	NHF . D1 876	Trần Phi Anh	150692	0	Thái Bình		2NT	26	07	D340404	0350	0825	0475	1650	Quản trị nhân lực
1300	1A	00	KHA . A 284	Nguyễn Hồng Nhật Anh	260595	0	Hà nội		3	1A	05	D340404	0550	0550	0800	1900	Quản trị nhân lực
1301	28	75	TMA . A 6264	Nguyễn Thị Thùy Linh	150995	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340404	0575	0450	0625	1650	Quản trị nhân lực
1302	28		HCB . A 1711	Vũ Thị Huyền Trang	220495	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340404	0625	0500	0475	1600	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1303	21	14	DCN . A 8561	Bùi Văn Duy	050795	0	Hải Dương		2	21	01	D340404	0450	0550	0450	1450	Quản trị nhân lực
1304	1B	60	LDA . D1 18821	Nguyễn Thị Chung	100395	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340404	0425	0575	0500	1500	Quản trị nhân lực
1305	22	28	NHF . D1 2867	Nguyễn Thị Hiền	270795	1	Hung Yên		2NT	22	04	D340404	0650	0650	0500	1800	Quản trị nhân lực
1306	22	28	SPH . D1 15000	Nguyễn Thị Thanh Gian	240795	1	Hung Yên		2NT	22	04	D340404	0300	0350	0700	1350	Quản trị nhân lực
1307	99	99	DMT . A 1182	Bùi Thị Thùy Dung	010595	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340404	0575	0250	0725	1550	Quản trị nhân lực
1308	1A	11	NHF . D1 146	Vũ Quỳnh Anh	031195	1	Hà nội		3	1A	03	D340404	0400	0725	0650	1800	Quản trị nhân lực
1309	25	79	DCN . A 14581	Phạm Thị Thúy Hằng	201295	1	Nam Định		2NT	25	10	D340404	0350	0575	0450	1400	Quản trị nhân lực
1310	22	50	DDL . D1 11793	Phan Thị Hương	230195	1	Hung Yên		2NT	22	08	D340404	0550	0625	0350	1550	Quản trị nhân lực
1311	28	57	LDA . D1 25392	Nguyễn Thị Phương Tra	131295	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340404	0525	0300	0750	1600	Quản trị nhân lực
1312	24	11	KHA . D1 2749	Hoàng Thị Thu Lan	130895	1	Hà Nam		2	24	04	D340404	0700	0550	0750	2000	Quản trị nhân lực
1313	99	99	KHA . A 9954	Phạm Khánh Chi	201094	1	Hải Phòng		3	03	03	D340404	0625	0575	0750	1950	Quản trị nhân lực
1314	24	51	DYH . A 2938	Nguyễn Tuấn Anh	201195	0	Hà Nam		2NT	24	05	D340404	0625	0800	0750	2200	Quản trị nhân lực
1315	16	41	NHF . D1 5234	Nguyễn Thị Mai	280595	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340404	0550	0475	0775	1800	Quản trị nhân lực
1316	25	80	VHH . D1 3590	Nguyễn Thị Thu Hương	210195	1	Nam Định		2NT	25	10	D340404	0675	0200	0550	1450	Quản trị nhân lực
1317	99	99	TMA . D1 21137	Bùi Thị Thu Hằng	130994	1	Nam Định		2	25	01	D340404	0700	0500	0550	1750	Quản trị nhân lực
1318	28	55	DCN . D1 11341	Nguyễn Thị Trang	030395	1	Thanh Hoá		2NT	28	17	D340404	0450	0550	0500	1500	Quản trị nhân lực
1319	1B	18	QHT . A 5590	Nguyễn Thị Hương Ly	140795	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340404	0550	0600	0850	2000	Quản trị nhân lực
1320	1B	48	DDL . A 3619	Nguyễn Thị Lan	190995	1	Hà nội		2NT	1B	24	D340404	0325	0550	0650	1550	Quản trị nhân lực
1321	15	10	TGC . D1 8505	Hà Anh Tú	020995	0	Phú Thọ		2	15	04	D340404	0625	0550	0650	1850	Quản trị nhân lực
1322	25	36	DCN . A 36471	Nguyễn Trường Thi	100395	0	Nam Định		2NT	25	05	D340404	0375	0450	0650	1500	Quản trị nhân lực
1323	99	99	TGC . D1 6018	Nguyễn Thị Huyền	090994	1	Hải Phòng		2	03	07	D340404	0625	0350	0700	1700	Quản trị nhân lực
1324	1A	56	NHF . D1 6010	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	120995	1	Hà nội		2	1A		D340404	0700	0625	0575	1900	Quản trị nhân lực
1325	19	24	DCN . D1 3969	Nguyễn Thị Hoa	010894	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340404	0650	0425	0400	1500	Quản trị nhân lực
1326	13	33	DNV . D1 5951	Nguyễn Thị Cúc	190595	1	Yên Bái		1	13	09	D340404	0400	0325	0500	1250	Quản trị nhân lực
1327	21	20	TMA . A 8194	Nguyễn Thị Hồng Nhung	250195	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340404	0500	0550	0600	1650	Quản trị nhân lực
1328	1B	31	BVH . A 559	Nguyễn Đình Dân	171094	0	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0650	0275	0650	1600	Quản trị nhân lực
1329	25	16	DCN . D1 5327	Hoàng Thị Bích Hương	070595	1	Nam Định		2NT	25	01	D340404	0600	0425	0400	1450	Quản trị nhân lực
1330	1A	25	DDL . A 7077	Nguyễn Anh Tuấn	021095	0	Hà nội		3	1A	02	D340404	0600	0400	0550	1550	Quản trị nhân lực
1331	99	99	QHL . D1 919	Nguyễn Thị Dung	100694	1	Bắc Giang		1	18	09	D340404	0575	0675	0375	1650	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1332	17	25	SDU . D1 5290	Vũ Thị Nhung	311095	1	Quảng Ninh		1	17	03	D340404	0400	0550	0450	1400	Quản trị nhân lực
1333	28	59	DDL . A 5409	Lê Thị Quỳnh	120895	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340404	0400	0525	0575	1500	Quản trị nhân lực
1334	1A	11	NTH . D1 6908	Dương Hà My	021295	1	Hà nội		3	1A	08	D340404	0450	0575	0650	1700	Quản trị nhân lực
1335	25	04	QHL . D1 1152	Vũ Mạnh Đông	080295	0	Nam Định		2	25	06	D340404	0700	0725	0275	1700	Quản trị nhân lực
1336	1B	10	QHT . A 7828	Phan Thị Thanh Tâm	290395	1	Nghệ An		2	29	18	D340404	0575	0500	0550	1650	Quản trị nhân lực
1337	1A	69	LDA . D1 24292	Nguyễn Thị Thảo	200395	1	Hà nội		2	1A	12	D340404	0675	0350	0650	1700	Quản trị nhân lực
1338	28	57	HUI . A 2694	Phạm Thị Hà	200195	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340404	0450	0500	0450	1400	Quản trị nhân lực
1339	16	61	DNV . D1 6764	Nguyễn Thị Lành	101295	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	06	D340404	0525	0400	0750	1700	Quản trị nhân lực
1340	1B	13	LDA . A 4785	Trần Thị Thu Trang	040195	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340404	0525	0500	0475	1500	Quản trị nhân lực
1341	1A	18	LPH . A 251	Nguyễn Linh Nga	030295	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0575	0675	0675	1950	Quản trị nhân lực
1342	19	24	DCN . D1 5189	Nguyễn Thị Hương	231295	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340404	0550	0550	0475	1600	Quản trị nhân lực
1343	18	12	KHA . D1 249	Nguyễn Hà Anh	061195	1	Bắc Giang		2	18	10	D340404	0675	0625	0800	2100	Quản trị nhân lực
1344	24	31	QHT . A 4926	Trương Nhật Lệ	251295	1	Hà Nam		2NT	24	03	D340404	0550	0600	0475	1650	Quản trị nhân lực
1345	03	22	HCH . D1 5182	Nguyễn Thị Quỳnh Giac	280894	1	Hải Phòng		3	03	03	D340404	0700	0675	0425	1800	Quản trị nhân lực
1346	99	99	MDA . A 7085	Vương Quyết Thắng	120994	0	Hưng Yên		2NT	22	03	D340404	0375	0275	0625	1300	Quản trị nhân lực
1347	99	99	KHA . A 7427	Lê Tuấn Thành	160594	0	Thanh Hoá		1	28	13	D340404	0625	0650	0700	2000	Quản trị nhân lực
1348	19	10	DMT . A 2665	Nguyễn Thị Hoa	281095	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340404	0600	0675	0400	1700	Quản trị nhân lực
1349	1A	22	NHF . D1 4415	Nguyễn Mỹ Linh	110895	1	Hà nội		3	1A	01	D340404	0700	0475	0650	1850	Quản trị nhân lực
1350	1A	77	TMA . A 12820	Nguyễn Bích Vượng	200695	1	Hà nội		2	1A	13	D340404	0400	0750	0650	1800	Quản trị nhân lực
1351	1B	18	DQH . A 4364	Lê Tiến Đạt	220695	0	Hà nội		2NT	1B	18	D340404	0250	0625	0525	1400	Quản trị nhân lực
1352	1A	53	DDL . D1 12112	Vũ Thị Kim Nhung	221095	1	Hà nội		2	1A	10	D340404	0550	0725	0300	1600	Quản trị nhân lực
1353	28	31	TMA . A 9525	Đỗ Thị Tâm	200995	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340404	0575	0550	0700	1850	Quản trị nhân lực
1354	18	37	DTS . D1 2774	Nguyễn Thị Mỹ Linh	020795	1	Bắc Giang		1	18	10	D340404	0375	0225	0650	1250	Quản trị nhân lực
1355	1A	37	SPH . A 3580	Lê Sao Tuyết Nhi	160295	1	Hà nội		3	1A	04	D340404	0700	0250	0900	1850	Quản trị nhân lực
1356	19	13	LDA . D1 26106	Tạ Thị Thanh Xuân	260395	1	Bắc Ninh		2	19	01	D340404	0700	0325	0600	1650	Quản trị nhân lực
1357	99	99	QHL . D1 320	Nguyễn Thị Mai Anh	060994	1	Nam Định		2NT	25	07	D340404	0625	0700	0250	1600	Quản trị nhân lực
1358	03		PCH . A 2960	Nguyễn Thị Thu Trang	260994	1	Hải Phòng		1	03	09	D340404	0475	0550	0475	1500	Quản trị nhân lực
1359	25	30	LPH . D1 12484	Đinh Thị Thu Trang	191195	1	Nam Định		2NT	25	04	D340404	0525	0250	0700	1500	Quản trị nhân lực
1360	1B	08	SPH . D1 11609	Đặng Việt Linh	100395	1	Hà nội		2	1B	16	D340404	0600	0375	0400	1400	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1361	24	13	LDA . D1 25990	Trần Thị Vẻ	100995	1	Hà Nam		2	24	05	D340404	0675	0400	0700	1800	Quản trị nhân lực
1362	15	51	SP2 . A 431	Đặng Thị Kim Dung	201095	1	Phú Thọ		1	15	11	D340404	0475	0300	0550	1350	Quản trị nhân lực
1363	1A	29	HCH . A 846	Phạm Tuấn Thành	091195	0	Hà nội		3	1A	06	D340404	0575	0475	0575	1650	Quản trị nhân lực
1364	25	03	KHA . A 93	Trần Thị Ngọc Anh	300695	1	Nam Định		2	25	01	D340404	0650	0550	0825	2050	Quản trị nhân lực
1365	1B	28	HCH . D1 5126	Nguyễn Thị Xinh	251295	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0775	0575	0225	1600	Quản trị nhân lực
1366	29	50	DMT . A 10561	Đường Văn Tùng	131295	0	Nghệ An		1	29	11	D340404	0525	0625	0350	1500	Quản trị nhân lực
1367	1B	03	TMA . A 8121	Hoàng Thị Kim Nhung	280695	1	Hà nội		3	1A	11	D340404	0725	0575	0550	1850	Quản trị nhân lực
1368	1A	00	QHF . D1 3706	Hoàng Thị Tuyết Mai	060595	1	Hà nội		3	1A	05	D340404	0525	0650	0675	1850	Quản trị nhân lực
1369	15	44	BVH . A 2329	Bùi Văn Luận	170694	0	Phú Thọ		2NT	15	10	D340404	0475	0525	0625	1650	Quản trị nhân lực
1370	28	86	HDT . D1 1243	Trịnh Thị Huyền Trang	140695	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340404	0450	0325	0600	1400	Quản trị nhân lực
1371	24	32	NHF . D1 6527	Nguyễn Kiều Oanh	121195	1	Hà Nam		1	24		D340404	0750	0675	0550	2000	Quản trị nhân lực
1372	1B	35	TGC . D1 7502	Đỗ Thị Phụng	231095	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340404	0550	0450	0600	1600	Quản trị nhân lực
1373	03	57	LDA . D1 26568	Vũ Văn Quang	180894	0	Hải Phòng		2	03	09	D340404	0450	0325	0650	1450	Quản trị nhân lực
1374	1A	90	HCH . A 233	Trần Thị Ngọc Hà	140495	1	Hà nội		2	1A	14	D340404	0375	0475	0525	1400	Quản trị nhân lực
1375	99		DCN . A 25403	Đinh Đức Mạnh	290694	0	Phú Thọ		1	15	11	D340404	0500	0600	0400	1500	Quản trị nhân lực
1376	1B	54	QHX . D1 3581	Nguyễn Kim Lụa	230995	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340404	0350	0650	0400	1400	Quản trị nhân lực
1377	99		DCN . A 5993	Đinh Công Chiến	200892	0	Lào Cai		1	08	01	D340404	0375	0500	0400	1300	Quản trị nhân lực
1378	21	40	NHF . D1 6460	Vũ Thị Nội	140195	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340404	0750	0700	0450	1900	Quản trị nhân lực
1379	13	47	LDA . A 3401	Đỗ Khánh Nguyệt	030695	1	Yên Bái		1	13	03	D340404	0375	0525	0450	1350	Quản trị nhân lực
1380	07	19	DMT . A 1886	Nguyễn Ngọc Hà	080795	0	Lai Châu		1	07	06	D340404	0375	0500	0475	1350	Quản trị nhân lực
1381	30	20	TMA . A 16946	Lê Thuỳ Trang	290694	1	Hà Tĩnh		1	30	07	D340404	0600	0450	0650	1700	Quản trị nhân lực
1382	1B	23	HCH . D1 4625	Bùi Thị Nga	250895	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340404	0650	0375	0350	1400	Quản trị nhân lực
1383	13	47	DKH . A 1426	Nguyễn Thị Hương	200795	1	Yên Bái		1	13	03	D340404	0450	0375	0525	1350	Quản trị nhân lực
1384	15	23	TGC . D1 8081	Ngô Hồng Thủy	070695	1	Phú Thọ		1	15	05	D340404	0450	0325	0600	1400	Quản trị nhân lực
1385	15	45	DDL . A 3412	Hoàng Tuấn Khang	200395	0	Phú Thọ		1	15	10	D340404	0425	0550	0475	1450	Quản trị nhân lực
1386	16	11	LDA . D1 20029	Đỗ Thu Hằng	140295	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340404	0425	0775	0550	1750	Quản trị nhân lực
1387	1A	60	LPH . D1 11214	Đặng Quốc Bảo	271095	0	Hà nội		2	1A	07	D340404	0675	0375	0400	1450	Quản trị nhân lực
1388	25	52	DCN . D1 2256	Đoàn Thị Duyên	120295	1	Nam Định		2NT	25	07	D340404	0550	0375	0500	1450	Quản trị nhân lực
1389	1A	34	DCA . D1 1985	Nghiêm Xuân Thành	080995	0	Hà nội		3	1A	07	D340404	0475	0675	0350	1500	Quản trị nhân lực

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1390	25	51	DMT . A 6346	Dương Văn Quảng	070895	0	Nam Định		2NT	25	08	D340404	0550	0525	0575	1650	Quản trị nhân lực
1391	25	28	TMA . A 12665	Trịnh Thị Vân	290795	1	Nam Định		2NT	25	04	D340404	0575	0575	0625	1800	Quản trị nhân lực
1392	25	09	QHE . D1 6758	Trần Duy Tùng	220495	0	Nam Định		2	25	01	D340404	0600	0700	0350	1650	Quản trị nhân lực
1393	25	69	NHF . D1 2009	Phạm Thị Giang	091295	1	Nam Định		2NT	25	09	D340404	0700	0750	0450	1900	Quản trị nhân lực
1394	28	63	TMA . A 11641	Nguyễn Thị Hà Trang	210495	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340404	0450	0550	0550	1550	Quản trị nhân lực
1395	24	43	NHF . D1 6812	Trần Thị Phương	061195	1	Hà Nam		2NT	24		D340404	0700	0525	0525	1750	Quản trị nhân lực
1396	30	10	HCH . A 1353	Hồ Thị Hoàng Yến	170695	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340404	0400	0525	0600	1550	Quản trị nhân lực
1397	16		ANH . D1 7904	Nguyễn Thị Mai Hương	130895	1	Vĩnh Phúc		2	16	07	D340404	0625	0625	0750	2000	Quản trị nhân lực
1398	1A	08	HQT . D1 1239	Hoàng Hậu Phương Đôn	100195	1	Hà nội		3	1A	03	D340404	0825	0650	0575	2050	Quản trị nhân lực
1399	99	99	HCH . D1 4422	Đổng Thị Mai Lan	050394	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340101	0600	0325	0350	1300	Quản trị kinh doanh
1400	1B	20	LDA . A 1064	Phan Nguyệt Hà	061295	1	Hà nội		2NT	1B	18	D340101	0525	0400	0550	1500	Quản trị kinh doanh
1401	08	11	LPH . A 1829	Phạm Thị Tố Uyên	010395	1	Lào Cai		1	08	01	D340101	0500	0600	0725	1850	Quản trị kinh doanh
1402	14	12	QHT . A 2656	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	190895	1	Sơn La		1	14	10	D340101	0525	0475	0600	1600	Quản trị kinh doanh
1403	31	02	DQK . D1 3740	Nguyễn Thị Thu	310795	1	Quảng Bình		2	31	01	D340101	0625	0375	0800	1800	Quản trị kinh doanh
1404	14	11	DCN . A 26070	Lại Thị Thảo Minh	150495	1	Sơn La		1	14	10	D340101	0625	0350	0300	1300	Quản trị kinh doanh
1405	21	23	GHA . A 6355	Lê Thị Phương My	150195	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340101	0475	0550	0475	1500	Quản trị kinh doanh
1406	26	41	TMA . D1 20258	Nguyễn Trâm Anh	D34010	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340101	0400	0525	0650	1600	Quản trị kinh doanh
1407	28	50	VHH . D1 3589	Đào Thị Hương	030595	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340101	0550	0300	0550	1400	Quản trị kinh doanh
1408	28	50	VHH . D1 4528	Lê Thị Thu	040595	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340101	0575	0125	0750	1450	Quản trị kinh doanh
1409	26	04	NHF . D1 5715	Đào Thị Nga	120995	1	Thái Bình		2	26	01	D340101	0700	0675	0625	2000	Quản trị kinh doanh
1410	29	04	TMA . A 16947	Luyện Thị Thu Trang	020995	1	Nghệ An		2	29	11	D340101	0550	0350	0750	1650	Quản trị kinh doanh
1411	09		ANH . A 1633	Hoàng Tùng Lâm	100295	0	Tuyên Quang		1	09	07	D340101	0525	0450	0450	1450	Quản trị kinh doanh
1412	28	01	DQK . D1 77	Nguyễn Thị Kiều Anh	190795	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340101	0575	0325	0625	1550	Quản trị kinh doanh
1413	29	81	TDV . D1 19075	Nguyễn Thị Thanh Hiền	070795	1	Nghệ An		2NT	29	16	D340101	0725	0300	0450	1500	Quản trị kinh doanh
1414	28	31	LDA . A 2780	Đỗ Hoàng Long	211195	0	Thanh Hoá		2	28	01	D340101	0575	0425	0450	1450	Quản trị kinh doanh
1415	28	84	NNH . A 13713	Bùi Thị Trang	200795	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340101	0250	0500	0525	1300	Quản trị kinh doanh
1416	16	52	DMT . A 714	Phạm Thị Bảo Châm	250795	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340101	0575	0450	0375	1400	Quản trị kinh doanh
1417	16	21	GHA . A 4673	Nguyễn Thành Hưng	271095	0	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340101	0575	0500	0275	1350	Quản trị kinh doanh
1418	16	21	DCN . A 11037	Lăng Văn Định	041095	0	Vĩnh Phúc		2NT	16	02	D340101	0425	0475	0500	1400	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1419	18	08	BAK . A 12387	Đào Thị Tuất	230894	1	Bắc Giang		1	18	08	D340101	0500	0525	0325	1350	Quản trị kinh doanh
1420	19	34	QHF . D1 568	Nguyễn Thị Ba	020595	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340101	0400	0750	0300	1450	Quản trị kinh doanh
1421	27	73	SPH . D1 12730	Nguyễn Thị Hoa	070695	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340101	0425	0425	0650	1500	Quản trị kinh doanh
1422	29	23	TMA . D1 27025	Hoàng Thị Kiều Diễm	170794	1	Nghệ An		2NT	29	20	D340101	0600	0350	0750	1700	Quản trị kinh doanh
1423		31	QHL . D1 2012	Nguyễn Thanh Hoa	071195	1	Tuyên Quang		1	09	07	D340101	0675	0600	0500	1800	Quản trị kinh doanh
1424	15	29	DTY . A 12500	Lưu Thị Thu Thảo	261195	1	Phú Thọ		2NT	15	06	D340101	0450	0550	0500	1500	Quản trị kinh doanh
1425	28	19	HDT . D1 1260	Trịnh Thị Trinh	100594	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340101	0475	0400	0800	1700	Quản trị kinh doanh
1426	18	35	DCN . D1 8493	Lương Thị Phương	120895	1	Bắc Giang		1	18	10	D340101	0450	0500	0400	1350	Quản trị kinh doanh
1427	1B	23	LDA . D1 24998	Đỗ Công Tĩnh	180695	0	Hà nội		2NT	1B	19	D340101	0375	0450	0550	1400	Quản trị kinh doanh
1428	25	35	NHF . D1 792	Ngô Thị Lan Anh	080595	1	Nam Định		2NT	25	05	D340101	0600	0425	0575	1600	Quản trị kinh doanh
1429	18	27	VHH . D1 4370	Nguyễn Thị Thanh	220395	1	Bắc Giang		2NT	18	07	D340101	0350	0275	0700	1350	Quản trị kinh doanh
1430	25	22	KHA . D1 2139	Nguyễn Thị Hoi	280295	1	Nam Định		2NT	25	03	D340101	0725	0325	0550	1600	Quản trị kinh doanh
1431	25	16	DCN . D1 1325	Trần Thị Việt Anh	221195	1	Nam Định		2NT	25	02	D340101	0525	0450	0400	1400	Quản trị kinh doanh
1432	21	32	TMA . A 4384	Nguyễn Thị Huệ	150195	1	Hải Dương		2NT	21	05	D340101	0650	0400	0625	1700	Quản trị kinh doanh
1433	17	80	LDA . D1 26638	Lưu Thị Thủy	011094	1	Quảng Ninh	01	1	17	13	D340101	0250	0225	0600	1100	Quản trị kinh doanh
1434	28	70	LDA . D1 24826	Phùng Thị Thùy	050595	1	Thanh Hoá		2NT	28	21	D340101	0400	0550	0700	1650	Quản trị kinh doanh
1435	21	40	LDA . D1 21909	Lê Thị Linh	190495	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340101	0500	0650	0550	1700	Quản trị kinh doanh
1436	21	40	VHH . D1 3794	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	030895	1	Hải Dương		2NT	21	12	D340101	0550	0300	0500	1350	Quản trị kinh doanh
1437	03	48	TMA . A 14589	Lại Thị Hồng Nhung	040695	1	Hải Phòng		2	03	09	D340101	0400	0650	0650	1700	Quản trị kinh doanh
1438	1B	46	TMA . A 4087	Nguyễn Văn Hoàng	040494	0	Hà nội		2NT	1B	23	D340101	0500	0525	0250	1300	Quản trị kinh doanh
1439	62	09	KQH . A 2008	Phạm Thị Tâm	290995	1	Điện Biên		1	62	09	D340101	0500	0500	0475	1500	Quản trị kinh doanh
1440	15	02	KHA . D1 2385	Vũ Thị Thanh Huyền	201095	1	Phú Thọ		2	15	01	D340101	0725	0675	0750	2150	Quản trị kinh doanh
1441	1B	30	TMA . D1 21369	Nguyễn Thị Hoa	091295	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340101	0575	0450	0550	1600	Quản trị kinh doanh
1442	1A	86	KHA . D1 3917	Nguyễn Thị Kim Ngân	210395	1	Hà nội		2	1A	14	D340101	0800	0550	0500	1850	Quản trị kinh doanh
1443	21	32	TMA . A 10514	Nguyễn Thị Thu	020195	1	Hải Dương		2NT	21	05	D340101	0650	0525	0550	1750	Quản trị kinh doanh
1444	29	61	TMA . A 16600	Dương Thị Thúy Nga	160595	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340101	0525	0575	0575	1700	Quản trị kinh doanh
1445	29	85	TMA . D1 27008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	200495	1	Nghệ An		2NT	29	16	D340101	0625	0375	0700	1700	Quản trị kinh doanh
1446	30	10	TMA . D1 27195	Phan Thị Diệu Thảo	251195	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340101	0700	0550	0500	1750	Quản trị kinh doanh
1447	17	57	TMA . A 14342	Nguyễn Gia Huy	010695	0	Quảng Ninh		1	17	10	D340101	0550	0600	0450	1600	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1448	17	66	THP . D1 8525	Đinh Thị Thu Phương	200795	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340101	0475	0250	0550	1300	Quản trị kinh doanh
1449	17	67	LDA . A 5584	Đặng Thị Bình	241095	1	Quảng Ninh		2NT	17	11	D340101	0475	0450	0650	1600	Quản trị kinh doanh
1450	25	16	NHF . D1 1489	Trần Thị Dung	240695	1	Nam Định		2NT	25		D340101	0700	0425	0700	1850	Quản trị kinh doanh
1451	25	42	LDA . A 5543	Trần Thị Yến	240993	1	Nam Định		2NT	25	06	D340101	0350	0525	0650	1550	Quản trị kinh doanh
1452	25	04	VHH . D1 4939	Vũ Thị Yến	190495	1	Nam Định		2	25	01	D340101	0600	0425	0550	1600	Quản trị kinh doanh
1453	25	22	BKA . D1 498	Đinh Thị Huế	191095	1	Nam Định		2NT	25	03	D340101	0725	0625	0500	1850	Quản trị kinh doanh
1454	30		PCH . A 1668	Lương Thị Thanh Huyền	201095	1	Hà Tĩnh		1	30	03	D340404	0425	0675	0425	1550	Quản trị nhân lực
1455	30	33	LPH . A 5815	Đinh Thị Thu Hiền	260295	1	Hà Tĩnh		2NT	30	04	D340101	0650	0600	0650	1900	Quản trị kinh doanh
1456	28	55	NHF . D1 8292	Lê Thanh Thủy	150295	1	Thanh Hoá		2NT	28		D340101	0650	0525	0325	1500	Quản trị kinh doanh
1457	99	99	TMA . A 9217	Lê Thị Hương Quỳnh	031094	1	Phú Thọ		1	15	04	D340101	0225	0525	0800	1550	Quản trị kinh doanh
1458	06	01	HQT . D1 1877	Trần Hải Nam	151094	0	Cao Bằng		1	06	01	D340101	0550	0300	0450	1300	Quản trị kinh doanh
1459	22	40	DCN . A 20478	Đào Thị Thu Hương	131095	1	Hưng Yên		2NT	22	06	D340101	0400	0575	0550	1550	Quản trị kinh doanh
1460	14	21	QHL . A 4885	Trần Tùng Lâm	131195	0	Sơn La		1	14	01	D340101	0425	0675	0675	1800	Quản trị kinh doanh
1461	18	32	BKA . A 7159	Lê Hương Mai	300995	1	Bắc Giang		2NT	18	09	D340101	0575	0450	0625	1650	Quản trị kinh doanh
1462	29		ANH . D1 8209	Phạm Thị Oanh	191194	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340101	0550	0350	0750	1650	Quản trị kinh doanh
1463	1B	65	LDA . A 2572	Phạm Tùng Linh	040795	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340101	0450	0625	0475	1550	Quản trị kinh doanh
1464	30	10	LDA . A 6122	Dương Thị Thùy Phương	220895	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340101	0525	0500	0525	1550	Quản trị kinh doanh
1465	30	41	LDA . D1 26756	Lê Thị Hà	200595	1	Hà Tĩnh		2NT	30	08	D340101	0575	0275	0600	1450	Quản trị kinh doanh
1466	28	48	GHA . A 9042	Lê Thị Thu	150795	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340101	0575	0575	0450	1600	Quản trị kinh doanh
1467	18	29	GHA . A 1011	Cao Đăng Công	060595	0	Bắc Giang		1	18	08	D340101	0500	0425	0450	1400	Quản trị kinh doanh
1468	25	67	TMA . A 8372	Nguyễn Thị Oanh	231195	1	Nam Định		2NT	25	09	D340101	0600	0650	0550	1800	Quản trị kinh doanh
1469	18	26	DCN . A 19385	Ngô Văn Hùng	020895	0	Bắc Giang		2NT	18	07	D340101	0450	0525	0425	1400	Quản trị kinh doanh
1470	27	51	LDA . A 1578	Đinh Thị Hiền	070295	1	Ninh Bình		2NT	27	01	D340101	0300	0425	0650	1400	Quản trị kinh doanh
1471	25	38	DCN . A 18657	Hoàng Hà Huynh	240395	0	Nam Định		2NT	25	05	D340101	0450	0500	0600	1550	Quản trị kinh doanh
1472	10	02	TMA . D1 21735	Vi Thị Thanh Huyền	081295	1	Lạng Sơn	01	1	10	01	D340101	0625	0250	0550	1450	Quản trị kinh doanh
1473	16	41	TMA . A 11515	Lê Thị Thu Trang	110295	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340101	0550	0600	0575	1750	Quản trị kinh doanh
1474	33	D3	DDK . A 8004	Hồ Thị Lý	140794	1	Nghệ An		2NT	29	06	D340101	0525	0575	0275	1400	Quản trị kinh doanh
1475	29	34	HCH . A 1337	Phạm Thị Thùy	010395	1	Nghệ An		2NT	29	06	D340101	0425	0525	0425	1400	Quản trị kinh doanh
1476	99	99	QHX . D1 1871	Nguyễn Thị Hiền	240994	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340101	0325	0650	0325	1300	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1477	21	11	TMA . D1 23722	Lê Thị Ngọc Thảo	040494	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340101	0475	0375	0700	1550	Quản trị kinh doanh
1478	28	34	BVH . A 1157	Vũ Tiến Hải	260895	0	Thanh Hoá		2	28	02	D340101	0650	0650	0500	1800	Quản trị kinh doanh
1479	28	34	DCN . D1 8107	Hoàng Thị Cẩm Nhung	261195	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340101	0750	0250	0450	1450	Quản trị kinh doanh
1480	25	09	KHA . D1 4037	Nguyễn Đan Ngọc	150895	1	Nam Định		2	25	01	D340101	0200	0500	0700	1400	Quản trị kinh doanh
1481	1B	62	DDL . A 6022	Văn Xuân Thắng	111195	0	Hà nội		2NT	1B	27	D340101	0575	0450	0650	1700	Quản trị kinh doanh
1482	25	75	TMA . D1 24588	Vương Thế Tuyền	021195	0	Nam Định		2NT	25	10	D340101	0725	0550	0350	1650	Quản trị kinh doanh
1483	25	04	TGC . D1 5358	Nguyễn Cao Đạt	100495	0	Nam Định		2	25	01	D340101	0450	0475	0800	1750	Quản trị kinh doanh
1484	25	75	TMA . A 5924	Nguyễn Thị Kim Liên	020995	1	Nam Định		2NT	25	10	D340101	0475	0450	0550	1500	Quản trị kinh doanh
1485	24	52	KHA . A 3680	Trương Thị Khánh Huyền	170795	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340101	0600	0650	0750	2000	Quản trị kinh doanh
1486	19	14	TGC . D1 8735	Đỗ Thị Yến	300895	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340101	0600	0650	0750	2000	Quản trị kinh doanh
1487	29	68	TDV . A 5481	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	251195	1	Nghệ An		1	29	14	D340101	0300	0550	0450	1300	Quản trị kinh doanh
1488	29	87	LPH . A 5704	Hồ Thị Thuý Hằng	220195	1	Nghệ An	06	2NT	29	17	D340101	0675	0550	0625	1850	Quản trị kinh doanh
1489	1A	48	LDA . D1 18753	Trần Thái Anh Chi	280695	1	Hà nội		3	1A	09	D340101	0400	0250	0750	1400	Quản trị kinh doanh
1490	29	54	TMA . A 16310	Nguyễn Thị Hiền	100295	1	Nghệ An		2NT	29	11	D340101	0350	0475	0650	1500	Quản trị kinh doanh
1491	1B	44	SPH . D1 12491	Đỗ Ngọc Bích	271195	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340101	0600	0425	0600	1650	Quản trị kinh doanh
1492	18	13	LDA . D1 24694	Nguyễn Thị Thuý	131095	1	Bắc Giang		2	18	01	D340101	0575	0275	0700	1550	Quản trị kinh doanh
1493	18	11	LDA . D1 24160	Nguyễn Duy Thái	010695	0	Bắc Giang		2	18	05	D340101	0550	0500	0500	1550	Quản trị kinh doanh
1494	21	25	GHA . A 7744	Nguyễn Danh Quyết	050295	0	Hải Dương		2NT	21	11	D340101	0375	0500	0475	1350	Quản trị kinh doanh
1495	26		ANH . D1 8553	Nguyễn Ngọc Tuấn	011095	0	Thái Bình		2NT	26	03	D340101	0350	0450	0650	1450	Quản trị kinh doanh
1496	28	59	TGC . D1 5973	Trịnh Thị Minh Huế	151195	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340101	0450	0400	0750	1600	Quản trị kinh doanh
1497	11	09	QHT . A 5056	La Thị Thuý Linh	041295	1	Bắc Cạn	01	1	11	01	D340101	0200	0550	0575	1350	Quản trị kinh doanh
1498	17	31	LDA . D1 26346	Đỗ Thị Thuý Hà	141195	1	Quảng Ninh		2	17	04	D340101	0450	0275	0700	1450	Quản trị kinh doanh
1499	22	53	LDA . A 404	Nguyễn Thị Thái Bảo	261095	1	Hưng Yên		2NT	22	09	D340101	0575	0400	0500	1500	Quản trị kinh doanh
1500	27	14	TMA . D1 22974	Vũ Thị Bích Ngọc	030595	1	Ninh Bình		2	27	01	D340101	0425	0300	0600	1350	Quản trị kinh doanh
1501	26	10	DCN . A 12107	Lương Thị ến	180195	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340101	0425	0425	0450	1300	Quản trị kinh doanh
1502	21	17	KHA . A 3119	Lê Thị Hoa	241095	1	Hải Dương		2	21	01	D340101	0625	0650	0775	2050	Quản trị kinh doanh
1503	26	10	HHH . D1 288	Lương Thị ến	180195	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340101	0625	0300	0500	1450	Quản trị kinh doanh
1504	1B	58	TMA . A 1627	Nguyễn Thị Dung	261095	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340101	0325	0450	0550	1350	Quản trị kinh doanh
1505	29	04	TMA . A 16947	Luyện Thị Thu Trang	020995	1	Nghệ An		2	29	11	D340101	0550	0350	0750	1650	Quản trị kinh doanh

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1506	1A	51	KHA . A 1610	Lê Ngọc Dũng	140494	0	Hà nội		3	1A	09	D340101	0300	0575	0550	1450	Quản trị kinh doanh
1507	28	23	KTA . A 5727	Trần Quốc Tuấn	140894	0	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340101	0400	0450	0475	1350	Quản trị kinh doanh
1508	26	40	DTS . A 4871	Trần Thị Hoa	011295	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340101	0625	0350	0450	1450	Quản trị kinh doanh
1509	28	40	TMA . A 10702	Đinh Thị Thuỳ	270695	1	Thanh Hoá		1	28	10	D340101	0550	0500	0400	1450	Quản trị kinh doanh
1510	28	74	VHH . D1 3050	Trần Thị Thùy Dương	100595	1	Thanh Hoá		2NT	28	22	D340101	0500	0275	0600	1400	Quản trị kinh doanh
1511	1B	03	NHF . D1 7314	Nguyễn Hồng Sơn	281295	0	Hà nội		3	1B		D340101	0700	0250	0650	1600	Quản trị kinh doanh
1512	31	02	DCN . D1 2168	Lê Thị Thùy Dung	161095	1	Quảng Bình		2	31	01	D340101	0550	0575	0400	1550	Quản trị kinh doanh
1513	28	95	TMA . A 3093	Trịnh Thị Hạnh	230895	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340101	0450	0650	0675	1800	Quản trị kinh doanh
1514	26	02	NHF . D1 3516	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	100895	1	Thái Bình		2	26		D340101	0450	0700	0400	1550	Quản trị kinh doanh
1515	1A	34	NTH . D1 7510	Trần Ngọc Linh Quyên	270995	1	Hà nội		3	1A	04	D340101	0525	0650	0725	1900	Quản trị kinh doanh
1516	24	51	LDA . C 15871	Nguyễn Thị Hương	010995	1	Hà Nam		2NT	24	05	D760101	0550	0250	0650	1450	Công tác Xã hội
1517	18	20	LPH . C 8681	Nguyễn Thị Liên	161294	1	Bắc Giang		1	18	05	D760101	0550	0675	0550	1800	Công tác Xã hội
1518	09	10	VHH . C 1146	Trần Phương Linh	191195	1	Tuyên Quang		1	09	01	D760101	0650	0550	0400	1600	Công tác Xã hội
1519	28	64	QHL . C 1759	Nguyễn Thị Hương	300395	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D760101	0725	0400	0700	1850	Công tác Xã hội
1520	62	02	LPH . C 10148	Hoàng Thạch Thảo	061295	1	Điện Biên		1	62	01	D760101	0650	0400	0600	1650	Công tác Xã hội
1521	17	10	DNV . C 5075	Nguyễn Hoàng Quyên	090695	1	Quảng Ninh		2	17	01	D760101	0625	0325	0675	1650	Công tác Xã hội
1522	28	90	QHX . C 4551	Trần Thị Yến	161195	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	26	D760101	0625	0200	0700	1550	Công tác Xã hội
1523	29	49	TGC . C 4362	Trần Thị Diệu	240195	1	Nghệ An		2NT	29	11	D760101	0600	0250	0750	1600	Công tác Xã hội
1524	28	50	TGC . C 92	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	080595	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D760101	0600	0300	0750	1650	Công tác Xã hội
1525	27	01	VHH . C 963	Hoàng Thị Lan Hương	180294	1	Ninh Bình		2	27	01	D760101	0550	0450	0650	1650	Công tác Xã hội
1526	23	07	LCH . C 286	Lê Quốc Dũng	300695	0	Hoà Bình		1	23	07	D760101	0800	0650	0400	1850	Công tác Xã hội
1527	26	07	VHH . C 1164	Phạm Thị Diệu Linh	151195	1	Thái Bình		2	26	01	D760101	0575	0525	0550	1650	Công tác Xã hội
1528	14	21	LPH . C 8204	Lê Trung Hiếu	020295	0	Sơn La		1	14	01	D760101	0525	0700	0525	1750	Công tác Xã hội
1529	30	11	HCH . C 3830	Nguyễn Bá Quân	300795	0	Hà Tĩnh		2	30	08	D760101	0675	0225	0550	1450	Công tác Xã hội
1530	26	32	TGC . D1 6869	Lê Thị Miên	070695	1	Thái Bình		2NT	26	05	D760101	0525	0375	0600	1500	Công tác Xã hội
1531	24	51	LDA . C 15626	Nguyễn Thị Hoa	050895	1	Hà Nam		2NT	24	05	D760101	0450	0525	0550	1550	Công tác Xã hội
1532	21	24	SPH . C 9262	Đoàn Thị Hiền	241095	1	Hải Dương		2NT	21	10	D760101	0750	0450	0700	1900	Công tác Xã hội
1533	29	04	LDA . C 17859	Tống Thị Yến Trang	100495	1	Nghệ An		2	29	01	D760101	0700	0425	0500	1650	Công tác Xã hội
1534	25	04	BPH . C 566	Hoàng Huỳnh Đức	160895	0	Nam Định		2NT	25	04	D760101	0650	0675	0425	1750	Công tác Xã hội

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1535	17	00	CSH . C 12454	Nguyễn Đức Hải	150495	0	Quảng Ninh		1	17	10	D760101	0650	0700	0200	1550	Công tác Xã hội
1536	27	43	ZNH . C 225	Phạm Thị Huyền Trang	180895	1	Ninh Bình		1	27	04	D760101	0400	0400	0600	1400	Công tác Xã hội
1537	29	50	QXSX . D1 6167	Trần Thị Lý	250195	1	Nghệ An		1	29	11	D760101	0475	0425	0700	1600	Công tác Xã hội
1538	62	01	LDA . C 15534	Nguyễn Thị Thu Hằng	290995	1	Điện Biên		1	62	01	D760101	0600	0100	0800	1500	Công tác Xã hội
1539	29	52	HCS . C 3257	Nguyễn Thị Loan	080395	1	Nghệ An		1	29	11	D760101	0525	0475	0550	1550	Công tác Xã hội
1540	28	00	CSH . C 19380	Hoàng Thị Vân	101295	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D760101	0650	0725	0400	1800	Công tác Xã hội
1541	26	18	QHL . C 3281	Nguyễn Thị Tâm	230395	1	Thái Bình		2NT	26	03	D760101	0625	0300	0750	1700	Công tác Xã hội
1542	23	10	BPH . C 1967	Bùi Đức Toàn	080595	0	Hoà Bình	01	1	23	10	D760101	0650	0400	0150	1200	Công tác Xã hội
1543	10	44	LPH . C 7605	Dương Thị Minh	050794	1	Lạng Sơn	01	1	10	11	D760101	0575	0325	0750	1650	Công tác Xã hội
1544	28	23	LCH . C 760	Phùng Văn Khánh	010295	0	Thanh Hoá		2NT	28	23	D760101	0500	0500	0600	1600	Công tác Xã hội
1545	27	11	QHL . C 2221	Lê Vũ Lợi	210795	0	Ninh Bình		2	27	01	D760101	0575	0375	0625	1600	Công tác Xã hội
1546	25	75	TGC . D1 7983	Nguyễn Văn Thuận	260295	0	Nam Định		2NT	25	10	D760101	0550	0250	0600	1400	Công tác Xã hội
1547	1B	12	VHH . C 15	Nguyễn Mai Anh	120295	1	Hà nội		1	1B	17	D760101	0650	0375	0425	1450	Công tác Xã hội
1548	25	00	CSH . C 13977	Hoàng Mai Hương	020895	1	Nam Định		2NT	25	01	D760101	0725	0825	0500	2050	Công tác Xã hội
1549	22	31	LPH . C 8907	Đàm Thị Huyền	241094	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D760101	0600	0500	0700	1800	Công tác Xã hội
1550	22	27	HCH . C 2727	Vũ Hồng Linh	250395	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D760101	0750	0550	0550	1850	Công tác Xã hội
1551	26	24	HCH . C 2657	Nguyễn Thị Lành	150995	1	Thái Bình		2NT	26	04	D760101	0625	0150	0600	1400	Công tác Xã hội
1552	24	52	QHL . C 3599	Bùi Thị Mai Thu	171095	1	Hà Nam		2NT	24	05	D760101	0675	0500	0700	1900	Công tác Xã hội
1553	27	00	CSH . C 13714	Mai Văn Hùng	101294	0	Ninh Bình		2NT	27	06	D760101	0650	0750	0350	1750	Công tác Xã hội
1554	28	00	CSH . C 12957	Hoàng Thị Hiền	071195	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D760101	0650	0625	0425	1700	Công tác Xã hội
1555	25	34	TGC . D1 5872	Nguyễn Thị Hoa	060395	1	Nam Định		2NT	25	05	D340202	0525	0375	0700	1600	Bảo hiểm
1556	13	05	HCP . A 906	Đỗ Thị Thương	250895	1	Yên Bái		1	13	09	D340202	0475	0475	0550	1500	Bảo hiểm
1557	16	11	LDA . C 17541	Hà Thị Hải Yến	260595	1	Vĩnh Phúc		2	16	09	D760101	0600	0150	0700	1450	Công tác Xã hội
1558	17	15	DMT . A 9835	Trần Thị Thu Trang	160995	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0600	0450	0550	1600	Kế toán
1559	21	03	MDA . A 8072	Nguyễn Đức Trung	220595	0	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0425	0450	0475	1350	Kế toán
1560	28	55	TMA . A 11247	Nguyễn Thị Tính	240195	1	Thanh Hoá		2NT	28	17	D340301	0600	0625	0525	1750	Kế toán
1561	16	11	LPH . A 2903	Hoàng Thị Phúc	200895	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340301	0650	0550	0600	1800	Kế toán
1562	09	09	LPH . D1 11669	Trần Thành Tuyên	251095	0	Tuyên Quang		1	09	01	D340301	0450	0475	0700	1650	Kế toán
1563	27	12	DCN . A 40431	Trịnh Thị Thuỳ Trang	040495	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0425	0650	0500	1600	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1564	13	23	DDL . A 7159	Hà Anh Tuấn	180595	0	Yên Bái	01	1	13	06	D340301	0350	0350	0400	1100	Kế toán
1565	30	10	HCH . D1 5300	Trương Thị Hà	280495	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0700	0575	0250	1550	Kế toán
1566	27	41	NHH . A 577	Nguyễn Thị Cúc	211195	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0550	0575	0550	1700	Kế toán
1567	1B	04	NHH . A 124	Nguyễn Thị Kim Anh	171195	1	Hà nội		3	1B	15	D340301	0500	0475	0825	1800	Kế toán
1568	27	61	YPB . A 1758	Đỗ Thu Trang	060295	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0725	0700	0575	2000	Kế toán
1569	25	49	QHF . D1 6984	Phạm Thị Vui	040794	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0675	0750	0450	1900	Kế toán
1570	27	81	TMA . A 11530	Mai Thị Trang	060795	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0700	0475	0575	1750	Kế toán
1571	29	03	TMA . A 16934	Hoàng Thị Quỳnh Trang	060395	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0675	0675	0450	1800	Kế toán
1572	05	13	DNV . D1 6265	Phạm Hồng Hạnh	291295	1	Hà Giang	01	1	05	01	D340301	0425	0200	0450	1100	Kế toán
1573	25	60	TMA . A 9639	Lương Thị Thanh	020195	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0500	0500	0625	1650	Kế toán
1574	30	37	TMA . A 16444	Trần Thị Phương Lan	200894	1	Hà Tĩnh		2NT	30	05	D340301	0450	0525	0475	1450	Kế toán
1575	09	10	BVH . A 1829	Trần Ngọc Hưng	280295	0	Tuyên Quang		1	09	01	D340301	0575	0550	0450	1600	Kế toán
1576	24	41	KHA . A 7924	Trần Thị Thu	230495	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0450	0600	0625	1700	Kế toán
1577	24	22	QHX . D1 1759	Trần Thị Thuý Hằng	170895	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0800	0650	0400	1850	Kế toán
1578	19	13	DCN . D1 6183	Lê Hoài Linh	090795	1	Bắc Ninh		2	19	01	D340301	0700	0375	0450	1550	Kế toán
1579	24	51	TMA . A 1213	Lại Thị Tuyết Chinh	140895	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0475	0550	0550	1600	Kế toán
1580	14	21	QHL . D1 6164	Dương Minh Trang	150295	1	Sơn La		1	14	01	D340301	0725	0625	0400	1750	Kế toán
1581	27	71	BKA . D1 500	Phạm Thị Như Huế	240995	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0650	0450	0650	1750	Kế toán
1582	1B	08	BKA . A 6570	Nguyễn Thị Thùy Linh	201295	1	Hà nội		2	1B	18	D340301	0450	0600	0725	1800	Kế toán
1583	26	41	TMA . A 9233	Nguyễn Diệu Quỳnh	140195	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0500	0425	0425	1350	Kế toán
1584	27	82	SPH . D1 12383	Tạ Thị Xuyên	161195	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0700	0375	0450	1550	Kế toán
1585	27	02	LAH . A 1052	Lê Thành Đạt	091194	0	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0600	0350	0375	1350	Kế toán
1586	14	07	KHA . D1 5031	Mai Phương Thảo	030794	1	Sơn La		1	14	07	D340301	0650	0425	0550	1650	Kế toán
1587	24	22	TMA . A 11677	Nguyễn Thị Quỳnh Tran	141295	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0575	0600	0575	1750	Kế toán
1588	24	55	SPH . A 3028	Lương Thị Thuý	100895	1	Hà Nam		1	24	05	D340301	0575	0550	0750	1900	Kế toán
1589	25	55	DCN . D1 7886	Đào Thanh Nhã	201195	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0650	0325	0450	1450	Kế toán
1590	14	11	TMA . A 12531	Phạm Thị Phương Uyên	270695	1	Sơn La		1	14	10	D340301	0575	0550	0425	1550	Kế toán
1591	24	02	BKA . A 4404	Trần Thị Hoài	020294	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0550	0575	0525	1650	Kế toán
1592	13	15	NHF . D1 8022	Nguyễn Hoài Thu	210895	1	Yên Bái		1	13	04	D340301	0650	0400	0600	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1593	24	52	NHF . D1 34	Đinh Thị Dương An	270495	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0750	0350	0400	1500	Kế toán
1594	13	03	LPH . A 2518	Vũ Thị Nguyên	100295	1	Yên Bái	06	1	13	01	D340301	0475	0300	0550	1350	Kế toán
1595	18	11	DDL . A 2247	Nguyễn Thị Thu Hằng	301295	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0550	0650	0500	1700	Kế toán
1596	09	10	HCH . D1 4377	Vũ Thị Hương	011095	1	Tuyên Quang		1	09	01	D340301	0600	0675	0325	1600	Kế toán
1597	13	22	VHH . D1 3817	Hà Thị Kiều Loan	060995	1	Yên Bái	01	1	13	06	D340301	0150	0325	0600	1100	Kế toán
1598	27	11	NHF . D1 3185	Chu Thị Hồng	251195	1	Ninh Bình		2	27	05	D340301	0700	0650	0650	2000	Kế toán
1599	25	50	DDL . D1 12144	Lê Thị Phương	081095	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0550	0625	0350	1550	Kế toán
1600	14	18	LPH . A 2664	Nguyễn Thị Vân Anh	261095	1	Sơn La		1	14	08	D340301	0400	0575	0350	1350	Kế toán
1601	13	22	MDA . A 424	Nguyễn Thị ánh	211295	1	Yên Bái		1	13	06	D340301	0150	0525	0575	1250	Kế toán
1602	27	42	LDA . A 4276	Đinh Thị Phương Thảo	060295	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0550	0550	0500	1600	Kế toán
1603	30	10	DDL . A 8735	Lê Thị Cẩm Nhung	221095	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0400	0450	0550	1400	Kế toán
1604	17	07	THP . D1 7355	Dương Thanh Huyền	071095	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0650	0550	0500	1700	Kế toán
1605	03	44	TMA . A 14488	Nguyễn Thị Khánh Ly	261095	1	Hải Phòng		3	03	15	D340301	0600	0575	0450	1650	Kế toán
1606	17	29	NHH . A 5152	Dương Hồng Hà	260494	1	Quảng Ninh		2	17	03	D340301	0525	0325	0625	1500	Kế toán
1607	30	09	QHT . A 16464	Trần Thị Khánh Linh	161294	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0500	0575	0575	1650	Kế toán
1608	14	22	QHT . A 2656	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	190895	1	Sơn La		1	14	10	D340301	0525	0475	0600	1600	Kế toán
1609	26	03	DCN . D1 3837	Nguyễn Thu Hiền	301095	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0550	0350	0450	1350	Kế toán
1610	12	14	DCN . D1 11085	Lê Thị Thu Trang	071195	1	Thái Nguyên		2	12	01	D340301	0675	0350	0650	1700	Kế toán
1611	26	40	MDA . A 7902	Vũ Thị Huyền Trang	280395	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0650	0300	0350	1300	Kế toán
1612	17	80	QHF . D1 8751	Nguyễn Mai Phương	220695	1	Quảng Ninh		1	17	13	D340301	0550	0550	0650	1750	Kế toán
1613	26	46	NHF . D1 8082	Phạm Thị Hoài Thu	260195	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0750	0625	0275	1650	Kế toán
1614	26	39	GHA . A 4821	Nguyễn Thị Hương	301195	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0500	0450	0550	1500	Kế toán
1615	16	51	DMT . A 3155	Phạm Quang Huy	221095	0	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340301	0500	0575	0350	1450	Kế toán
1616	1B	42	DDL . D1 12448	Lê Thị Thùy Trang	291295	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0600	0500	0300	1400	Kế toán
1617	24	13	LDA . D1 18685	Lại Thị Cẩm	231195	1	Hà Nam		2	24	05	D340301	0425	0375	0650	1450	Kế toán
1618	99	99	KHA . A 1672	Bùi ánh Dương	250794	0	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0275	0575	0475	1350	Kế toán
1619	29	02	NHH . A 5690	Trần Thị Thảo Ngọc	260196	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0650	0475	0650	1800	Kế toán
1620	27	72	QHT . A 10274	Vũ Thị Vân	020495	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0550	0600	0650	1800	Kế toán
1621	17	15	TMA . A 14442	Hà Thị Thuỳ Linh	220895	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0425	0550	0375	1350	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1622	17	15	YPB . A 998	Chu Thị Mến	101295	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0600	0450	0575	1650	Kế toán
1623	15	15	BKA . D1 780	Phạm Cẩm Ly	050995	1	Phú Thọ		1	15	03	D340301	0700	0450	0700	1850	Kế toán
1624	04	21	DDS . A 40378	Vũ Thị Lê Dương	200295	1	Đà Nẵng		2NT	04	07	D340301	0500	0625	0750	1900	Kế toán
1625	27	51	DCN . D1 1964	Vũ Thị Bích Diệp	011195	1	Ninh Bình		2NT	27	01	D340301	0450	0425	0600	1500	Kế toán
1626	25	80	DCN . D1 11847	Phạm Thị Tươi	251295	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0550	0575	0450	1600	Kế toán
1627	26	32	KHA . A 3351	Nguyễn Huy Hoàng	151295	0	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0675	0550	0375	1600	Kế toán
1628	17	15	NHH . A 5355	Trần Thu Thảo	111095	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0550	0750	0400	1700	Kế toán
1629	28	94	TMA . A 8798	Thiều Thị Thu Phương	060495	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0600	0375	0550	1550	Kế toán
1630	27	03	TMA . A 7346	Bùi Thị Nga	210394	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0700	0475	0550	1750	Kế toán
1631	27	00	ANH . D1 8497	Trần Thị Huyền Trang	220795	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0400	0650	0850	1900	Kế toán
1632	19	26	BKA . A 8802	Nguyễn Thị Phụng	020395	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0425	0550	0550	1550	Kế toán
1633	26	39	QHX . D1 3673	Nguyễn Thị Lý	040695	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0575	0700	0375	1650	Kế toán
1634	28	18	NHF . D1 9730	Hà Thị Xoan	170194	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0750	0600	0400	1750	Kế toán
1635	1A	77	MDA . A 2931	Nguyễn Thị Thanh Hoa	251095	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0600	0525	0325	1450	Kế toán
1636	29	01	NHH . A 5486	Phan Hữu Dũng	150890	0	Nghệ An		2	29	01	D340301	0400	0450	0550	1400	Kế toán
1637	28	57	LPH . A 5118	Nguyễn Bích Phương	260595	1	Thanh Hoá		2NT	28	17	D340301	0700	0650	0575	1950	Kế toán
1638	26	20	TMA . A 4585	Cao Thị Huyền	181195	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0525	0600	0650	1800	Kế toán
1639	27	71	QHT . A 4399	Phạm Thị Hương	051295	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0350	0625	0525	1500	Kế toán
1640	26	40	DDL . D1 12368	Vũ Thị Phương Thuý	240195	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0525	0650	0300	1500	Kế toán
1641	27	32	SPH . A 3545	Hà Thu Hiền	201295	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0550	0400	0475	1450	Kế toán
1642	27	51	GHA . A 9292	Trịnh Mai Thương	230895	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0500	0525	0450	1500	Kế toán
1643	21	46	BKA . D1 1425	Đỗ Thị Xoan	171195	1	Hải Dương		2NT	21	03	D340301	0425	0625	0550	1600	Kế toán
1644	29	04	DDL . A 8486	Nguyễn Thị Thanh Hà	240695	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0425	0375	0625	1450	Kế toán
1645	21	16	HCP . A 924	Phạm Thị Toan	070995	1	Hải Dương		2	21	10	D340301	0600	0500	0450	1550	Kế toán
1646	29	02	KHA . D1 7191	Đỗ Thị Thanh Nhân	080695	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0475	0550	0750	1800	Kế toán
1647	19	16	SP2 . D1 1975	Nguyễn Thị Phương Thảo	110495	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0650	0525	0500	1700	Kế toán
1648	08	12	NHF . D1 1207	Lương Quỳnh Chi	180495	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0800	0650	0475	1950	Kế toán
1649	1A	77	NHF . D1 6454	Nguyễn Thị Ninh	120195	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0650	0475	0350	1500	Kế toán
1650	26	03	LDA . D1 19715	Phạm Việt Hà	050495	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0575	0375	0600	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1651	29	62	QHS . D1 8151	Cao Thị Quế	010695	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340301	0625	0700	0325	1650	Kế toán
1652	03	14	LDA . D1 26518	Đặng Thị Thu Ngân	030295	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0600	0425	0750	1800	Kế toán
1653	1B	58	HCP . A 547	Lê Thị Lý	260895	1	Hà nội		2NT	1B	26	D340301	0575	0375	0600	1550	Kế toán
1654	28	00	ANH . D1 8448	Lê Thị Huyền Thương	250995	1	Thanh Hoá		2	28	20	D340301	0650	0600	0750	2000	Kế toán
1655	28	50	BJA . D1 505	Nguyễn Thị Huệ	101095	1	Thanh Hoá		2NT	28	15	D340301	0575	0525	0600	1700	Kế toán
1656	25	30	QHE . A 6532	Phạm Thị Nguyên	221295	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0450	0400	0525	1400	Kế toán
1657	25	62	TMA . A 3707	Phạm Thị Thu Hiền	300395	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0475	0650	0650	1800	Kế toán
1658	27	11	KHA . D1 5458	Bùi Thị Thúy	270195	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0475	0550	0550	1600	Kế toán
1659	24	45	SPH . D1 13413	Trần Thị Trang	110995	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0550	0350	0650	1550	Kế toán
1660	22	17	TMA . A 6748	Bùi Thị Lý	080695	1	Hưng Yên		2NT	22	02	D340301	0525	0550	0650	1750	Kế toán
1661	13	12	DKH . A 1721	Trần Diệu Linh	120895	1	Yên Bái		1	13	03	D340301	0550	0475	0400	1450	Kế toán
1662	25	35	DCN . D1 6956	Đặng Thị Mâu	231195	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0625	0300	0550	1500	Kế toán
1663	24	45	DCN . A 30590	Đoàn Thị Thanh Phương	211095	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0550	0400	0375	1350	Kế toán
1664	25	62	SPH . D1 12710	Phạm Thị Thu Hiền	300395	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0650	0375	0450	1500	Kế toán
1665	24	22	BJA . A 8282	Nguyễn Thị Nhị	161195	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0625	0325	0750	1700	Kế toán
1666	25	61	BJA . D1 1232	Tạ Thị Thư	250695	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0650	0425	0400	1500	Kế toán
1667	24	45	QHE . A 5250	Phạm Thị Linh	100895	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0575	0625	0500	1700	Kế toán
1668	24	24	QHX . A 5936	Nguyễn Thị Mùi	250995	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0450	0450	0625	1550	Kế toán
1669	24	41	SP2 . D1 86	Phạm Thị Lan Anh	201295	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0650	0450	0300	1400	Kế toán
1670	03	36	DDL . D1 12621	Nguyễn Thị Thúy Hoa	311295	1	Hải Phòng		2	03	03	D340301	0550	0525	0450	1550	Kế toán
1671	16	11	TMA . A 10124	Vũ Phương Thảo	160995	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340301	0500	0650	0625	1800	Kế toán
1672	16	11	DMT . A 2950	Nguyễn Diệu Hồng	240795	1	Vĩnh Phúc		2	16	06	D340301	0475	0650	0650	1800	Kế toán
1673	16	11	HCP . A 345	Đỗ Thị Huệ	100895	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340301	0575	0525	0375	1500	Kế toán
1674	27	82	LDA . A 1124	Phạm Ngọc Hà	220995	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0500	0575	0425	1500	Kế toán
1675	27	02	MDA . A 2301	Phạm Thị Hà	080394	1	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0300	0575	0375	1250	Kế toán
1676	27	21	SPH . D1 14956	Phạm Thị Kiều Anh	140295	1	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0650	0350	0500	1500	Kế toán
1677	27	42	TLA . A 6714	Vũ Thị Thủy	260194	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0375	0425	0550	1350	Kế toán
1678	27	81	TMA . A 10391	Đỗ Thị Thoả	281095	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0550	0575	0575	1700	Kế toán
1679	18	02	NHH . D1 661	Phan Thị Vui	261095	1	Bắc Giang	01	1	18	02	D340301	0350	0350	0600	1300	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1680	06	01	KHA . D1 4481	Lê Thị Băng Phương	010392	1	Cao Bằng		1	06	01	D340301	0525	0375	0550	1450	Kế toán
1681	07	01	LPH . A 1741	Phạm Thị Lan Phương	220595	1	Lai Châu		1	07	01	D340301	0525	0300	0825	1650	Kế toán
1682	15	29	TMA . A 11585	Nguyễn Quỳnh Trang	260995	1	Phú Thọ		2NT	15	06	D340301	0400	0550	0600	1550	Kế toán
1683	16	82	NNH . A 13423	Nguyễn Thu Trang	171195	1	Vĩnh Phúc		2	16	08	D340301	0575	0375	0450	1400	Kế toán
1684	08	13	DDL . A 874	Nguyễn Cao Cường	160494	0	Lào Cai		1	08	01	D340301	0375	0550	0525	1450	Kế toán
1685	21	17	DCN . A 35432	Vũ Thị Phương Thảo	090595	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0450	0525	0400	1400	Kế toán
1686	19	48	TMA . A 1453	Lưu Thị Kiều Diễm	120295	1	Bắc Ninh		2NT	19	04	D340301	0675	0550	0550	1800	Kế toán
1687	32	00	DDQ . A 20598	Trần Thị Mỹ Duyên	240694	1	Quảng Trị		2	32	05	D340301	0525	0675	0575	1800	Kế toán
1688	21	18	DDL . A 2220	Đỗ Thị Hậu	120295	1	Hải Dương		1	21	02	D340301	0575	0350	0525	1450	Kế toán
1689	26	34	LDA . A 3623	Nguyễn Thị Thanh Phụng	260494	1	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0475	0450	0450	1400	Kế toán
1690	25	75	QHL . D1 6443	Phạm Thị Huyền Trang	040695	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0675	0750	0425	1850	Kế toán
1691	26	00	BKA . A 8288	Bùi Thị Nhung	070994	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0675	0600	0500	1800	Kế toán
1692	27	62	SPH . D1 12578	Đào Thị Châu Giang	020995	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0500	0275	0700	1500	Kế toán
1693	08	12	NNH . A 15058	Bùi Thị Vui	161195	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0450	0425	0450	1350	Kế toán
1694	27	51	LPH . D1 12693	Phạm Thị Hồng Thẩm	021095	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0675	0250	0700	1650	Kế toán
1695	12	11	KHA . A 5960	Dương Lễ Nghĩa	251095	0	Thái Nguyên		2	12	01	D340301	0600	0650	0800	2050	Kế toán
1696	25	62	DCN . A 37446	Mai Thị Thu	030195	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0500	0500	0400	1400	Kế toán
1697	22	79	NHF . D1 9133	Nguyễn Việt Trinh	081295	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0750	0300	0600	1650	Kế toán
1698	32	25	TMA . A 3590	Đinh Thị Thu Hiền	010195	1	Quảng Trị		2	32	05	D340301	0525	0650	0625	1800	Kế toán
1699	22	27	DCN . D1 10288	Đặng Thị Thuý	060295	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0450	0375	0550	1400	Kế toán
1700	25	34	DCN . D1 1661	Nguyễn Thị Chang	281095	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0700	0300	0475	1500	Kế toán
1701	25	71	DMT . A 7623	Vũ Thị Thúy	070395	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0400	0450	0650	1500	Kế toán
1702	27	32	DCN . A 35538	Phạm Thu Thảo	270395	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0500	0450	0450	1400	Kế toán
1703	17	14	KHA . D1 6753	Nguyễn Thu Hương	130395	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0825	0650	0550	2050	Kế toán
1704	99	99	TGC . D1 5930	Nguyễn Thị Hồng	280695	1	Hà nội		2NT	1B	23	D340301	0450	0575	0700	1750	Kế toán
1705	27	12	GHA . A 6824	Trần Thị Ngọc	230895	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0475	0575	0600	1650	Kế toán
1706	27	71	NHF . D1 2971	Phạm Thị Hoa	050195	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0800	0600	0425	1850	Kế toán
1707	15	44	NNH . A 9719	Khổng Thị Oanh	020695	1	Phú Thọ		2NT	15	10	D340301	0425	0350	0625	1400	Kế toán
1708	17	10	DCN . A 37	Hoàng Tuấn Anh	111195	0	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0450	0550	0450	1450	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1709	25	67	DDL . A 6775	Đặng Thị Quỳnh Trang	200395	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0550	0475	0500	1550	Kế toán
1710	27	51	LDA . A 943	Nguyễn Tử Đức	141295	0	Ninh Bình		2NT	27	01	D340301	0425	0625	0450	1500	Kế toán
1711	25	67	DDL . D1 11319	Ngô Thị Ngọc ánh	060695	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0525	0550	0350	1450	Kế toán
1712	17	06	DHP . D1 128	Phạm Thu Hoài	131095	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0500	0500	0700	1700	Kế toán
1713	17	06	NHH . A 5367	Trần Thị Hoài Thu	101295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0575	0650	0475	1700	Kế toán
1714	17	49	DMT . A 9382	Tô Thị Ngọc Hà	010895	1	Quảng Ninh	01	1	17	08	D340301	0400	0450	0575	1450	Kế toán
1715	27	61	NHF . D1 5341	Trần Thị Trà Mi	240495	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0600	0675	0500	1800	Kế toán
1716	28	86	TMA . A 2718	Nguyễn Thu Hà	140995	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340301	0675	0350	0500	1550	Kế toán
1717	28	92	MDA . A 2610	Nguyễn Thị Hằng	261195	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340301	0700	0450	0550	1700	Kế toán
1718	28	32	TMA . A 211	Bùi Thị Hồng Anh	270995	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0525	0425	0550	1500	Kế toán
1719	03	14	NHH . A 5424	Vũ Thị Thuý Vi	090195	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0500	0550	0625	1700	Kế toán
1720	17	04	SP2 . D1 572	Nguyễn Thị Minh Hằng	021095	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0600	0350	0625	1600	Kế toán
1721	28	31	LPH . A 5003	Khổng Thị ánh Ngọc	130995	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0700	0550	0600	1850	Kế toán
1722	10	01	LPH . A 2041	Hoàng Đăng Tùng	170895	0	Lạng Sơn	01	1	10	01	D340301	0400	0400	0300	1100	Kế toán
1723	17	80	QHF . D1 8874	Đàm Ngọc Trà	300695	1	Quảng Ninh		1	17	13	D340301	0225	0650	0350	1250	Kế toán
1724	28	29	KHA . A 6454	Phạm Đới Hoàng Oanh	060295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0600	0650	0725	2000	Kế toán
1725	30	14	DNV . D1 8585	Trần Thị Trang	150995	1	Hà Tĩnh		2NT	30	01	D340301	0450	0250	0675	1400	Kế toán
1726	27	71	HCH . A 1162	Nguyễn Thị Yến	070195	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0600	0525	0550	1700	Kế toán
1727	28	29	BKA . A 7163	Lê Thị Ngọc Mai	110795	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0350	0650	1600	Kế toán
1728	28	94	TMA . A 4192	Lưu Thị Hồng	290395	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0500	0500	0800	1800	Kế toán
1729	28	20	XDA . A 4421	Lê Thị Yến	150395	1	Thanh Hoá		2NT	28	20	D340301	0575	0325	0600	1500	Kế toán
1730	28	00	ANH . A 3039	Võ Thị Huyền Trang	201195	1	Thanh Hoá		2	28	22	D340301	0550	0625	0650	1850	Kế toán
1731	28	30	TMA . A 3032	Nguyễn Thị Hạnh	021295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0600	0500	0450	1550	Kế toán
1732	13	09	LPH . A 2533	Vũ Thị Như Quỳnh	011095	1	Yên Bái		1	13	02	D340301	0175	0350	0850	1400	Kế toán
1733	03	14	QHL . D1 8905	Trần Hải Yến	130495	1	Hải Phòng		3	03	03	D340301	0775	0700	0350	1850	Kế toán
1734	13	16	QHL . D1 3179	Lương Thuỳ Linh	290595	1	Yên Bái		1	13	04	D340301	0425	0700	0525	1650	Kế toán
1735	21	11	DMT . A 310	Đỗ Thị Vân Anh	220693	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340301	0325	0600	0350	1300	Kế toán
1736	03	31	TGC . D1 8875	Phạm Thị Hương Liên	280694	1	Hải Phòng		3	03	05	D340301	0500	0325	0700	1550	Kế toán
1737	27	07	VHH . D1 3307	Trần Thị Thu Hiền	240294	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0650	0275	0550	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1738	13	03	LDA . D1 20625	Ma Thanh Huệ	210195	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0375	0325	0600	1300	Kế toán
1739	30	62	TMA . D1 27204	Nguyễn Thị Hoài Thu	260294	1	Hà Tĩnh		2NT	30	12	D340301	0700	0250	0500	1450	Kế toán
1740	06	01	LDA . A 2560	Trần Thị Phương Linh	271094	1	Cao Bằng	01	1	06	01	D340301	0200	0575	0350	1150	Kế toán
1741	29	06	KHA . D1 7054	Nguyễn Việt Hoàng Đạt	121295	0	Nghệ An		2	29	01	D340301	0675	0450	0800	1950	Kế toán
1742	17	44	GHA . A 28077	Lương Tiến Đạt	110495	0	Quảng Ninh		2NT	17	07	D340301	0250	0625	0550	1450	Kế toán
1743	25	42	DCN . D1 8279	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	021294	1	Nam Định		2NT	25	06	D340301	0750	0275	0450	1500	Kế toán
1744	27	42	DTS . A 12406	Dương Thị Thảo	200395	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0425	0550	0450	1450	Kế toán
1745	26	46	DCN . D1 6326	Nguyễn Thuỳ Linh	110995	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0600	0350	0500	1450	Kế toán
1746	17	01	TMA . A 14634	Tạ Hồng Phương	181195	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0725	0550	0550	1850	Kế toán
1747	17	15	MDA . A 10051	Phạm Thị Quỳnh Trang	051095	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0375	0475	0600	1450	Kế toán
1748	1B	65	BKA . A 4860	Nguyễn Bích Huệ	071195	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0450	0425	0450	1350	Kế toán
1749	19	26	BKA . A 7842	Nguyễn Thị Nga	110395	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0525	0425	0650	1600	Kế toán
1750	30	26	NHH . A 5564	Phan Thị Thu Hoài	020895	1	Hà Tĩnh		1	30	03	D340301	0600	0550	0450	1600	Kế toán
1751	26	41	DCN . D1 1485	Nguyễn Thị ánh	240895	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0625	0350	0400	1400	Kế toán
1752	25	85	SPH . D1 14899	Ngô Thị Yến	070595	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0525	0475	0550	1550	Kế toán
1753	25	03	NHH . A 2601	Nguyễn Thị Thanh Loan	190495	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0450	0575	0750	1800	Kế toán
1754	24	55	QHT . A 2879	Nguyễn Thị Hậu	121095	1	Hà Nam		1	24	05	D340301	0600	0675	0675	1950	Kế toán
1755	17	75	NNH . A 15977	Nguyễn Thị Thanh Triều	100895	1	Quảng Ninh		2NT	17	12	D340301	0400	0275	0725	1400	Kế toán
1756	28	84	DMT . A 9097	Ngô Thị Xuyến	201095	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0625	0575	0450	1650	Kế toán
1757	17	15	MDA . A 10061	Nguyễn Quỳnh Trang	031295	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0400	0550	0500	1450	Kế toán
1758	99	99	TMA . A 7938	Trần Thị Nguyệt	150894	1	Hải Dương		2NT	21	10	D340301	0400	0525	0625	1550	Kế toán
1759	17	77	HHH . D1 1080	Tạ Tố Tâm	221295	1	Quảng Ninh		1	17	12	D340301	0375	0450	0450	1300	Kế toán
1760	28	85	TMA . A 12234	Lê Thị Tuyết	020295	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0600	0450	0550	1600	Kế toán
1761	24	52	KHA . A 938	Nguyễn Thị Chi	051095	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0400	0550	0575	1550	Kế toán
1762	28	85	MBS . D1 16764	Hoàng Nguyệt Trang	240795	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0600	0400	0500	1500	Kế toán
1763	99	99	LDA . A 4964	Đặng Thị Trang	250395	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0525	0575	0450	1550	Kế toán
1764	26	46	LPH . A 4638	Lương Thị An	120895	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0400	0425	0525	1350	Kế toán
1765	28	00	HCB . A 1069	Bùi Thị Thanh Minh	020495	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0550	0575	0625	1750	Kế toán
1766	28	30	DDL . D1 12467	Trần Thị Minh Trang	100395	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0500	0600	0375	1500	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1767	30	33	NNH . A 17103	Phan Thị Sen	250295	1	Hà Tĩnh		2NT	30	04	D340301	0400	0425	0500	1350	Kế toán
1768	24	23	DMT . A 609	Nguyễn Thị Biên	290695	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0450	0500	0450	1400	Kế toán
1769	21	32	TMA . A 4384	Nguyễn Thị Huệ	150195	1	Hải Dương		2NT	21	05	D340301	0650	0400	0625	1700	Kế toán
1770	17	01	YPB . A 506	Vũ Thị Thu Hiền	130595	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0675	0700	0525	1900	Kế toán
1771	26	02	BKA . D1 459	Vũ Hồng Hoa	090995	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0700	0275	0550	1550	Kế toán
1772	25	34	KHA . A 1319	Trần Thị Dung	180195	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0550	0600	0575	1750	Kế toán
1773	16	11	DMT . A 8898	Kim Thanh Vân	281195	1	Vĩnh Phúc		2	16	01	D340301	0400	0625	0425	1450	Kế toán
1774	27	05	QHL . A 7204	Vũ Thị Thanh Phương	010694	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0475	0500	0650	1650	Kế toán
1775	27	21	DCN . D1 5984	Quách Thị Liên	270695	1	Ninh Bình	01	1	27	02	D340301	0300	0450	0500	1250	Kế toán
1776	22	16	TGC . D1 5035	Phạm Thị Chang	260395	1	Hưng Yên		2NT	22	02	D340301	0600	0500	0650	1750	Kế toán
1777	27	21	LDA . D1 22764	Nguyễn Thị Hằng Nga	201295	1	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0450	0300	0700	1450	Kế toán
1778	99	99	BKA . A 11345	Ninh Ngọc Tĩnh	110494	0	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0500	0550	0350	1400	Kế toán
1779	27	62	BKA . D1 350	Nguyễn Thu Hải	010395	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0625	0475	0600	1700	Kế toán
1780	27	07	QHX . D1 3679	Triệu Thị Lý	010594	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0625	0400	0350	1400	Kế toán
1781	27	07	NHH . A 4122	Phạm Thị Hoài Thu	060694	1	Ninh Bình	06	2	27	07	D340301	0475	0550	0450	1500	Kế toán
1782	15	23	HCH . A 502	Nguyễn Mỹ Linh	171095	1	Phú Thọ		1	15	05	D340301	0575	0300	0550	1450	Kế toán
1783	27	82	DCN . D1 10517	Phạm Thị Thùy	100895	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0675	0375	0500	1550	Kế toán
1784	08	12	QHF . D1 4137	Khuông Hồng Ngân	270295	1	Lào Cai	01	1	08	01	D340301	0675	0500	0625	1800	Kế toán
1785	27	13	LDA . D1 25349	Đào Huyền Trang	310795	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0450	0375	0700	1550	Kế toán
1786	08	10	KHA . A 4751	Nguyễn Thùy Linh	070995	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0575	0400	0775	1750	Kế toán
1787	15	44	QHT . A 4479	Nguyễn Thị Hường	180395	1	Phú Thọ		2NT	15	10	D340301	0550	0575	0500	1650	Kế toán
1788	17	75	QHT . A 18592	Nguyễn Phương Thảo	260595	1	Quảng Ninh		2NT	17	12	D340301	0475	0450	0575	1500	Kế toán
1789	17	75	DDL . A 8126	Nguyễn Thị Thanh Nga	181095	1	Quảng Ninh		2NT	17	12	D340301	0575	0600	0450	1650	Kế toán
1790	99	99	QHX . D1 4718	Nguyễn Thị Oanh	190795	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340301	0425	0650	0425	1500	Kế toán
1791	29	54	NHH . A 5556	Cung Thị Hiền	130895	1	Nghệ An		2NT	29	11	D340301	0425	0475	0650	1550	Kế toán
1792	08	00	CSH . D1 20187	Nguyễn Hà Phương	070795	1	Lào Cai		1	08	04	D340301	0725	0375	0525	1650	Kế toán
1793	29	07	QHY . A 16108	Nguyễn Thị Huệ Dung	200295	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0625	0650	0650	1950	Kế toán
1794	08	10	DKH . A 2085	Cao Thị Kim Ngân	190595	1	Lào Cai		1	08	01	D340301	0775	0650	0875	2300	Kế toán
1795	29	57	NNH . A 17152	Nguyễn Thị Thanh	151295	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340301	0625	0400	0325	1350	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1796	29	56	NNH . A 16226	Nguyễn Thị Vân Đài	201195	1	Nghệ An	06	2NT	29	12	D340301	0400	0450	0400	1250	Kế toán
1797	27	21	LPH . A 4761	Đặng Thị Kim Thủy	130395	1	Ninh Bình		1	27	02	D340301	0725	0500	0800	2050	Kế toán
1798	27	41	SP2 . A 1856	Trần Thị Hường	280995	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0525	0675	0650	1850	Kế toán
1799	25	20	LPH . A 4196	Nguyễn Thị Hà My	030995	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0675	0750	0650	2100	Kế toán
1800	25	21	KHA . A 8680	Mai Thị Thùy Trang	050795	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0750	0700	0525	2000	Kế toán
1801	25	75	DDL . A 4166	Trần Thị Tuyết Mai	301195	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0575	0350	0625	1550	Kế toán
1802	25	21	LPH . A 4202	Nguyễn Thị Ngọc Hà	211195	1	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0600	0525	0450	1600	Kế toán
1803	18	26	NHF . D1 2860	Dương Thị Thuý Hiền	231095	1	Bắc Giang		2NT	18	06	D340301	0650	0650	0575	1900	Kế toán
1804	18	00	QHE . A 2832	Thân Thị Hằng	021093	1	Bắc Giang		2NT	18	09	D340301	0425	0550	0650	1650	Kế toán
1805	18	19	DDL . A 1024	Nguyễn Thị Dung	070395	1	Bắc Giang		1	18	05	D340301	0400	0525	0350	1300	Kế toán
1806	24	13	LDA . D1 20405	Phạm Thị Hoà	211295	1	Hà Nam		2	24	05	D340301	0400	0350	0700	1450	Kế toán
1807	19	00	HCB . A 1971	Nguyễn Hải Yến	151095	1	Bắc Ninh		2	19	01	D340301	0600	0575	0450	1650	Kế toán
1808	19	34	NNH . A 8324	Nguyễn Thị Minh	291095	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0450	0400	0475	1350	Kế toán
1809	03	23	DMT . A 9867	Vũ Thị Phương Trinh	181095	1	Hải Phòng		3	03	04	D340301	0500	0400	0525	1450	Kế toán
1810	25	30	DCN . A 17512	Đỗ Thị Hồng	060695	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0500	0325	0600	1450	Kế toán
1811	05	12	DNV . D1 6450	Đoàn Thúy Hòa	111095	1	Hà Giang		1	05	01	D340301	0700	0400	0475	1600	Kế toán
1812	30	10	HCH . D1 5317	Hồ Thị Mỹ Linh	181095	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0650	0625	0425	1700	Kế toán
1813	30	10	TMA . A 16229	Phạm Thị Diệu Hà	030495	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0575	0475	0575	1650	Kế toán
1814	23	41	TMA . D1 23609	Nguyễn Thị Minh Tâm	260994	1	Hoà Bình		1	23	10	D340301	0650	0450	0500	1600	Kế toán
1815	29	64	DDL . A 8950	Nguyễn Thị Cẩm Tú	270595	1	Nghệ An	06	1	29	13	D340301	0225	0475	0675	1400	Kế toán
1816	23	38	NNH . A 10736	Như Quỳnh	040895	1	Hoà Bình		1	23	09	D340301	0250	0450	0550	1250	Kế toán
1817	26	18	QHY . A 6452	Nguyễn Thị Ngọc	090895	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0750	0650	0450	1850	Kế toán
1818	21	25	LPH . A 3601	Nguyễn Thị Nguyệt	161095	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340301	0550	0475	0550	1600	Kế toán
1819	26	27	DCN . A 27373	Bùi Thị Nga	290995	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0450	0375	0450	1300	Kế toán
1820	30	10	LDA . D1 26719	Nguyễn Thị Kim Anh	230295	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0575	0375	0500	1450	Kế toán
1821	26	04	HTC . A 3988	Nguyễn Thị Hương Quỳ	061295	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0425	0450	0600	1500	Kế toán
1822	24	02	DCN . A 17141	Đặng Thị Hoat	190294	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0525	0550	0375	1450	Kế toán
1823	24	06	DDL . D1 11646	Trần Thị Hoa	150694	1	Hà Nam		2NT	24	06	D340301	0650	0550	0250	1450	Kế toán
1824	30	10	KTA . A 5994	Nguyễn Thị Hà	260595	1	Hà Tĩnh		2	30	01	D340301	0475	0325	0550	1350	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1825	24	51	QHT . A 2203	Nguyễn Thị Thanh Gian	140495	1	Hà Nam	06	2NT	24	05	D340301	0525	0475	0375	1400	Kế toán
1826	99	99	TMA . A 7361	Hoàng Thị Nga	080794	1	Hung Yên		2NT	22	03	D340301	0650	0650	0350	1650	Kế toán
1827	26	03	MDA . A 7432	Nguyễn Xuân Thuỷ	160995	0	Thái Bình		2	26	01	D340301	0350	0450	0600	1400	Kế toán
1828	26	54	BKA . A 6574	Nguyễn Thuỷ Linh	250495	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340301	0525	0450	0725	1700	Kế toán
1829	26	04	TMA . A 4545	Đặng Thị Thu Huyền	091195	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0550	0450	0575	1600	Kế toán
1830	18	12	LDA . D1 20489	Đặng Đức Hoạt	220295	0	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0475	0275	0700	1450	Kế toán
1831	19	14	LDA . A 5368	Bùi Thị Thúy Vân	190595	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340301	0650	0525	0500	1700	Kế toán
1832	18	13	DNV . D1 7774	Đỗ Thu Thuỷ	051295	1	Bắc Giang		2	18	05	D340301	0625	0350	0725	1700	Kế toán
1833	99	99	DCN . A 22984	Nguyễn Thị Linh	190494	1	Nghệ An	06	2NT	29	14	D340301	0450	0425	0425	1300	Kế toán
1834	29	02	QHL . D1 7908	Đào Văn Anh	120495	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0600	0700	0375	1700	Kế toán
1835	29	01	NHH . A 5658	Bùi Thị Hải Lý	060894	1	Nghệ An		2NT	29	14	D340301	0475	0475	0675	1650	Kế toán
1836	26	04	SPH . A 821	Lại Thị Phương Hoà	150795	1	Thái Bình		2	26	06	D340301	0575	0550	0675	1800	Kế toán
1837	26	04	KHA . A 3232	Bùi Thị Thu Hoài	200895	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0375	0675	0650	1700	Kế toán
1838	18	12	BVH . A 2558	Hoàng Tiến Nam	151295	0	Bắc Giang		1	18	04	D340301	0500	0375	0550	1450	Kế toán
1839	28	84	LPH . A 5255	Lê Thị Mỹ Linh	300495	1	Thanh Hoá		2NT	28	25	D340301	0650	0625	0750	2050	Kế toán
1840	26	41	TMA . D1 21567	Nguyễn Thị Huệ	190795	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0575	0350	0650	1600	Kế toán
1841	22	39	NHH . A 2603	Phạm Thị Thanh Loan	070895	1	Hung Yên		2NT	22	06	D340301	0650	0500	0575	1750	Kế toán
1842	10	01	TMA . A 8059	Nguyễn Yến Nhi	121095	1	Lạng Sơn	01	1	10	01	D340301	0425	0525	0325	1300	Kế toán
1843	10	01	LPH . D1 11703	Nguyễn Diệu Linh	220895	1	Lạng Sơn		1	10	01	D340301	0500	0550	0450	1500	Kế toán
1844	24	13	LDA . D1 18338	Nguyễn Thị Lan Anh	070895	1	Hà Nam		2	24	05	D340301	0600	0325	0650	1600	Kế toán
1845	24	00	ANH . D1 7677	Lê Hương Giang	180795	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0675	0300	0550	1550	Kế toán
1846	26	19	TMA . A 216	Bùi Thị Ngọc Anh	010195	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0450	0675	0675	1800	Kế toán
1847	24	35	LPH . A 4097	Hoàng Hải Yến	210195	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0450	0400	0600	1450	Kế toán
1848	26	04	NHH . A 705	Trần Thị Dung	201095	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0550	0575	0625	1750	Kế toán
1849	19	16	NHH . A 1391	Nguyễn Thị Hằng	150495	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0225	0550	0625	1400	Kế toán
1850	27	12	QHS . A 6462	Nguyễn Thị Ngọc	211195	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0525	0525	0650	1700	Kế toán
1851	24	13	LDA . A 4895	Trần Thị Hà Trang	050795	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0550	0525	0550	1650	Kế toán
1852	24	12	LDA . D1 23619	Phạm Hoài Nam Phương	140895	1	Hà Nam	04	2	24	01	D340301	0525	0375	0600	1500	Kế toán
1853	24	01	GHA . A 9066	Phạm Thị Thu	130894	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0425	0550	0650	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1854	29	33	TMA . A 16766	Đào Thị Thanh Tâm	201095	1	Nghệ An		2NT	29	06	D340301	0575	0625	0550	1750	Kế toán
1855	22	49	NHH . A 1635	Đặng Thu Hoài	060695	1	Hung Yên		2NT	22	08	D340301	0450	0525	0550	1550	Kế toán
1856	22	12	MDA . A 7874	Mai Thị Huyền Trang	110695	1	Hung Yên		2	22	01	D340301	0575	0400	0450	1450	Kế toán
1857	21	01	QHF . D1 166	Lê Thị Lan Anh	140994	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0625	0650	0300	1600	Kế toán
1858	26	46	TMA . A 4387	Nguyễn Thị Huệ	170995	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0375	0625	0800	1800	Kế toán
1859	21	42	LPH . A 3697	Đỗ Thị Trang	210995	1	Hải Dương		2NT	21	09	D340301	0525	0550	0650	1750	Kế toán
1860	22	35	TMA . D1 23376	Nguyễn Thị Minh Phượng	040695	1	Hung Yên		2NT	22	05	D340301	0125	0475	0800	1400	Kế toán
1861	29	02	QHL . D1 8194	Nguyễn Ngọc Thái	130295	0	Nghệ An		2	29	01	D340301	0575	0600	0400	1600	Kế toán
1862	25	35	DCN . D1 8097	Phạm Thị Hồng Nhung	160795	1	Nam Định		2NT	25	05	D340301	0500	0450	0500	1450	Kế toán
1863	29	03	HHK . D1 6703	Nguyễn Thị Phương Thảo	220795	1	Nghệ An	06	2	29	01	D340301	0575	0375	0575	1550	Kế toán
1864	13	12	TMA . A 8649	Nguyễn Mai Phương	231095	1	Yên Bái		1	13	03	D340301	0575	0450	0450	1500	Kế toán
1865	26	23	NHF . D1 4188	Nguyễn Thị Hương Liên	230794	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0650	0525	0300	1500	Kế toán
1866	25	59	DMT . A 5672	Ngô Thị Nhan	180895	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0450	0425	0400	1300	Kế toán
1867	25	27	BVH . A 255	Phạm Thị Anh	260295	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0500	0700	0600	1800	Kế toán
1868	21	00	TLA . A 1454	Nguyễn Tiến Đạt	141195	0	Hải Dương		2	21	01	D340301	0375	0500	0500	1400	Kế toán
1869	25	60	DDL . A 5294	Đoàn Thị Quyên	041195	1	Nam Định		2NT	25	08	D340301	0575	0475	0625	1700	Kế toán
1870	25	26	DCN . D1 1996	Đỗ Thị Dinh	170194	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0525	0300	0600	1450	Kế toán
1871	29	02	QHX . D1 8242	Thái Thị Ngọc Trâm	110895	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0675	0675	0425	1800	Kế toán
1872	27	21	QHL . D1 3033	Võ Thị Bích Liên	260395	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0625	0550	0400	1600	Kế toán
1873	27	82	SPH . D1 12304	Phạm Thị Phượng	271095	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0550	0300	0650	1500	Kế toán
1874	30	04	HEH . A 1571	Phạm Quang Thịnh	061195	0	Hà Tĩnh	04	2NT	30	04	D340301	0475	0600	0650	1750	Kế toán
1875	26	47	DCN . D1 2972	Nguyễn Thị Hà	031095	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0650	0275	0500	1450	Kế toán
1876	1B	67	DMT . A 2234	Lê Thị Hậu	260294	1	Hà nội		2NT	1B	27	D340301	0350	0600	0375	1350	Kế toán
1877	29	02	KHA . A 12013	Nguyễn Thị Hải Yến	020595	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0400	0625	0675	1700	Kế toán
1878	23	25	SP2 . A 4170	Bùi Thị Kim Tuyến	030995	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0575	0350	0350	1300	Kế toán
1879	10	01	KMA . A 942	Đỗ Thanh Tùng	030895	0	Lạng Sơn		1	10	01	D340301	0350	0450	0450	1250	Kế toán
1880	22	20	LDA . D1 19670	Trần Thị Hà	100595	1	Hung Yên		2NT	22	03	D340301	0400	0425	0650	1500	Kế toán
1881	27	08	BKA . A 3830	Phạm Thị Thúy Hằng	050894	1	Ninh Bình		2NT	27	08	D340301	0825	0500	0650	2000	Kế toán
1882	22	44	KHA . D1 2523	Đỗ Thu Hương	050794	1	Hung Yên		2NT	22	06	D340301	0500	0400	0750	1650	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1883	26	11	NHH . A 1230	Nguyễn Thị Ngọc Hải	180195	1	Thái Bình		2NT	26	02	D340301	0525	0500	0525	1550	Kế toán
1884	24	12	TMA . A 5894	Lại Thị Liên	200395	1	Hà Nam		2	24	01	D340301	0600	0450	0600	1650	Kế toán
1885	26	24	HCH . A 752	Nguyễn Thị Bích Phương	211095	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0600	0450	0625	1700	Kế toán
1886	26	25	TMA . D1 20496	Đinh Thị Kim Chung	150895	1	Thái Bình		2NT	26	04	D340301	0600	0350	0750	1700	Kế toán
1887	29	79	GTS . A 13863	Nguyễn Văn Xuân	100595	0	Nghệ An		2NT	29	15	D340301	0375	0600	0550	1550	Kế toán
1888	26	53	TMA . A 11382	Bùi Thị Trang	120195	1	Thái Bình		2NT	26	08	D340301	0525	0525	0475	1550	Kế toán
1889	29	79	HCP . A 1234	Võ Thị Thu Hương	150895	1	Nghệ An		2NT	29	15	D340301	0525	0450	0450	1450	Kế toán
1890	24	43	LDA . A 1988	Trần Thị Thu Huyền	170695	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0550	0650	0500	1700	Kế toán
1891	26	39	GHA . A 2937	Vũ Thị Hà	181095	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0450	0425	0450	1350	Kế toán
1892	28	68	TMA . A 1566	Lại Thị Dung	020895	1	Thanh Hoá		2NT	28	01	D340301	0450	0475	0750	1700	Kế toán
1893	27	51	TMA . D1 21349	Bùi Mai Hoa	011195	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0700	0250	0600	1550	Kế toán
1894	26	39	DCN . A 4504	Phạm Thị Lan Anh	060895	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0425	0375	0575	1400	Kế toán
1895	26	46	GHA . A 6823	Trần Thị Ngọc	301195	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0475	0250	0600	1350	Kế toán
1896	26	46	DMT . A 4422	Phạm Thị Khánh Linh	240795	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0425	0550	0600	1600	Kế toán
1897	25	31	NHF . D1 6389	Trần Thị Nhung	201095	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0650	0500	0400	1550	Kế toán
1898	18	12	TMA . A 2265	Nguyễn Trung Đức	120695	0	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0550	0250	0850	1650	Kế toán
1899	27	51	VHH . D1 3591	Nguyễn Thị Lan Hương	260895	1	Ninh Bình		2NT	27	05	D340301	0500	0275	0600	1400	Kế toán
1900	18	11	TMA . D1 21928	Hoàng Thị Hường	110995	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0700	0400	0600	1700	Kế toán
1901	18	00	DQK . D1 3522	Lê Thu Thảo	090993	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0450	0400	0700	1550	Kế toán
1902	28	87	DMT . A 7124	Lê Thị Thảo	120495	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	25	D340301	0400	0550	0350	1300	Kế toán
1903	28	73	QHX . A 2316	Hoàng Thị Hà	121295	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	22	D340301	0475	0600	0550	1650	Kế toán
1904	26	04	TMA . A 4122	Quách Thị Hôn	200396	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0625	0450	0525	1600	Kế toán
1905	26	32	NHF . D1 793	Trần Thị Hoài Anh	180995	1	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0750	0550	0400	1700	Kế toán
1906	26	00	NHF . D1 9857	Đoàn Thị Yến	240692	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0450	0625	0325	1400	Kế toán
1907	1A	77	LDA . A 4709	Ngô Văn Tinh	151095	0	Hà nội		2	1A	13	D340301	0550	0650	0475	1700	Kế toán
1908	29	01	HCH . A 1306	Nguyễn Thị Thanh Mai	181094	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0575	0550	0500	1650	Kế toán
1909	28	66	HCP . A 765	Phạm Như Quỳnh	090495	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340301	0475	0525	0475	1500	Kế toán
1910	26	41	TMA . A 3615	Lại Thị Thu Hiền	150695	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0425	0550	0475	1450	Kế toán
1911	25	04	KHA . D1 5842	Nguyễn Thu Trang	051295	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0700	0350	0700	1750	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Nganh	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1912	27	62	DCN . D1 7025	Phạm Quang Minh	010695	0	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0650	0375	0400	1450	Kế toán
1913	09	27	TMA . A 5853	Lê Thị Nhật Lệ	240995	1	Tuyên Quang	01	1	09	06	D340301	0450	0475	0550	1500	Kế toán
1914	27	12	BAK . D1 1199	Nguyễn Thị Thuý	270995	1	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0650	0550	0600	1800	Kế toán
1915	18	13	HVQ . D1 964	Nguyễn Thị Dung	050895	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0500	0575	0300	1400	Kế toán
1916	25	00	ANH . A 576	Vũ Hoàng Dương	011195	0	Nam Định		2NT	25	03	D340301	0750	0550	0650	1950	Kế toán
1917	19	11	TMA . A 3314	Nguyễn Thị Thu Hằng	271095	1	Bắc Ninh		2NT	19	07	D340301	0600	0650	0550	1800	Kế toán
1918	28	57	LPH . A 5116	Trần Mỹ Linh	031295	1	Thanh Hoá		2NT	28	17	D340301	0550	0600	0750	1900	Kế toán
1919	1A	77	SPH . D1 13971	Nguyễn Kim Huệ	301295	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0600	0250	0750	1600	Kế toán
1920	28	31	TGC . D1 6570	Lê Thùy Linh	250295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0575	0375	0750	1700	Kế toán
1921	03	59	DDL . A 7979	Phạm Thị Thùy Dương	100995	1	Hải Phòng		2	03	10	D340301	0500	0550	0675	1750	Kế toán
1922	03	36	DDL . D1 12631	Trịnh Thị Mai Phương	200695	1	Hải Phòng		2	03	07	D340301	0650	0675	0425	1750	Kế toán
1923	19	13	DCN . D1 7672	Nguyễn Bích Ngọc	240295	1	Bắc Ninh		2	19	01	D340301	0600	0475	0275	1350	Kế toán
1924	29	02	LPH . A 5354	Hồ Hoàng Hương	131195	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0725	0650	0725	2100	Kế toán
1925	16	51	DDL . A 3830	Dương Thị Linh	151195	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	05	D340301	0525	0550	0650	1750	Kế toán
1926	99	99	SP2 . A 3801	Ngô Thị Thu Thủy	061194	1	Hà nội		2	1A	13	D340301	0525	0425	0400	1350	Kế toán
1927	28	21	TMA . A 9224	Lý Thị Quỳnh	230594	1	Thanh Hoá		2NT	28	21	D340301	0475	0575	0650	1700	Kế toán
1928	26	00	DCN . D1 6882	Vũ Thị Tuyết Mai	050894	1	Thái Bình		2NT	26	05	D340301	0500	0400	0500	1400	Kế toán
1929	99	99	TDV . A 4550	Lê Thị Nhật Linh	280394	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	17	D340301	0725	0375	0225	1350	Kế toán
1930	03	08	TMA . D1 25065	Khoa Thị Phương Hà	210795	1	Hải Phòng		3	03	03	D340301	0425	0575	0750	1750	Kế toán
1931	28	30	QHX . A 5093	Lương Khánh Linh	121095	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0675	0550	0450	1700	Kế toán
1932	21	C1	DDL . D1 12713	Vũ Phương Trang	031095	1	Hải Dương		2	21	01	D340301	0525	0550	0325	1400	Kế toán
1933	26	08	XDA . A 3653	Vũ Văn Thành	150994	0	Thái Bình		2NT	26	02	D340301	0275	0425	0750	1450	Kế toán
1934	99	99	DMT . A 2207	Lê Thị Hạnh	010295	1	Thanh Hoá		2NT	28	24	D340301	0500	0375	0550	1450	Kế toán
1935	25	50	MDA . A 3471	Đoàn Thị Huyền	271095	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0375	0400	0625	1400	Kế toán
1936	03	59	THP . A 702	Nguyễn Hải Hà	230195	1	Hải Phòng		2	03	10	D340301	0450	0500	0450	1400	Kế toán
1937	03	28	HHH . D1 890	Trần Thị Bích Ngọc	091195	1	Hải Phòng		3	03	02	D340301	0550	0450	0575	1600	Kế toán
1938	17	57	TMA . A 14736	Nguyễn Thị Thảo	060195	1	Quảng Ninh		1	17	10	D340301	0425	0550	0475	1450	Kế toán
1939	30	17	HQT . D1 2675	Hoàng Thị Thùy	140195	1	Hà Tĩnh		1	30	06	D340301	0400	0350	0750	1500	Kế toán
1940	15	02	DCN . D1 7831	Hà ánh Nguyệt	300695	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0375	0400	0600	1400	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1941	18	11	BKA . D1 523	Hoàng Thanh Huyền	130595	1	Bắc Giang		2	18	01	D340301	0675	0450	0700	1850	Kế toán
1942	24	33	NNH . A 13531	Lê Thị Thùy Trang	260695	1	Hà Nam		2NT	24	03	D340301	0500	0450	0400	1350	Kế toán
1943	12	14	LPH . D1 11860	Phạm Thị Thu Trang	010295	1	Thái Nguyên		2	12	01	D340301	0600	0450	0700	1750	Kế toán
1944	27	06	DCN . A 27475	Vũ Thị Ngà	280794	1	Ninh Bình		1	27	06	D340301	0300	0525	0500	1350	Kế toán
1945	17	57	BKA . D1 1485	Phạm Thị Hằng	251094	1	Quảng Ninh		1	17	10	D340301	0500	0375	0525	1400	Kế toán
1946	21	00	TMA . A 8704	Nguyễn Thị Phương	220895	1	Hải Dương		2NT	21	06	D340301	0525	0550	0375	1450	Kế toán
1947	15	23	DCN . A 32580	Phùng Thị Sáng	120495	1	Phú Thọ		1	15	05	D340301	0425	0400	0450	1300	Kế toán
1948	24	52	NHF . A 769	Phạm Thị Nga	020995	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0525	0575	0600	1700	Kế toán
1949	19	26	XDA . A 2217	Ngô Thị Hoa	081095	1	Bắc Ninh		2NT	19	02	D340301	0325	0600	0450	1400	Kế toán
1950	13	03	DNV . D1 6872	Trần Thị Thảo Linh	240495	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0450	0300	0500	1250	Kế toán
1951	15	00	DCN . D1 2855	Trần Thị Việt Hà	210494	1	Phú Thọ		1	15	03	D340301	0575	0425	0450	1450	Kế toán
1952	29	02	LDA . A 6050	Nguyễn Mỹ Linh	090495	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0650	0550	0450	1650	Kế toán
1953	29	91	NNH . A 17123	Nguyễn Đình Tài	220894	0	Nghệ An	04	2NT	29	18	D340301	0300	0450	0375	1150	Kế toán
1954	26	39	TMA . A 7674	Hoàng Thị Hồng Ngọc	171295	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0600	0575	0600	1800	Kế toán
1955	26	00	TMA . A 11769	Phạm Thị Huyền Trang	220594	1	Thái Bình		2	26	01	D340301	0675	0525	0475	1700	Kế toán
1956	29	01	NHH . A 5614	Trịnh Thị Thúy Kiều	161194	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0375	0550	0700	1650	Kế toán
1957	26	04	DMT . A 4549	Phạm Thị Xuân Loan	210395	1	Thái Bình	06	2	26	01	D340301	0300	0350	0500	1150	Kế toán
1958	17	07	NHH . A 5354	Nguyễn Phương Thảo	310395	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0425	0550	0500	1500	Kế toán
1959	25	10	LAH . A 2857	Trần Ngọc Minh	220995	0	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0600	0550	0500	1650	Kế toán
1960	29	02	KSA . A 7329	Ngân Thị Hà Dung	280895	1	Nghệ An	01	2	29	01	D340301	0450	0325	0450	1250	Kế toán
1961	17	57	SPH . A 18568	Nguyễn Thị Hằng	270895	1	Quảng Ninh		1	17	10	D340301	0575	0525	0550	1650	Kế toán
1962	22	24	TMA . A 10722	Trương Thị Thuý	200794	1	Hưng Yên		2NT	22	03	D340301	0450	0450	0675	1600	Kế toán
1963	19	21	TMA . A 7979	Nguyễn Thanh Nhân	311095	1	Bắc Ninh		2NT	19	06	D340301	0600	0575	0550	1750	Kế toán
1964	28	30	TMA . A 11462	Lương Thùy Trang	051295	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0625	0550	0550	1750	Kế toán
1965	03	31	THP . D1 7225	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	230694	1	Hải Phòng		3	03	05	D340301	0575	0300	0500	1400	Kế toán
1966	28	30	LPH . A 4980	Lê Phương Thảo	250895	1	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0500	0650	0725	1900	Kế toán
1967	17	57	MDA . A 9446	Vũ Minh Hằng	220995	1	Quảng Ninh		1	17	10	D340301	0425	0350	0500	1300	Kế toán
1968	09	11	DMT . A 3057	Vũ Thị Huệ	060995	1	Tuyên Quang		1	09	01	D340301	0375	0600	0550	1550	Kế toán
1969	13	03	QHF . D1 4605	Phạm Thị Nhung	200495	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0625	0500	0425	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1970	25	71	DCN . D1 6711	Phạm Thị Mười Lý	010395	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0575	0425	0400	1400	Kế toán
1971	28	00	HCB . A 1736	Nguyễn Thị Trang	270395	1	Thanh Hoá		2NT	28	19	D340301	0550	0525	0550	1650	Kế toán
1972	24	24	DCN . D1 11686	Nguyễn Minh Tuyết	060295	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0600	0525	0450	1600	Kế toán
1973	28	05	DKH . A 1800	Đỗ Thị Loan	180694	1	Thanh Hoá		1	28	05	D340301	0525	0450	0475	1450	Kế toán
1974	28	18	QHL . A 8863	Nguyễn Thị Diệu Thùy	171195	1	Thanh Hoá		2NT	28	18	D340301	0600	0500	0450	1550	Kế toán
1975	24	00	ANH . A 880	Nguyễn Thị Thu Hà	260995	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0575	0450	0650	1700	Kế toán
1976	28	63	TMA . A 7988	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	051195	1	Thanh Hoá	06	2NT	28	19	D340301	0425	0550	0550	1550	Kế toán
1977	25	50	DDL . D1 11495	Trần Vũ Ngọc Hà	261195	1	Nam Định		2NT	25	07	D340301	0625	0575	0350	1550	Kế toán
1978	29	02	LDA . A 6063	Phan Thị Sao Mai	090295	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0450	0550	0375	1400	Kế toán
1979	24	52	DMT . A 4162	Phạm Thu Liên	270795	1	Hà Nam		2NT	24	05	D340301	0450	0350	0700	1500	Kế toán
1980	19	16	SP2 . A 4242	Lê Thị Quỳnh Uyên	051195	1	Bắc Ninh		2	19	05	D340301	0675	0550	0550	1800	Kế toán
1981	24	22	TMA . A 5087	Lê Thị Hương	280995	1	Hà Nam		2NT	24	02	D340301	0575	0525	0325	1450	Kế toán
1982	25	85	VHH . D1 4307	Vũ Thị Quỳnh	251095	1	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0475	0275	0800	1550	Kế toán
1983	21	32	TMA . A 4409	Phạm Thị Huệ	190395	1	Hải Dương		2NT	21	05	D340301	0700	0575	0425	1700	Kế toán
1984	07	01	DMT . A 5276	Trần Thị Nga	040695	1	Lai Châu		1	07	01	D340301	0450	0525	0450	1450	Kế toán
1985	99	99	TGC . D1 7574	Nguyễn Ngọc Phương Q	301195	1	Ninh Bình	06	2NT	27	07	D340301	0725	0300	0500	1550	Kế toán
1986	27	72	QHS . A 2825	Phạm Thị Hằng	200895	1	Ninh Bình		2NT	27	07	D340301	0700	0650	0650	2000	Kế toán
1987	29	25	QHT . A 16354	Đậu Thị Khánh Huyền	261295	1	Nghệ An		1	29	20	D340301	0650	0500	0450	1600	Kế toán
1988	62	02	TMA . A 8346	Dương Thị Kiều Oanh	160995	1	Điện Biên		1	62	03	D340301	0500	0550	0650	1700	Kế toán
1989	29	14	NNH . A 16695	Nguyễn Thị Linh	160995	1	Nghệ An		2	29	02	D340301	0475	0350	0600	1450	Kế toán
1990	29	87	TDV . A 2729	Lê Thị Thu Hiền	260795	1	Nghệ An		2NT	29	17	D340301	0575	0450	0675	1700	Kế toán
1991	11	19	QHL . D1 3618	Hoàng Diệu Ly	271195	1	Bắc Cạn		1	11	01	D340301	0650	0700	0625	2000	Kế toán
1992	21	28	TMA . A 8388	Nguyễn Thị Kiều Oanh	250995	1	Hải Dương		1	21	04	D340301	0450	0400	0650	1500	Kế toán
1993	17	15	TMA . A 14046	Quách Châu Anh	280195	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0575	0550	0500	1650	Kế toán
1994	28	00	HCB . A 749	Lê Thị Huyền	170394	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340301	0300	0525	0450	1300	Kế toán
1995	29	01	NHH . A 5812	Phạm Thị Trang	080394	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0575	0500	0550	1650	Kế toán
1996	62	02	QHF . D1 1892	Phạm Thị Hiền	070295	1	Điện Biên		1	62	01	D340301	0600	0675	0650	1950	Kế toán
1997	1B	52	TLA . A 3417	Nguyễn Thị Hường	050695	1	Hà nội		2NT	1B	25	D340301	0475	0500	0350	1350	Kế toán
1998	28	71	DMT . A 7653	Trần Diệu Thùy	171195	1	Thanh Hoá		2NT	28	21	D340301	0350	0675	0525	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
1999	19	24	DCN . A 28060	Ngô Bảo Ngọc	230395	1	Bắc Ninh		2NT	19	01	D340301	0500	0550	0350	1400	Kế toán
2000	12	14	DTN . D1 5189	Nguyễn Thị Quỳnh Tran	290995	1	Thái Nguyên		2	12	01	D340301	0625	0375	0400	1400	Kế toán
2001	62	01	LPH . D1 12992	Nguyễn Thùy Linh	011195	1	Điện Biên		1	62	09	D340301	0600	0375	0600	1600	Kế toán
2002	09	24	DMT . A 4779	Vũ Thị Ly	160595	1	Tuyên Quang		1	09	05	D340301	0375	0575	0500	1450	Kế toán
2003	24	42	SPH . D1 12751	Dương Thị Minh Huê	060695	1	Hà Nam		2NT	24	04	D340301	0625	0350	0300	1300	Kế toán
2004	19	14	LDA . D1 23227	Nguyễn Thị Nhung	271195	1	Bắc Ninh		2NT	19	08	D340301	0300	0450	0650	1400	Kế toán
2005	24	32	TGC . D1 5641	Nguyễn Thị Hạnh	181195	1	Hà Nam		1	24	03	D340301	0400	0300	0700	1400	Kế toán
2006	26	46	NNH . A 7034	Nguyễn Thị Bích Liên	311295	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0250	0475	0550	1300	Kế toán
2007	23	16	DCN . D1 5489	Dương Thị Hường	191195	1	Hoà Bình	01	1	23	01	D340301	0750	0325	0450	1550	Kế toán
2008	25	03	KHA . A 7471	Đỗ Phương Thảo	200695	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0550	0550	0675	1800	Kế toán
2009	26	46	DMT . A 4422	Phạm Thị Khánh Linh	240795	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0425	0550	0600	1600	Kế toán
2010	29	83	NNH . A 16260	Nguyễn Thị Gái	250894	1	Nghệ An		2	29	16	D340301	0400	0550	0450	1400	Kế toán
2011	28	27	DDL . A 2008	Lê Thị Thu Hà	020395	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0575	0550	0550	1700	Kế toán
2012	26	39	DCN . A 40454	Bùi Thị Thiên Trang	150395	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0575	0475	0500	1550	Kế toán
2013	15	02	TMA . A 13058	Nguyễn Thị Ngọc Yến	261195	1	Phú Thọ		2	15	01	D340301	0525	0650	0500	1700	Kế toán
2014	28	91	DDL . A 4684	Nguyễn Thị Ngọc	281295	1	Thanh Hoá		2NT	28	26	D340301	0600	0450	0650	1700	Kế toán
2015	21	25	NHF . D1 8371	Nguyễn Minh Thư	140995	1	Hải Dương		2NT	21	11	D340301	0800	0625	0375	1800	Kế toán
2016	28	00	CSH . A 2447	Hoàng Minh Tùng	060294	0	Thanh Hoá		1	28	13	D340301	0425	0450	0525	1400	Kế toán
2017	28	95	TMA . A 9832	Đỗ Phương Thảo	190595	1	Thanh Hoá		2NT	28	27	D340301	0500	0525	0575	1600	Kế toán
2018	1B	13	TGC . D1 6993	Phùng Thị ánh Nga	031295	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0350	0275	0650	1300	Kế toán
2019	17	14	SPH . D1 18857	Phạm Thị Hồng Hà	161294	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0625	0450	0700	1800	Kế toán
2020	1B	23	QHL . A 3976	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	150695	1	Hà nội		2NT	1B	19	D340301	0475	0575	0575	1650	Kế toán
2021	28	00	PCH . A 1878	Trần Công Lâm	021195	0	Thanh Hoá		2	28	01	D340301	0650	0450	0650	1750	Kế toán
2022	26	00	DKH . A 2336	Hà Thị Ngọc Oanh	231194	1	Thái Bình		2NT	26	03	D340301	0500	0425	0425	1350	Kế toán
2023	15	16	THV . A 832	Nguyễn Thị Phương Oar	100595	1	Phú Thọ		1	15	03	D340301	0500	0475	0325	1300	Kế toán
2024	12	14	TMA . A 2714	Nguyễn Thu Hà	060195	1	Thái Nguyên		2	12	01	D340301	0500	0475	0525	1500	Kế toán
2025	16	41	DCN . D1 8820	Phùng Thị Kim Quy	130595	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	04	D340301	0675	0350	0400	1450	Kế toán
2026	26	46	DCN . D1 2983	Nguyễn Thị Hà	240295	1	Thái Bình		2NT	26	07	D340301	0600	0375	0400	1400	Kế toán
2027	17	00	THP . D1 6811	Đào Thị Thu Hà	021295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0450	0600	0400	1450	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
2028	03	50	LDA . A 5677	Hoàng Thị Huyền	130295	1	Hải Phòng		2	03	09	D340301	0525	0550	0550	1650	Kế toán
2029	18	35	LDA . A 2753	Trần Thị Loan	200295	1	Bắc Giang		1	18	10	D340301	0400	0550	0450	1400	Kế toán
2030	13	00	ANH . D1 8518	Nguyễn Thị Ngọc Trang	300795	1	Yên Bái	01	1	13	07	D340301	0250	0325	0650	1250	Kế toán
2031	13	16	QHS . D1 745	Lương Thị Chinh	130595	1	Yên Bái		1	13	04	D340301	0325	0700	0400	1450	Kế toán
2032	30	04	VPH . A 552	Trần Xuân Song	120795	0	Hà Tĩnh		2NT	30	04	D340301	0375	0550	0550	1500	Kế toán
2033	17	15	TMA . A 14587	Dương Thị Nhung	280595	1	Quảng Ninh		2	17	02	D340301	0450	0550	0675	1700	Kế toán
2034	1B	29	TMA . A 10020	Nguyễn Thị Thanh Thảo	190795	1	Hà nội		2NT	1B	20	D340301	0425	0550	0525	1500	Kế toán
2035	10	00	PCH . A 1169	Dương Thành Đoàn	311095	0	Lạng Sơn	01	2	10	05	D340301	0500	0525	0500	1550	Kế toán
2036	25	69	DDL . A 989	Đinh Đức Diệp	170395	0	Nam Định		2NT	25	09	D340301	0475	0525	0450	1450	Kế toán
2037	10	02	LPH . D1 11753	Nguyễn Hải Yến	060595	1	Lạng Sơn		1	10	01	D340301	0200	0600	0750	1550	Kế toán
2038	16	01	PCH . A 1371	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	140895	1	Vĩnh Phúc		2NT	16	06	D340301	0550	0550	0500	1600	Kế toán
2039	17	04	KHA . D1 6957	Đặng Huyền Trang	281095	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0350	0275	0700	1350	Kế toán
2040	29	61	QHT . A 16216	Lê Thị Thanh Hào	050195	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340301	0400	0575	0500	1500	Kế toán
2041	15	02	QHF . D1 6188	Đinh Thị Hà Trang	220895	1	Phú Thọ		2	15	10	D340301	0425	0750	0500	1700	Kế toán
2042	29	03	TMA . A 16453	Nguyễn Hà Lê	021295	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0500	0650	0550	1700	Kế toán
2043	22	82	DCN . D1 3456	Nguyễn Thị Thu Hằng	031095	1	Hung Yên		2NT	22	10	D340301	0550	0275	0475	1300	Kế toán
2044	29	70	QHE . A 16264	Thái Thị Hiền	210194	1	Nghệ An		2NT	29	14	D340301	0425	0625	0550	1600	Kế toán
2045	17	04	TGC . D1 8772	Bùi Minh ánh	200695	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0575	0425	0750	1750	Kế toán
2046	29	68	TMA . A 16630	Phạm Thị Cẩm Ngọc	200895	1	Nghệ An		2NT	29	14	D340301	0625	0600	0400	1650	Kế toán
2047	25	77	QHF . D1 3031	Trần Thị Liên	050795	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0650	0650	0575	1900	Kế toán
2048	29	02	LPH . A 5358	Cao Thị Sao Mai	220695	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0350	0625	0475	1450	Kế toán
2049	26	39	MDA . A 4925	Nguyễn Thị Nhật Minh	150995	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0525	0450	0400	1400	Kế toán
2050	28	34	DDL . A 2607	Lại Thị Hoà	290895	1	Thanh Hoá		2	28	02	D340301	0475	0400	0525	1400	Kế toán
2051	1B	15	NNH . A 2921	Nguyễn Thu Hà	240895	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0450	0350	0600	1400	Kế toán
2052	13	24	DMT . A 3581	Nguyễn Thị Diễm Hương	020593	1	Yên Bái		1	13	07	D340301	0550	0425	0650	1650	Kế toán
2053	17	07	BKA . D1 1511	Vũ Thị Hà My	071295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0375	0525	0750	1650	Kế toán
2054	29	03	NHH . A 5835	Nguyễn Thị Quỳnh Trân	250595	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0575	0450	0675	1700	Kế toán
2055	99	99	DMT . A 4506	Trương Thùy Linh	190994	1	Điện Biên		1	62	01	D340301	0325	0425	0475	1250	Kế toán
2056	21	38	VHH . D1 4508	Nguyễn Thị Hoài Thu	101295	1	Hải Dương		2NT	21	09	D340301	0475	0475	0400	1350	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
2057	1B	15	DMT . A 2226	Phùng Thị Ngọc Hân	150995	1	Hà nội		2NT	1B	17	D340301	0500	0475	0450	1450	Kế toán
2058	25	27	TGC . D1 8673	Trần Thị Minh Yên	171095	1	Nam Định		2NT	25	04	D340301	0525	0400	0700	1650	Kế toán
2059	29	04	QHT . A 16892	Nguyễn Thị Quỳnh Trân	041195	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0725	0750	0475	1950	Kế toán
2060	18	35	KHA . D1 6368	Khổng Thị Thảo Vân	190995	1	Bắc Giang		1	18	10	D340301	0700	0450	0700	1850	Kế toán
2061	10	01	DMT . A 5104	Chu Thị Hà My	100795	1	Lạng Sơn	01	1	10	01	D340301	0375	0350	0500	1250	Kế toán
2062	25	75	DDL . D1 12599	Đặng Thị Yến	250295	1	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0600	0525	0350	1500	Kế toán
2063	25	75	LPH . A 4387	Mai Thế Hoàn	190495	0	Nam Định		2NT	25	10	D340301	0575	0550	0600	1750	Kế toán
2064	19	13	NHF . A 1059	Hoàng Thị Thông	121195	1	Bắc Ninh		2	19	02	D340301	0450	0425	0575	1450	Kế toán
2065	13	03	LPH . A 2506	Nguyễn Thùy Dung	120795	1	Yên Bái		1	13	01	D340301	0575	0650	0475	1700	Kế toán
2066	14	21	LPH . A 2687	Nguyễn Trung Kiên	190895	0	Sơn La		1	14	01	D340301	0575	0550	0625	1750	Kế toán
2067	28	00	HCB . A 955	Lê Thị Linh	040595	1	Thanh Hoá		2NT	28	20	D340301	0675	0675	0650	2000	Kế toán
2068	25	00	CSH . D1 20342	Trần Thị Huyền Trang	140695	1	Nam Định		2NT	25	02	D340301	0625	0350	0550	1550	Kế toán
2069	17	04	TGC . D1 8747	Bùi Minh Anh	200695	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0400	0525	0750	1700	Kế toán
2070	27	00	CSH . D1 19873	An Hà Đông Đông	020195	0	Ninh Bình		2	27	01	D340301	0475	0600	0400	1500	Kế toán
2071	29	03	TGC . D1 9098	Giáp Thúy Hằng	010195	1	Nghệ An		2	29	01	D340301	0625	0450	0700	1800	Kế toán
2072	28	00	CSH . A 2217	Lê Thị Hà Trang	190895	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0550	0475	0550	1600	Kế toán
2073	03	42	THP . D1 8040	Phạm Thị Năm	281195	1	Hải Phòng		2	03	08	D340301	0450	0275	0625	1350	Kế toán
2074	1A	68	NHF . D1 15	Đào Ngân An	121195	1	Hà nội		2	1A	09	D340301	0400	0450	0675	1550	Kế toán
2075	08	18	QHL . A 2428	Phạm Diệu Hà	010195	1	Lào Cai		1	08	03	D340301	0475	0250	0525	1250	Kế toán
2076	17	29	LDA . A 5608	Phạm Thị Thùy Dung	140194	1	Quảng Ninh		2	17	03	D340301	0625	0675	0450	1750	Kế toán
2077	25	01	HVQ . D1 942	Trần Thị Hoàng Cúc	140494	1	Nam Định		2	25	01	D340301	0650	0525	0475	1650	Kế toán
2078	1A	19	BKA . A 10129	Nguyễn Duy Thái	121295	0	Hà nội		3	1A	04	D340301	0450	0500	0575	1550	Kế toán
2079	26	39	TMA . D1 21786	Đặng Thị Hương	181095	1	Thái Bình		2NT	26	06	D340301	0650	0400	0600	1650	Kế toán
2080	27	42	KHA . D1 425	Lê Thị Ngọc Anh	050295	1	Ninh Bình		2NT	27	04	D340301	0600	0375	0650	1650	Kế toán
2081	29	62	DQH . A 5295	Đoàn Thị Thanh	101295	1	Nghệ An		2NT	29	12	D340301	0500	0350	0600	1450	Kế toán
2082	27	32	SPH . D1 12929	Nguyễn Thị Linh	040195	1	Ninh Bình		1	27	03	D340301	0600	0350	0700	1650	Kế toán
2083	28	23	TMA . A 8902	Nguyễn Thị Phương	030794	1	Thanh Hoá		2NT	28	23	D340301	0350	0625	0550	1550	Kế toán
2084	17	05	DDL . A 8201	Bùi Thu Thảo	280295	1	Quảng Ninh		2	17	01	D340301	0350	0525	0450	1350	Kế toán
2085	22	39	DNV . D1 6317	Nguyễn Thị Thu Hằng	250595	1	Hung Yên		2NT	22	06	D340301	0600	0300	0650	1550	Kế toán

STT	BTS	DV ĐKDT	Số báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hội khẩu	DT	KV	Tỉnh	Huyện	Mã Ngành	DM1	DM2	DM3	DTC	Ngành Đăng ký xét tuyển
2086	22	27	QHX . D1 3909	Hoàng Thị My	120995	1	Hưng Yên		2NT	22	04	D340301	0500	0650	0225	1400	Kế toán
2087	11	19	LPH . D1 11824	Vũ Anh Tuấn	010395	0	Bắc Cạn		1	11	01	D340301	0300	0250	0675	1250	Kế toán
2088	62	01	LDA . D1 24915	Ngô Thị Thanh Thư	101095	1	Điện Biên		1	62	01	D340301	0575	0375	0450	1400	Kế toán
2089	18	23	DCN . D1 8498	Nguyễn Thu Phương	060395	1	Bắc Giang		2NT	18	06	D340301	0325	0550	0600	1500	Kế toán

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH